

PHỤ LỤC

Danh sách các thông báo về dự thảo và quy định có hiệu lực về SPS của các nước thành viên WTO từ ngày 21/6/2024 đến ngày 20/7/2024

(Ban hành kèm theo Công văn số: /XNK-NS, ngày tháng năm 2024)

A. DANH SÁCH CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS ĐANG XIN Ý KIẾN CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN

STT	Mã WTO	Khu vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
1.	G/SPS/N/THA/232 /Rev.2	TY	Thái Lan	18/7/2024	Dự thảo thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH) số ... B.E. ..., Về điều kiện nhập khẩu thực phẩm có nguy cơ mắc bệnh não xốp ở bò (bệnh bò điên)	Để bảo vệ người tiêu dùng, Bộ Y tế Công cộng(MOPH) đề xuất sửa đổi thông báo MOPH liên quan đến điều kiện nhập khẩu đối với thực phẩm có nguy cơ mắc Bệnh não xốp ở bò (bệnh bò điên). Nội dung của dự thảo như sau: 1. Thông báo MOPH (Số 377) B.E. 2559 (2016) về việc chỉ rõ các yêu cầu và điều kiện nhập khẩu thực phẩm có nguy cơ mắc bệnh não xốp ở bò", ngày 11/7/2016 bị bãi bỏ và được thay thế bằng dự thảo thông báo MOPH này; 2. Phân loại nguy cơ BSE của quần thể bò của một quốc gia, khu vực thành ba loại theo tiêu chí WAOH như sau: - Loại 1: Quốc gia có nguy cơ BSE không đáng kể; - Loại 2: Quốc gia phải kiểm soát nguy cơ BSE; và - Loại 3: Quốc gia có nguy cơ BSE không xác định; Danh sách các quốc gia hoặc khu vực được quy định trong danh sách đính kèm dự thảo thông báo này; 3. Mô tả các định nghĩa về "Thịt", "Thịt tươi" và "Các sản phẩm thịt" giống như được mô tả trong thông báo số 377 của Bộ Y tế và bổ sung định nghĩa về "Trạm kiểm soát nhập khẩu"; 4. Sửa đổi các điều kiện nhập khẩu thịt tươi và các sản phẩm thịt cho người tiêu dùng vào Thái Lan theo tiêu chí WAOH.

						Thông báo này sẽ có hiệu lực sau khi được đăng trên Công báo Hoàng gia.				
2.	G/SPS/N/CAN/1563	ATTP, BVTV	Canada	18/7/2024	Đề xuất mức giới hạn dư lượng tối đa metsulfuron-methyl (PMRL2024-15)	<p>Mục đích của văn bản thông báo PMRL2024-15 nhằm tham khảo về giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với metsulfuron-methyl được Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất, cụ thể:</p> <table border="1"> <tr> <td>MRL (ppm)¹</td> <td>Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến</td> </tr> <tr> <td>0,1</td> <td>Lúa mạch đen (<i>Triticale</i>)</td> </tr> </table> <p>¹ppm= một phần triệu</p>	MRL (ppm) ¹	Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến	0,1	Lúa mạch đen (<i>Triticale</i>)
MRL (ppm) ¹	Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến									
0,1	Lúa mạch đen (<i>Triticale</i>)									
3.	G/SPS/N/CAN/1562	ATTP, BVTV	Canada	18/7/2024	Đề xuất mức giới hạn dư lượng tối đa dimethenamid (PMRL2024-14)	<p>Mục đích của thông báo là để tham vấn về mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với dimethenamid do Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất, cụ thể:</p> <table border="1"> <tr> <td>MRL (ppm)¹</td> <td>Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến</td> </tr> <tr> <td>0,01</td> <td>Củ hành</td> </tr> </table> <p>¹ppm= một phần triệu</p>	MRL (ppm) ¹	Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến	0,01	Củ hành
MRL (ppm) ¹	Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến									
0,01	Củ hành									
4.	G/SPS/N/AUS/591	ATTP, BVTV	Úc	18/7/2024	Dự thảo sửa đổi Phụ lục 20 của Luật Tiêu chuẩn thực phẩm Úc và Niu Di-lân	<p>Dự thảo sửa đổi Luật Tiêu chuẩn thực phẩm Úc và Niu Di-lân, điều chỉnh mức giới hạn tối đa tồn dư (MRL) đối với các hóa chất trong nông nghiệp và thú y phù hợp với các quy định quốc gia khác đảm bảo sử dụng hóa chất an toàn, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cyazofamid, 2,4-D, emamectin, flonicamid, fluopyram, fluxapyroxad, isocycloseram, mesotrione, methoxyfenozide, metolachlor, metribuzin and quinoxifen trong sản phẩm có nguồn gốc thực vật; - Mefentrifluconazole trong sản phẩm có nguồn gốc động. 				

						<p>Dự thảo tăng MRL đối với 2,4 -D trong quả óc chó từ 0,05mg/kg lên 0,2 mg/kg, việc này được cho là tạo thuận lợi thương mại vì Codex, EU, và Mỹ đều thiết lập mức MRL đối với các loại hạt ở mức 0,2 mg/kg. Vì vậy không cần phải có thời gian tham vấn.</p> <p>Dự thảo cũng bổ sung thêm MRL đối với fluopyram trên củ và các loại thân củ: 0,2 mg/kg, khoai lang: 0,02 mg/kg.</p>									
5.	G/SPS/N/CHL/796	BVTV	Chi-lê	17/7/2024	<p>Sửa đổi Nghị quyết số 655 ngày 24/01/2024, thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với nguyên liệu thực vật nhân giống như nuôi cấy mô trong ống nghiệm (in vitro), các giống và loài ăn quả, rau, cây công nghiệp, cây cảnh và cây lâm nghiệp</p>	<p>Nghị quyết số 655 năm 2024, thiết lập các yêu cầu đối với việc nhập khẩu nguyên liệu thực vật làm nuôi cấy mô trong ống nghiệm (in vitro) vào Chi-lê, được sửa đổi như sau: Phần 5.3.1 GENERA/LOẠI TRÁI CÂY.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>loài</th> <th>Tuyên bố bổ sung</th> <th>Loại kiểm dịch</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><i>Sambucus nigra</i></td> <td>Cây có nguồn gốc từ cây mẹ đã được kiểm tra và phân tích (nêu cụ thể phương pháp chẩn đoán) vào thời điểm tối ưu để phát hiện sâu bệnh và không phát hiện <i>Blueberry scorch virus</i>, <i>Cherry leafroll virus</i>, <i>Cherry rasp leaf virus</i>, <i>Tobacco necrosis virus</i>, <i>Tomato black ring virus</i>, <i>Tomato bushy stunt virus</i> hoặc <i>Xylella fastidiosa</i>.</td> <td>Cách ly trong ống nghiệm và Cách ly ngoài ống nghiệm</td> </tr> <tr> <td><i>Monstera</i> spp.</td> <td>Không có tuyên bố bổ sung</td> <td>Không cần cách ly</td> </tr> </tbody> </table> <p>Để biết thêm chi tiết, hãy xem lại tài liệu đính kèm thông báo này tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/CHL/24_04612_00_s.pdf</p>	loài	Tuyên bố bổ sung	Loại kiểm dịch	<i>Sambucus nigra</i>	Cây có nguồn gốc từ cây mẹ đã được kiểm tra và phân tích (nêu cụ thể phương pháp chẩn đoán) vào thời điểm tối ưu để phát hiện sâu bệnh và không phát hiện <i>Blueberry scorch virus</i> , <i>Cherry leafroll virus</i> , <i>Cherry rasp leaf virus</i> , <i>Tobacco necrosis virus</i> , <i>Tomato black ring virus</i> , <i>Tomato bushy stunt virus</i> hoặc <i>Xylella fastidiosa</i> .	Cách ly trong ống nghiệm và Cách ly ngoài ống nghiệm	<i>Monstera</i> spp.	Không có tuyên bố bổ sung	Không cần cách ly
loài	Tuyên bố bổ sung	Loại kiểm dịch													
<i>Sambucus nigra</i>	Cây có nguồn gốc từ cây mẹ đã được kiểm tra và phân tích (nêu cụ thể phương pháp chẩn đoán) vào thời điểm tối ưu để phát hiện sâu bệnh và không phát hiện <i>Blueberry scorch virus</i> , <i>Cherry leafroll virus</i> , <i>Cherry rasp leaf virus</i> , <i>Tobacco necrosis virus</i> , <i>Tomato black ring virus</i> , <i>Tomato bushy stunt virus</i> hoặc <i>Xylella fastidiosa</i> .	Cách ly trong ống nghiệm và Cách ly ngoài ống nghiệm													
<i>Monstera</i> spp.	Không có tuyên bố bổ sung	Không cần cách ly													

6.	G/SPS/N/CAN/1561	ATTP	Canada	17/7/2024	Sửa đổi danh mục chất ngọt được phép sử dụng, mở rộng việc sử dụng sucralose	Tổng cục Thực phẩm và Dinh dưỡng của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với phụ gia thực phẩm sucralose trong các chế phẩm protein dạng lỏng được sử dụng dưới sự giám sát y tế và cho người tiêu dùng từ 18 tuổi trở lên. Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường là an toàn. Do đó, Bộ Y tế Canada đã sửa đổi Danh sách chất làm ngọt được phép (mở rộng cho phép sử dụng sucralose), có hiệu lực từ ngày 11/ 7/2024.
7.	G/SPS/N/ALB/208	BVTV	An-ba-ni	17/7/2024	Sửa đổi “Luật 15/2022 bổ sung, sửa đổi của Luật số 105/2016 Về bảo vệ thực vật”	Luật số 105/2016 về Bảo vệ Thực vật có hai vấn đề chính, đó là sức khỏe thực vật và các sản phẩm bảo vệ thực vật. Các sửa đổi chỉ điều chỉnh liên quan đến sức khỏe thực vật. Luật này cho phép điều chỉnh hoàn toàn hoặc một phần để phù hợp với quy định của EU trong lĩnh vực này thông qua các quy định dưới luật. Kể từ ngày 14/12/2019, luật mới của EU trong lĩnh vực này đã có hiệu lực, việc phê duyệt luật cho phép nhà sản xuất và doanh nghiệp thực hiện được việc đăng ký hoạt động trong lãnh thổ của An-ba-ni liên quan đến thực vật, sản phẩm thực vật và các đối tượng khác, giúp hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để thực hiện Hộ chiếu Thực vật.
8.	G/SPS/N/ALB/207	BVTV	An-ba-ni	17/7/2024	Chỉ thị số 113 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 15/3/2022 về việc phê duyệt các biện pháp bảo vệ thực vật chống lại sinh vật gây hại trên lãnh thổ An-ba-ni	Mục đích của quy định là ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan của dịch hại kiểm dịch (quarantine pests) và dịch hại không thuộc diện kiểm dịch (non-quarantine pests) trên lãnh thổ An-ba-ni, nhằm bảo vệ tốt nhất có thể đối với thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể khác thuộc phạm vi kiểm soát kiểm dịch thực vật.
9.	G/SPS/N/UKR/224	ATTP	Ucraina	12/7/2024	Dự thảo “Sửa đổi Luật của Ucraina về cải thiện quy	Dự thảo "Sửa đổi Luật của Ucraina về cải thiện quy định sản xuất và lưu thông thực phẩm bổ sung"; đưa ra định

					<p>định sản xuất và lưu thông thực phẩm bổ sung"</p> <p>nghĩa mới về thuật ngữ "thực phẩm bổ sung"; thiết lập quy trình việc đưa thực phẩm bổ sung vào lưu thông; quy định thẩm quyền của Bộ Y tế Ukraina trong việc phê duyệt danh sách các vitamin và khoáng chất cũng như các chất khác; liều lượng tối đa được phép sử dụng trong thực phẩm bổ sung và trách nhiệm đối với việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm bổ sung không đạt yêu cầu.</p> <p>Dự thảo Luật đưa ra những yêu cầu cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Việc đưa thực phẩm bổ sung lần đầu vào lưu thông trên thị trường phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền bằng cách gửi thông báo ít nhất mười ngày làm việc; • Thực phẩm bổ sung bán cho người tiêu dùng phải dưới dạng đóng gói sẵn; • Chỉ những vitamin, chất khoáng trong danh mục được phép sử dụng mới được phép sử dụng để sản xuất thực phẩm bổ sung và phải tuân thủ liều lượng tối đa cho phép do Bộ Y tế Ukraina phê duyệt. <p>Thực phẩm bổ sung đáp ứng các yêu cầu của quy định cũ vẫn có thể được nhập khẩu vào Ukraina trong vòng một năm kể từ ngày Luật có hiệu lực.</p>																		
10.	G/SPS/N/EU/787	ATTP, TY, BVTV	Liên minh Châu Âu	12/7/2024	<p>Dự thảo sửa đổi Phụ lục II Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về mức dư lượng tối đa đối với acetamiprid trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định</p> <p>Dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) đối với acetamiprid trong một số mặt hàng thực phẩm, MRL của chất này trong một số mặt hàng nhất định được hạ xuống. Cụ thể một số MRL trong sản phẩm có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Sản phẩm</th> <th>Mức MRL cũ (ppm)</th> <th>Mức MRL mới (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Chuối</td> <td>0,4</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Dưa chuột</td> <td>0,3</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>Bí xanh</td> <td>0,3</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>Dưa (Melons)</td> <td>0,2</td> <td>0,08</td> </tr> <tr> <td>Bí ngô</td> <td>0,2</td> <td>0,08</td> </tr> </tbody> </table>	Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)	Chuối	0,4	0,01	Dưa chuột	0,3	0,05	Bí xanh	0,3	0,05	Dưa (Melons)	0,2	0,08	Bí ngô	0,2	0,08
Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)																					
Chuối	0,4	0,01																					
Dưa chuột	0,3	0,05																					
Bí xanh	0,3	0,05																					
Dưa (Melons)	0,2	0,08																					
Bí ngô	0,2	0,08																					

						<table border="1"> <tr> <td>Dưa hấu</td> <td>0,2</td> <td>0,08</td> </tr> <tr> <td>Súp lơ (trắng, xanh)</td> <td>0,4</td> <td>0,06</td> </tr> <tr> <td>Cải bắp</td> <td>0,4</td> <td>0,03</td> </tr> <tr> <td>Rau cải bó xôi</td> <td>0,6</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Măng tây</td> <td>0,8</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Cà chua</td> <td>0,5</td> <td>0,06</td> </tr> <tr> <td>Ớt chuông/ ớt ngọt</td> <td>0,3</td> <td>0,09</td> </tr> </table> <p><i>Tại Việt Nam, hoạt chất acetamiprid được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với trên 40 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</i></p>	Dưa hấu	0,2	0,08	Súp lơ (trắng, xanh)	0,4	0,06	Cải bắp	0,4	0,03	Rau cải bó xôi	0,6	0,01	Măng tây	0,8	0,01	Cà chua	0,5	0,06	Ớt chuông/ ớt ngọt	0,3	0,09
Dưa hấu	0,2	0,08																									
Súp lơ (trắng, xanh)	0,4	0,06																									
Cải bắp	0,4	0,03																									
Rau cải bó xôi	0,6	0,01																									
Măng tây	0,8	0,01																									
Cà chua	0,5	0,06																									
Ớt chuông/ ớt ngọt	0,3	0,09																									
11.	G/SPS/N/TUR/23/Rev.1 /Add.1	BVTV	Thổ Nhĩ Kỳ	11/7/2024	Quy định về kiểm dịch thực vật	Dự thảo trong thông báo G/SPS/N/TUR/23/Rev.1 về “Quy định kiểm dịch thực vật” được kéo dài thêm 30 ngày lấy ý kiến. Ngày lấy ý kiến được gian hạn đến ngày 3/9/2024.																					
12.	G/SPS/N/CHN/1314	BVTV	Trung Quốc	11/7/2024	Biện pháp giám sát, quản lý kiểm dịch dược liệu nhập và xuất khẩu	<p>Nội dung dự thảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> Quy định phạm vi các loại dược liệu nhập khẩu và xuất khẩu; Quy định việc đăng ký đơn vị sản xuất, chế biến, bảo quản ở nước ngoài; các doanh nghiệp sản xuất ở ngoài nước phải đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn của quốc gia hoặc khu vực xuất khẩu; Quy định các yêu cầu của Tổng cục Hải quan về phân tích rủi ro sản phẩm của các quốc gia hoặc khu vực đã tiếp tục xuất khẩu dược liệu sang Trung Quốc cho lần đầu tiên hoặc sau thời gian tạm dừng, và bổ sung các điều kiện tiếp tục hoạt động sau thời gian tạm dừng; Tùy theo tình hình ngăn chặn dịch bệnh tại cảng hoặc diễn biến tình hình dịch bệnh ở nước ngoài, có thể tiến hành rà soát lại các loại dược liệu đã được phép nhập 																					

						cảnh trong nước và các quốc gia tương ứng hoặc các khu vực xuất xứ.
13.	G/SPS/N/CHN/1313	TY	Trung Quốc	11/7/2024	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia: Thịt đã được nấu chín	<p>Dự thảo Tiêu chuẩn GB 2726-XXXX thay thế cho tiêu chuẩn GB 2726-2016 áp dụng đối với thịt đã được nấu chín. Tiêu chuẩn mới này có một số thay đổi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi điều chỉnh; - Các thuật ngữ và định nghĩa; - Các yêu cầu kỹ thuật; - Giới hạn vi sinh vật. <p>Và một số yêu cầu khác được bổ sung.</p>
14.	G/SPS/N/CHN/1312	ATTP, BVTV, TY, CLCB	Trung Quốc	11/7/2024	Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của P.R.C.: Quy tắc thực hành nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm chì trong thực phẩm.	<p>Dự thảo Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của P.R.C.: Quy tắc thực hành nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm chì trong thực phẩm, một số lưu ý của dự thảo như sau:</p> <p>Đối với sản xuất nguyên liệu thực phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước tưới nông nghiệp phải tuân thủ các yêu cầu của GB 5084; - Nước sử dụng cho chăn nuôi thủy sản phải tuân thủ các yêu cầu của GB 11607; - Hàm lượng chì trong phân bón phải tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia như GB 38400 và các quy định liên quan; - Đất dùng để trồng nguyên liệu thực vật làm thực phẩm phải tuân thủ các yêu cầu của GB 15618. Các nhà máy, đường sá, trường bán bị nhiễm chì, v.v. phải cách xa đất trồng nhất có thể; - Hàm lượng chì trong thức ăn chăn nuôi phải tuân thủ GB 13078 và các quy định khác;

					<ul style="list-style-type: none">- Cần nhanh chóng loại bỏ pin, phương tiện và máy móc bị bỏ hoang cũng như lớp sơn có chứa chì đã bị phong hóa trên các tòa nhà xung quanh trên đất được sử dụng để trồng và các chất thải khác có thể gây ô nhiễm chì;- Không được sử dụng vật tư nông nghiệp có chứa chì hoặc có thể bị nhiễm chì. <p>Thu hoạch, bảo quản và vận chuyển:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nguyên liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm trong quá trình thu hoạch phải tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của Trung Quốc và các quy định liên quan, đồng thời các dụng cụ phải có đủ độ bền để đảm bảo không bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển và xử lý;- Máy vắt sữa và bể chứa sữa nguyên liệu phải tuân thủ các quy định của tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia như GB 48069, đồng thời phải theo dõi hàm lượng chì trong nguyên liệu sữa. Nếu hàm lượng chì có xu hướng tăng lên không nên sử dụng để sản xuất, chế biến nguồn sữa cho đến khi trở lại mức bình thường. <p>Chế biến thực phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hàm lượng chì trong nguyên liệu thực phẩm phải tuân thủ GB 2762 và các tiêu chuẩn khác. Bất kể có giới hạn ô nhiễm chì hay không, các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nên thực hiện các biện pháp kiểm soát để kiểm soát ô nhiễm chì trong nguyên liệu thực phẩm đảm bảo ở mức thấp nhất có thể, đặc biệt là nguyên liệu thô và phụ liệu dùng trong thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ;
--	--	--	--	--	---

						<ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng chì trong nước chế biến thực phẩm phải tuân thủ các tiêu chuẩn như GB 5749. <p>Nguyên liệu và vật liệu tiếp xúc với thực phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng chì của chất tạo màu trong vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm như mực và chất phủ phải tuân thủ các yêu cầu của GB 9685. Không để mực in tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. <p>Bảo quản và Vận chuyển:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình vận chuyển và bảo quản thực phẩm, cần thực hiện các biện pháp chống bụi để kiểm soát ô nhiễm chì; - Các vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm được sử dụng phải có đủ độ bền để đảm bảo chúng không bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển, xử lý và bảo quản cũng như ngăn ngừa nhiễm bẩn chì. - Thời hạn góp ý: 09/9/2024. <p><i>(chi tiết tài liệu bản dịch tiếng Anh không chính thức kèm theo)</i></p>
15.	G/SPS/N/CHN/1311	ATTP, BVTV, TY, CLCB	Trung Quốc	11/7/2024	<p>Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.: Quy tắc kiểm soát ô nhiễm acrylamide trong thực phẩm</p>	<p>Ủy ban Y tế Quốc gia - Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa dự thảo Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia P.R.C.: Quy định về kiểm soát ô nhiễm acrylamide trong thực phẩm, cụ thể:</p> <p>Tiêu chuẩn này áp dụng cho việc phòng ngừa và kiểm soát việc tạo ra acrylamide trong thực phẩm được làm từ nguyên liệu thô giàu đường khử và asparagine (bao gồm khoai tây, ngũ cốc, cà phê, v.v.) thông qua quá trình chế biến nhiệt như chiên, nướng và rang.</p> <p>Nội dung dự thảo bao gồm:</p>

						<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu cơ bản đối với nguyên liệu thô; - Các yêu cầu cơ bản trong quy trình chế biến; - Phụ lục A: Các biện pháp kiểm soát acrylamide; - Phụ lục B: Hướng dẫn giảm acrylamide trong các loại thực phẩm. <p><i>(chi tiết tài liệu bản dịch tiếng Việt không chính thức và tiếng Trung kèm theo)</i></p>
16.	G/SPS/N/CHN/1310	ATTP, CT	Trung Quốc	11/7/2024	<p>Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.: Quy tắc Thực hành để giảm 3-Monochloropropane-1,2-Diol Este (3-MCPDE) và Glycidyl Este (GE) trong dầu tinh chế và các sản phẩm thực phẩm làm từ dầu tinh chế.</p>	<p>Quy tắc thực hành này cung cấp hướng dẫn để ngăn ngừa và giảm thiểu sự hình thành 3-MCPDE và GE trong dầu tinh chế (dầu thực vật và dầu cá) và các sản phẩm thực phẩm được làm từ dầu tinh chế (dầu thực vật và dầu cá).</p>
17.	G/SPS/N/CHN/1309	ATTP	Trung Quốc	11/7/2024	<p>Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Phụ gia thực phẩm vỏ hạt sồi nâu</p>	<p>Tiêu chuẩn này là quy định mới chỉ định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử nghiệm đối với phụ gia thực phẩm vỏ hạt sồi nâu. Tiêu chuẩn này áp dụng cho phụ gia thực phẩm sử dụng vỏ hạt sồi làm nguyên liệu thông qua nhiều quy trình chiết xuất, tách, cô đặc và sấy khô.</p> <p><i>(chi tiết tài liệu bản dịch tiếng Anh không chính thức kèm theo)</i></p>
18.	G/SPS/N/CHN/1295 /Add.1	ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT	Trung Quốc	11/7/2024	<p>Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Nguyên tắc chung về ghi</p>	<p>Thông báo thay đổi nội dung trong thông báo G/SPS/N/CHN/1295 về dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của P.R.C.: Nguyên tắc chung về ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn, cụ thể:</p>

					nhãn thực phẩm đóng gói sẵn	<ul style="list-style-type: none"> - Xóa các định nghĩa về thuộc tính tên, hạn sử dụng và công bố thực phẩm cũng như các yêu cầu cụ thể đối với công bố thực phẩm trong Phụ lục E; - Sửa đổi yêu cầu ghi nhãn ngày sản xuất. Đối với thực phẩm đóng gói sẵn có thời hạn sử dụng trên một năm và diện tích bề mặt tối đa của bao bì không quá 20 cm², chỉ cần ghi thời hạn sử dụng và ngày hết hạn, không cần ghi ngày sản xuất.
19.	G/SPS/N/CHN/1308	ATTP	Trung Quốc	11/7/2024	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Phụ gia thực phẩm Amoni cacbonat	<p>Dự thảo của Ủy ban Y tế Quốc gia - Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về dự thảo Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia P.R.C.: Phụ gia thực phẩm amoni cacbonat, cụ thể:</p> <p>Tiêu chuẩn áp dụng cho phụ gia thực phẩm amoni cacbonat, được chế biến từ amoniac, cacbon dioxit và nước bằng cách hấp thụ, kết tinh, tách, sấy và làm lạnh, bao gồm amoni carbamat, amoni cacbonat và amoni hydro cacbonat theo tỷ lệ khác nhau. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử nghiệm đối với phụ gia thực phẩm amoni cacbonat.</p> <p><i>(chi tiết tài liệu bản dịch tiếng Việt không chính thức và tiếng Trung kèm theo)</i></p>
20.	G/SPS/N/CHN/1307	ATTP	Trung Quốc	11/7/2024	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Phụ gia thực phẩm chiết xuất ớt Paprika (chất tạo màu thực phẩm tự nhiên được dùng để tạo màu đỏ đậm trong thực phẩm).	Tiêu chuẩn áp dụng cho phụ gia thực phẩm (chiết xuất ớt Paprika) được chiết xuất từ quả ớt thuộc chi <i>Capsicum annuum</i> L. hoặc <i>Capsicum frutescens</i> L. Các dung môi sau đây có thể được sử dụng để chiết xuất: methanol, ethanol, etyl axetat, axeton, n-hexan, isopropanol, dichloromethane và quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử nghiệm.

21.	G/SPS/N/CHN/1306	ATTP	Trung Quốc	11/7/2024	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.: Phụ gia thực phẩm dibutyl hydroxytoluene (BHT)	<p>Tiêu chuẩn quy định về phụ gia thực phẩm dibutyl hydroxytoluene (BHT), được điều chế bằng cách chung cất và kết tinh lại sản phẩm của phản ứng alkyl hóa với p-cresol và isobutylene làm nguyên liệu dưới chất xúc tác axit.</p> <p>Thay thế Tiêu chuẩn GB 1900-2010 "Phụ gia thực phẩm dibutylhydroxytoluene (BHT)"</p> <p>So với GB 1900-2010, những thay đổi chính trong tiêu chuẩn này như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi phạm vi mô tả; - Thêm mùi hương; - Bổ sung các chỉ tiêu và phương pháp kiểm tra; - “Điểm nóng chảy (nóng chảy ban đầu)” được đổi thành “Phạm vi nóng chảy”; - Chính sửa cách kiểm tra nhận dạng và sửa cùm từ "Kim loại nặng (dạng Pb)" được đổi thành "Chì (Pb)".
22.	G/SPS/N/CHN/1305	ATTP	Trung Quốc	11/7/2024	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Axit L-malic phụ gia thực phẩm	<p>Tiêu chuẩn quy định về phụ gia thực phẩm axit L-malic được sản xuất bằng phương pháp kỹ thuật enzym và phương pháp lên men. Các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử đối với axit L-malic chủ yếu được quy định.</p> <p>Thay thế Tiêu chuẩn GB 1886.40-2015 "Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia về phụ gia thực phẩm axit L-Malic".</p> <p>So với GB 1886.40-2015, những thay đổi chính trong tiêu chuẩn này như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Sửa đổi phạm vi; -Thêm các chỉ số vật lý và hóa học độ ẩm và axit succinic; -Sửa đổi mô tả về hàm lượng chỉ số vật lý và hóa học và tổng lượng asen, đồng thời loại bỏ kim loại nặng;

						<p>-Cập nhật nhận dạng, hàm lượng, độ trong, axit fumaric, axit maleic, chì, phương pháp xác định tổng số asen;</p> <p>-Bổ sung phương pháp xác định axit succinic;</p> <p>- Sửa đổi Phụ lục A và Phụ lục B và bổ sung Phụ lục C.</p>
23.	G/SPS/N/CHN/1304	CT	Trung Quốc	11/7/2024	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.: Bánh ngọt và Bánh mì	Tiêu chuẩn quy định cho bánh ngọt và bánh mì, quy định các định nghĩa và yêu cầu kỹ thuật của bánh ngọt và bánh mì.
24.	G/SPS/N/CHN/1303	ATTP, CT	Trung Quốc	11/7/2024	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Sữa protein	<p>Tiêu chuẩn quy định cho sữa protein dùng trong công nghiệp thực phẩm, quy định các thuật ngữ, định nghĩa, yêu cầu kỹ thuật, v.v. của sữa protein, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sữa phải có màu trắng hoặc màu vàng sữa, không có mùi đặc biệt, không vón cục và không có vật lạ; - Giới hạn chất gây ô nhiễm phải tuân thủ quy định của GB 2762; - Giới hạn độc tố nấm mốc phải tuân thủ quy định của GB 2761; - Giới hạn vi khuẩn gây bệnh phải tuân thủ quy định của GB 29921; - Quy định về phụ gia thực phẩm tuân thủ GB 2760 và nhãn sản phẩm phải ghi rõ “protein sữa cô đặc” hoặc “tách protein”. <p><i>(chi tiết tài liệu bản dịch tiếng Anh không chính thức kèm theo)</i></p>
25.	G/SPS/N/CHN/1302	CT, BVTV	Trung Quốc	11/7/2024	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Trái cây sấy khô và rau sấy khô	<p>Dự thảo Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia đối với sản phẩm rau quả sấy khô thay thế GB 16325-2005 “Tiêu chuẩn vệ sinh đối với trái cây sấy khô”. So với GB 16325-2005, có những thay đổi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đổi tên Tiêu chuẩn thành “Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia đối với trái cây và rau quả sấy khô”;

						<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi phạm vi; - Sửa đổi thuật ngữ và định nghĩa; - Sửa đổi yêu cầu cảm quan; - Sửa đổi các chỉ số vật lý và hóa học; - Sửa đổi giới hạn vi sinh vật; - Thêm mục “4 mục khác” (chi tiết dự thảo xem file bản dịch tiếng Việt không chính thức và tiếng anh kèm theo)
26.	G/SPS/N/EU/786	CT, TY	Liên minh Châu Âu	11/7/2024	Quy định số 2024/1874 của Ủy ban EU đặt ra các quy định đối với hồ sơ áp dụng theo quy định số 2016/429 và 2017/625 liên quan đến mẫu chứng nhận thú y, chứng nhận cho việc nhập khẩu và vận chuyển trong EU đối với một số động vật và hàng hóa nhất định	Quy định cập nhật mẫu chứng nhận nhập khẩu đối với gelatin, những sản phẩm tinh chế cao và sản phẩm tổng hợp cho tiêu dùng của con người, bao gồm: <ol style="list-style-type: none"> 1. Mẫu chứng nhận cho nhập khẩu vào EU gelatine trừ viên nang gelatin không chiết xuất từ xương của phân bộ động vật nhai lại; 2. Mẫu chứng nhận cho nhập khẩu sản phẩm tinh chế cao được mô tả trong phần XVI của Phụ lục III Quy định số 853/2004; 3. Chứng nhận thú y cho nhập khẩu sản phẩm tổng hợp có chứa bất cứ thành phần nào từ thịt trừ gelatin, collagen không chiết xuất từ xương của phân bộ động vật nhai lại, sản phẩm tinh chế và sữa non; 4. Chứng nhận thú y khi kiểm dịch trước giết mổ; 5. Chứng nhận thú y khi giết mổ khăn cấp ngoài cơ sở giết mổ.
27.	G/SPS/N/RUS/284	TY	Liên bang Nga	11/7/2024	Dự thảo quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Thủ tục về việc Kiểm tra chung các cơ sở và lấy mẫu sản phẩm thuộc diện phải kiểm soát thú y (Giám sát)	Dự thảo sửa đổi quy định trong việc kiểm dịch thú y từ các nước thứ ba, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Cho phép các cơ quan có thẩm quyền loại bỏ những doanh nghiệp có sản phẩm không thực hiện theo sự kiểm soát vào lãnh thổ hải quan Liên minh Kinh tế Á Âu ra khỏi danh sách những doanh nghiệp được phê duyệt trong thời hạn 5 năm;

						<ul style="list-style-type: none"> - Quy định cụ thể những điều kiện dừng xuất khẩu hàng hóa dưới sự kiểm soát của doanh nghiệp ở nước thứ ba; - Đưa ra thủ tục cho việc kiểm soát chung của các doanh nghiệp nước thứ 3; - Sẽ đình chỉ xuất khẩu đối với doanh nghiệp từ chối thực hiện việc xác minh mặc dù đã được cấp phép. <p>Ngày cuối cùng nhận góp ý: 03/9/2024</p>
28.	G/SPS/N/CAN/1445 /Add.2	TY	Canada	10/7/2024	<p>Biện pháp cấm nhập khẩu chó thương mại mới từ các quốc gia có nguy cơ cao mắc bệnh dại</p>	<p>Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA) sẽ cấm nhập khẩu chó thương mại từ các quốc gia được xác định là có nguy cơ cao mắc bệnh dại do vi rút biến thể ở chó gây ra.</p> <p>Bệnh dại là một căn bệnh phải báo cáo ở Canada và Canada hiện không có bệnh dại do vi rút biến thể ở chó. Để ngăn chặn sự tái xuất hiện của bệnh dại do virus biến thể ở chó gây ra và để bảo vệ sức khỏe cũng như sự an toàn của cả động vật và con người, CFIA sẽ thực hiện các hạn chế nhập khẩu đối với chó từ các quốc gia có nguy cơ cao.</p> <p>Kể từ ngày 28/9/2022, tất cả chó có mục đích thương mại. Theo định nghĩa của CFIA, các quốc gia có nguy cơ cao sẽ không được phép nhập khẩu vào Canada, CFIA cũng sẽ không cấp giấy phép cho chó thương mại dưới 8 tháng tuổi từ các quốc gia có nguy cơ cao. Tất cả các lô hàng chó thương mại (bất kể tuổi tác) đang trên đường đến Canada phải đến vào hoặc trước ngày 27/ 9/2022 để đủ điều kiện nhập khẩu.</p> <p>Việc nhập khẩu chó cảnh (thú cưng) và chó nghiệp vụ, theo định nghĩa của CFIA, từ các quốc gia có nguy cơ cao sẽ tiếp tục được phép nhập khẩu theo quy định hiện tại của CFIA.</p>

29.	G/SPS/N/ARE/283, G/SPS/N/BHR/240, G/SPS/N/KWT/147, G/SPS/N/OMN/135, G/SPS/N/QAT/139, G/SPS/N/SAU/536, G/SPS/N/YEM/80	CT, BVTV	Các tiêu Vương Quốc Ả Rập thống nhất	10/7/2024	Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật về "Bột mì của Vương quốc Ả Rập Saudi/Hội đồng hợp tác các quốc gia Ả Rập và vùng Vịnh	Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với bột mì dùng làm thực phẩm trực tiếp cho con người được chế biến từ lúa mì thông thường, <i>Triticum aestivum</i> L., hoặc lúa mì club, <i>Triticum compactum</i> , hoặc hỗn hợp của chúng, được đóng gói sẵn để bán cho người tiêu dùng hoặc dùng để chế biến thực phẩm.
30.	G/SPS/N/ARE/282, G/SPS/N/BHR/239, G/SPS/N/KWT/146, G/SPS/N/OMN/134, G/SPS/N/QAT/138, G/SPS/N/SAU/535, G/SPS/N/YEM/79	ATTP, CT	Các tiêu Vương Quốc Ả Rập thống nhất	10/7/2024	Quy định thực phẩm bổ sung cho trẻ từ sáu tháng tuổi	Dự thảo quy định và các yêu cầu đối với thực phẩm bổ sung dành cho trẻ từ sáu tháng tuổi
31.	G/SPS/N/CHL/795	TY, BVTV	Chi-lê	10/7/2024	Sửa đổi Nghị định số 977/96: Quy định An toàn thực phẩm, Phần XVII về đường và mật ong, khoản III về mật ong, Điều 391, 393 và 394	Mục đích dự thảo nhằm thực hiện phần của Luật số 21.489 về khuyến khích, bảo vệ và phát triển hoạt động nuôi ong, chuẩn hóa các khái niệm và sửa lại cách phân loại của “đường thốt nốt”.
32.	G/SPS/N/EU/785	TY, TS	Liên minh Châu Âu	09/7/2024	Quy định (EU) 2024/1755 ngày 25/6/2024 về việc cấp phép axit axetic, canxi axetat và natri diacetate làm phụ gia thức ăn cho cá	Axit axetic, canxi axetat và natri diacetate đã được cấp phép làm phụ gia thức ăn cho cá. Đơn đề nghị xin cấp phép lại các chất được tuân thủ theo Điều 10 Quy định (EC) số 1831/2003. Được sự đánh giá tích cực của Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu, các chất này được gia hạn và xếp trong danh mục 'phụ gia công nghệ' và trong nhóm chức năng 'chất bảo quản', nhưng phải tuân thủ một số điều kiện nhất định. Một giai đoạn chuyển tiếp cho phép để nhà sản xuất và kinh doanh đáp ứng các yêu cầu của quy định mới.

33.	G/SPS/N/EU/784	TY, CN, TS	Liên minh Châu Âu	09/7/2024	Quy định (EU) 2024/1750 ngày 24/6/2024 liên quan đến việc gia hạn cấp phép chế phẩm <i>Levilactobacillus brevis</i> DSM 23231 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và sửa đổi Quy định (EU) số 399/2014	Chế phẩm <i>Levilactobacillus brevis</i> DSM 23231 đã được cấp phép trong thời hạn 10 năm dưới dạng phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật thuộc danh mục 'phụ gia công nghệ' và trong nhóm chức năng 'phụ gia thức ăn ủ chua'. Căn cứ đơn đề nghị xin gia hạn và được sự đánh giá thuận lợi của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu, chế phẩm này được gia hạn và phải tuân theo một số điều kiện nhất định
34.	G/SPS/N/EU/783	TY, CN, TS	Liên minh Châu Âu	09/7/2024	Quy định (EU) 2024/1757 ngày 25/6/2024 về việc gia hạn cấp phép chế phẩm <i>Lentilactobacillus buchneri</i> NCIMB 30139 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và sửa đổi Quy định (EU) số 96/2013	Chế phẩm <i>Lentilactobacillus buchneri</i> NCIMB 30139 đã được cấp phép trong thời hạn 10 năm dưới dạng phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật thuộc danh mục 'phụ gia công nghệ' và trong nhóm chức năng 'phụ gia thức ăn ủ chua'. Căn cứ đơn đề nghị xin gia hạn và được sự đánh giá thuận lợi của Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu, chế phẩm này được gia hạn và phải tuân theo một số điều kiện nhất định.
35.	G/SPS/N/CHL/794	TY	Chi-lê	9/7/2024	Phê duyệt việc thành lập khu vực phi dịch bệnh đối với một số loài được chỉ định	Thông báo quy định khu vực phi dịch bệnh cho lợn và gia cầm được phép nhập khẩu vào Chi-lê, bao gồm: trứng có phôi, động vật, vật liệu di truyền và sản phẩm có nguồn gốc động vật, sẽ được phân theo từng loại trong khu vực này. Theo đó, khu vực sạch bệnh sẽ được phân theo loài và bệnh: a. Gia cầm: Cúm gia cầm và bệnh niu-cat-xon; b. Lợn: Bệnh Lở mồm long móng, dịch tả lợn và dịch tả lợn châu Phi. Tiêu chuẩn quốc tế có liên quan: Tài liệu của OIE: Chương 4.4, 4.5, 8.8, 10.4, 10.9, 15.1 và 15.2 của Luật Thú y. Ngày cuối cùng nhận thông báo: 7/9/2024

36.	G/SPS/N/EU/782	TY, CN, TS	Liên minh Châu Âu	08/7/2024	Quy định (EU) 2024/1810 ngày 01/7/2024 về việc gia hạn cấp phép cho một chế phẩm <i>Lentilactobacillus buchneri</i> DSM 22501 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và sửa đổi Quy định (EU) số 1113/2013	Chế phẩm <i>Lentilactobacillus buchneri</i> DSM 22501 đã được cấp phép trong thời hạn 10 năm dưới dạng phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật thuộc danh mục 'phụ gia công nghệ' và trong nhóm chức năng 'phụ gia thức ăn ủ chua'. Căn cứ Đơn đề nghị xin gia hạn và được sự đánh giá thuận lợi của Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu, chế phẩm này được gia hạn và phải tuân thủ một số điều kiện nhất định.
37.	G/SPS/N/AUS/590	CT	Úc	08/7/2024	Đề án quản lý các nhà cung cấp dịch vụ xử lý BMSB (quản lý rủi ro an toàn sinh học đối với hàng hóa) hoạt động bên ngoài nước Úc (AusTreat)	Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp giới thiệu Đề án AusTreat, là một chương trình đảm bảo xử lý an toàn sinh học thay thế cho Chương trình nhà cung cấp xử lý Bọ xít hôi nâu ngoài lãnh thổ Úc (BMSB). AusTreat sẽ ảnh hưởng đến nhập khẩu hàng hóa cần xử lý để giải quyết rủi ro của BMSB. Các nhà cung cấp dịch vụ xử lý BMSB có thể đăng ký tham gia AusTreat từ tháng 6/2024 trước mùa dịch BMSB 2024/25.
38.	G/SPS/N/USA/3461	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	08/7/2024	Tiếp nhận Đơn kiến nghị về việc điều chỉnh dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau	Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ thông báo đã nhận được hồ sơ ban đầu về thuốc bảo vệ thực vật yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau. Các thực thể có khả năng bị ảnh hưởng có thể bao gồm: Trang trại, người trồng cây (mã NAICS 111). Trang trại, người chăn nuôi động vật (mã NAICS 112). Sản xuất thực phẩm (mã NAICS 311). Sản xuất thuốc trừ sâu (mã NAICS 32532).
39.	G/SPS/N/EU/781	CT	Liên minh Châu Âu	08/7/2024	Dự thảo sửa đổi Quy định (EU) số 142/2011 liên quan đến việc nhập khẩu dầu ăn đã qua sử dụng	Dự thảo đối với việc nhập khẩu dầu ăn đã qua sử dụng dành cho mục đích kỹ thuật (sản xuất nhiên liệu tái tạo và các sản phẩm hóa dầu), đưa ra các yêu cầu hài hòa của

						<p>EU và thay thế các quy định hiện hành của 27 quốc gia thành viên EU.</p> <p>Mục tiêu chính của dự thảo là ngăn chặn sử dụng dầu ăn đã qua sử dụng làm thức ăn cho động vật trong Liên minh châu Âu, nhằm giảm thiểu các mối nguy sinh học tiềm ẩn trong thức ăn chăn nuôi.</p> <p>Dự thảo đưa ra các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lô hàng dầu ăn đã qua sử dụng phải đến từ nhà máy thu gom hoặc lưu trữ đã đăng ký được liệt kê trong hệ thống TRACES của EU [https://webgate.ec.europa.eu/tracesnt/directory/listing/establishment/publication/index#!/search]; • Lô hàng phải được xuất trình tại trạm kiểm soát thú y biên giới EU và được giám sát trong Liên minh châu Âu cho tới điểm đến sau khi nhập khẩu; • Lô hàng dầu ăn đã qua sử dụng phải kèm theo tờ khai có chữ ký của nhà nhập khẩu, nêu rõ dầu ăn đã qua sử dụng không dùng để làm thức ăn chăn nuôi và đã được lọc hoặc trải qua quá trình tách vật lý khỏi các thành phần không chứa dầu
40.	G/SPS/N/KOR/804	ATTP	Hàn Quốc	04/7/2024	Sửa đổi Tiêu chuẩn và Thông số kỹ thuật cho Thực phẩm	<p>Các sửa đổi được đề xuất nhằm mục đích:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thiết lập các tiêu chí vi sinh cho máy bán hàng thực phẩm tự động; 2. Sửa đổi danh sách các thành phần thực phẩm trong Phụ lục 1.
41.	G/SPS/N/IDN/149	TY, CLCB, BVTV	Indonesia	04/7/2024	Dự thảo Nghị định về Kiểm dịch Indonesia về hồ sơ, dấu kiểm dịch	<p>Như đã đề cập trong dự thảo được thông báo trong G/SPS/N/IDN/148, Indonesia sẽ yêu cầu các tài liệu sau khi nhập khẩu động vật và sản phẩm động vật, cá và sản phẩm cá, sản phẩm thực vật và thực vật vào Indonesia:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông báo trước (Mã hồ sơ: K-1.2): Tài liệu này sẽ cung cấp thông tin và thông báo đối với các mặt hàng sẽ

					<p>được xuất khẩu sang Indonesia. Tài liệu phải được nước xuất khẩu gửi đến Cơ quan Kiểm dịch Indonesia trước khi hàng hóa được xuất khẩu sang Indonesia;</p> <p>2. Thông báo về việc không tuân thủ (Mã hồ sơ: K-7.4): Tài liệu này sẽ cung cấp thông báo về việc không tuân thủ các vấn đề SPS liên quan đến việc nhập khẩu động vật và sản phẩm động vật, cá và sản phẩm cá, thực vật và sản phẩm thực vật vào Indonesia.</p> <p>Ban hành các tài liệu để xuất khẩu động vật và sản phẩm động vật, cá và sản phẩm cá, sản phẩm thực vật và thực vật từ Indonesia:</p> <p>1. Giấy chứng nhận thú y (Mã hồ sơ: KH-1): hồ sơ, tài liệu chứng nhận kiểm dịch thú y, đặc biệt là động vật được vận chuyển từ vùng này sang vùng khác trong lãnh thổ Indonesia và những động vật sẽ được xuất khẩu sang nước khác;</p> <p>2. Giấy chứng nhận vệ sinh sản phẩm động vật (Mã hồ sơ: KH-2): Hồ sơ, tài liệu chứng nhận vệ sinh thú y, đặc biệt là các sản phẩm động vật sẽ được gửi từ vùng này sang vùng khác trong lãnh thổ Indonesia và những sản phẩm sẽ được xuất khẩu sang nước khác;</p> <p>3. Giấy chứng nhận sức khỏe cá và sản phẩm cá (Mã hồ sơ: KI-1): Hồ sơ, tài liệu chứng nhận kiểm dịch thủy sản, đặc biệt là cá và sản phẩm cá sẽ được xuất khẩu sang nước khác;</p> <p>4. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Mã hồ sơ: KT-1): hồ sơ, tài liệu chứng nhận kiểm dịch thực vật, đặc biệt là thực vật và các sản phẩm thực vật, sẽ được gửi từ khu vực này đến khu vực khác trong lãnh thổ Indonesia và những sản phẩm sẽ được vận chuyển xuất khẩu sang nước khác;</p>
--	--	--	--	--	--

						<p>5. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu (Mã hồ sơ: KT-2): hồ sơ, tài liệu chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu, bao gồm thông tin về các biện pháp kiểm dịch đã được tiến hành đối với sản phẩm được vận chuyển nói trên;</p> <p>6. Chứng nhận xuất khẩu sản phẩm đã qua chế biến/Sản phẩm không thuộc diện quản lý (Mã hồ sơ: KT-4): hồ sơ, tài liệu chứng nhận tình trạng sức khỏe của sản phẩm đã qua chế biến, bao gồm thông tin về các biện pháp kiểm dịch đã được tiến hành đối với sản phẩm đã qua xử lý. Giấy này sẽ được nước xuất khẩu gửi đến nước nhập khẩu nếu Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia (NPPO) nước nhập khẩu yêu cầu.</p>																								
42.	G/SPS/N/GBR/65	ATTP, BVTV	Vương quốc Anh	03/7/2024	<p>Đề xuất mức dư lượng tối đa cho mehidathion trong nhiều loại hàng hóa khác nhau</p>	<p>Dự thảo của Vương quốc Anh thay đổi mức dư lượng mehidathion trong nhiều loại hàng hóa khác nhau, Mức MRL được đề xuất điều chỉnh giảm hoặc giữ nguyên trong nhiều loại mặt hàng, cụ thể như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Sản phẩm</th> <th>Mức MRL cũ (ppm)</th> <th>Mức MRL mới (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nhóm quả có múi</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)</td> <td>0,05</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm quả dạng táo</td> <td>0,03</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ổi, sầu riêng và các loại quả khác)</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm rau dạng củ</td> <td>0,05</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Cà chua, đậu bắp, dưa chuột .v.v..</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> </tbody> </table>	Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)	Nhóm quả có múi	0,02	0,01	Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,05	0,01	Nhóm quả dạng táo	0,03	0,01	Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ổi, sầu riêng và các loại quả khác)	0,02	0,01	Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,02	0,01	Nhóm rau dạng củ	0,05	0,01	Cà chua, đậu bắp, dưa chuột .v.v..	0,02	0,01
Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)																												
Nhóm quả có múi	0,02	0,01																												
Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,05	0,01																												
Nhóm quả dạng táo	0,03	0,01																												
Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ổi, sầu riêng và các loại quả khác)	0,02	0,01																												
Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,02	0,01																												
Nhóm rau dạng củ	0,05	0,01																												
Cà chua, đậu bắp, dưa chuột .v.v..	0,02	0,01																												

						<table border="1"> <tr> <td>Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm rau cải (Rau cải bó xôi)</td> <td>0,6</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Trà, cà phê</td> <td>0,1</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>Nhóm gia vị</td> <td>0,1</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>Một số sản phẩm có nguồn gốc từ động vật</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td></td> <td></td> </tr> </table> <p>hoạt chất acetamiprid không thuộc trong nhóm thuốc BVTV được sử dụng ở Việt Nam (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</p>	Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	0,02	0,01	Nhóm rau cải (Rau cải bó xôi)	0,6	0,01	Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)	0,02	0,01	Trà, cà phê	0,1	0,05	Nhóm gia vị	0,1	0,05	Một số sản phẩm có nguồn gốc từ động vật	0,02	0,01		
Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	0,02	0,01																									
Nhóm rau cải (Rau cải bó xôi)	0,6	0,01																									
Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)	0,02	0,01																									
Trà, cà phê	0,1	0,05																									
Nhóm gia vị	0,1	0,05																									
Một số sản phẩm có nguồn gốc từ động vật	0,02	0,01																									
.....																											
43.	G/SPS/N/CHL/776 /Rev.1	TY	Chi-lê	03/7/2024	Thiết lập các yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu nội tạng và các sản phẩm phụ ăn được của gia súc, cừu, dê, lợn, gia cầm và ngựa, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 431 năm 1998	Quy định thiết lập các yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu nội tạng và các sản phẩm phụ ăn được của động vật bò, cừu, dê, lợn, chim và ngựa vào Chi-lê. Ngoài ra, bãi bỏ Nghị quyết số 431 năm 1998 thiết lập các yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu nội tạng và Nghị quyết Số 700/2001 được sửa đổi trước đó.																					
44.	G/SPS/N/BRA/2032 /Add.4	BVTV	Bra-xin	03/7/2024	Sắc lệnh SDA/MAPA Số 1.128, ngày 21/6/2024	Sửa đổi nội dung đã được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2032/Add.3, cụ thể như sau: - Thu hồi Sắc lệnh SDA/MAPA số 1.057 ngày 20/3/2024. - Sắc lệnh SDA/MAPA số 907, ngày 24/10/2023, thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống cây dã yên thảo (<i>Petunia spp.</i>) có nguồn gốc bất kỳ vẫn có hiệu lực, như đã thông báo trong G/SPS/N/BRA/2032 /Add.2.																					

45.	G/SPS/N/EU/780	TY,BV TV	Liên minh Châu Âu	02/7/2024	<p>Dự thảo thay đổi Phụ lục II của Quy định số 396/2005 của EU về mức dư lượng tối đa của fenbuconazole và penconazole trên một số sản phẩm nhất định.</p>	<p>Dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) của fenbuconazole và penconazole trong một số thực phẩm. Nguyên nhân của sự thay đổi này là Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu đã đưa phân tích rủi ro đối với 02 loại thuốc BVTV này. Đối với fenbuconazole, thay thế phụ lục II của Quy định số 2019/1559; và penconazole, thay thế phụ lục II của Quy định số 2019/977. Mức dư lượng tối đa của 02 chất này chủ yếu được điều chỉnh giảm ở một số hàng hóa, cụ thể trên một số sản phẩm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="1413 531 2136 1326"> <thead> <tr> <th>Sản phẩm</th> <th>fenbuconazole mới (ppm)</th> <th>penconazole mới (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nhóm quả có múi</td> <td>0,5-1</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)</td> <td>0,01</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm quả dạng táo</td> <td>0,5</td> <td>0,01-0,3</td> </tr> <tr> <td>Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ôi, sầu riêng và các loại quả khác)</td> <td>0,01</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh</td> <td>0,01</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm rau dạng củ (hành, tỏi.v.v..)</td> <td>0,01</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Cà chua, dưa chuột .v.v..</td> <td>0,01</td> <td>0,06</td> </tr> <tr> <td>Đậu bắp</td> <td>0,01</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)</td> <td>0,01</td> <td>0,15</td> </tr> <tr> <td>Nhóm rau cải (Rau cải bó xôi)</td> <td>0,6</td> <td>0,01</td> </tr> </tbody> </table>	Sản phẩm	fenbuconazole mới (ppm)	penconazole mới (ppm)	Nhóm quả có múi	0,5-1	0,01	Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,01	0,01	Nhóm quả dạng táo	0,5	0,01-0,3	Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ôi, sầu riêng và các loại quả khác)	0,01	0,01	Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,01	0,01	Nhóm rau dạng củ (hành, tỏi.v.v..)	0,01	0,01	Cà chua, dưa chuột .v.v..	0,01	0,06	Đậu bắp	0,01	0,01	Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	0,01	0,15	Nhóm rau cải (Rau cải bó xôi)	0,6	0,01
Sản phẩm	fenbuconazole mới (ppm)	penconazole mới (ppm)																																					
Nhóm quả có múi	0,5-1	0,01																																					
Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,01	0,01																																					
Nhóm quả dạng táo	0,5	0,01-0,3																																					
Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ôi, sầu riêng và các loại quả khác)	0,01	0,01																																					
Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,01	0,01																																					
Nhóm rau dạng củ (hành, tỏi.v.v..)	0,01	0,01																																					
Cà chua, dưa chuột .v.v..	0,01	0,06																																					
Đậu bắp	0,01	0,01																																					
Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	0,01	0,15																																					
Nhóm rau cải (Rau cải bó xôi)	0,6	0,01																																					

						<table border="1"> <tr> <td>Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)</td> <td>0,01</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Trà</td> <td>30</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>Cà phê</td> <td>0,05</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>Nhóm gia vị (hạt tiêu.v.v..)</td> <td>0,05</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>Mật ong</td> <td>0,05</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td></td> <td></td> </tr> </table> <p><i>Tại Việt Nam, hoạt chất fenbuconazole và penconazole được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</i></p>	Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)	0,01	0,01	Trà	30	0,05	Cà phê	0,05	0,05	Nhóm gia vị (hạt tiêu.v.v..)	0,05	0,05	Mật ong	0,05	0,05		
Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)	0,01	0,01																						
Trà	30	0,05																						
Cà phê	0,05	0,05																						
Nhóm gia vị (hạt tiêu.v.v..)	0,05	0,05																						
Mật ong	0,05	0,05																						
.....																								
46.	G/SPS/N/KHM/2	ATTP	Campuchia	02/7/2024	<p>Luật An toàn thực phẩm (thực phẩm và đồ uống)</p> <p>Luật An toàn thực phẩm ban hành ngày 8/6/2022 gồm 43 điều và 35 định nghĩa, được chia thành 11 chương. Nó nhằm mục đích điều chỉnh các khuôn khổ và cơ chế quản lý và đảm bảo an toàn, chất lượng, vệ sinh và tuân thủ thực phẩm trong tất cả các giai đoạn của chuỗi sản xuất thực phẩm nhằm bảo vệ sức khỏe và thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng và đảm bảo công bằng trong thương mại thực phẩm.</p> <p>Theo Điều 5 của Luật An toàn thực phẩm, các bộ hoặc cơ quan liên quan đến an toàn và chất lượng thực phẩm có thẩm quyền xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật nếu có dựa trên các tiêu chuẩn, quy tắc thực hành và hướng dẫn thực phẩm quốc gia hoặc quốc tế.</p> <p>Luật An toàn thực phẩm trao quyền cho các bộ sau đây là cơ quan có thẩm quyền quản lý việc kiểm soát an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi thực phẩm. Bao gồm: Bộ Thương mại, Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản, Bộ Công nghiệp, Khoa học, Công nghệ và Đổi mới, Bộ Y tế, Bộ Du lịch và Bộ Kinh tế và Tài chính.</p>																			

						<p>Các biện pháp (yêu cầu) an toàn thực phẩm như quy định tại Điều 6 phải dựa trên các nguyên tắc chính bao gồm thực phẩm phải an toàn, có chất lượng tốt, hợp vệ sinh và phù hợp cho người tiêu dùng và việc kiểm soát thực phẩm phải dựa trên các biện pháp an toàn thực phẩm hoặc quy chuẩn kỹ thuật như đã xác định. tại Điều 7.</p> <p>Nhà hoạt sản xuất doanh thực phẩm, ở mọi giai đoạn của chuỗi thực phẩm, có vai trò và trách nhiệm chính trong việc đảm bảo an toàn cho sản phẩm thực phẩm của mình và phải cộng tác với các cơ quan có thẩm quyền liên quan để thực hiện các biện pháp an toàn thực phẩm nhằm tránh hoặc giảm thiểu rủi ro (Điều 11).</p> <p>Theo Luật này (Điều 13-15), các nhà hoạt động kinh doanh thực phẩm được phân thành ba loại dựa trên tính chất kinh doanh của họ, ví dụ như doanh nghiệp lớn, vừa hoặc nhỏ.</p> <p>Hình phạt được áp dụng đối với những người kinh doanh thực phẩm không thực hiện các quy định của luật này (Điều 33-40).</p>						
47.	G/SPS/N/USA/3460	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	01/7/2024	Dung sai thuốc trừ sâu spiromesifen; Quy tắc cuối cùng.	<p>Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ đề xuất thiết lập mức dung sai đối với dư lượng spiromesifen trong hoặc trên cam và dầu cam, cụ thể:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Hàng hóa</th> <th>Mức MRL (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>cam</td> <td>0,15</td> </tr> <tr> <td>Dầu cam phân nhóm 10-10A</td> <td>10</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tại Việt Nam, hoạt chất spiromesifen được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với 03 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</p>	Hàng hóa	Mức MRL (ppm)	cam	0,15	Dầu cam phân nhóm 10-10A	10
Hàng hóa	Mức MRL (ppm)											
cam	0,15											
Dầu cam phân nhóm 10-10A	10											

48.	G/SPS/N/CAN/1560	ATTP, BVTV	Canada	01/7/2024	Mức giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất đối với abamectin (PMRL2024-13).	<p>Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với abamectin, cụ thể:</p> <table border="1" data-bbox="1413 272 2130 895"> <thead> <tr> <th>MRL (ppm)¹</th> <th>Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1,0</td> <td>Trà khô</td> </tr> <tr> <td>0,4</td> <td>Đu đủ²</td> </tr> <tr> <td>0,09</td> <td>Quả hạch (nhóm cây trồng 12-09)</td> </tr> <tr> <td>0,07</td> <td>Rau củ quả (nhóm cây trồng 8-09)</td> </tr> <tr> <td>0,05</td> <td>Các loại quả của cây mọc thấp (phân nhóm cây trồng 13-07G)</td> </tr> <tr> <td>0,03</td> <td>Cà rốt</td> </tr> <tr> <td>0,02</td> <td>Quả có mùi (nhóm cây trồng 10) (sửa đổi); quả họ táo (nhóm cây trồng 11-09); cây giàn leo, trừ quả Kiwi (phân nhóm cây trồng 13-07F); lá họ khô</td> </tr> <tr> <td>0,015</td> <td>Ôi, dứa</td> </tr> <tr> <td>0,01</td> <td>Các loại hạt (nhóm cây trồng 14-11); trái cây nhiệt đới và cận nhiệt đới; quả nhỏ; quả không ăn vỏ (phân nhóm cây trồng 24A); hạt ngô ngọt và ngô bắp đã bỏ vỏ</td> </tr> </tbody> </table> <p>¹ppm = một phần triệu ² Mức MRL này được đề xuất để thay thế mức MRL hiện hành là 0,03 ppm đối với đu đủ.</p>	MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến	1,0	Trà khô	0,4	Đu đủ ²	0,09	Quả hạch (nhóm cây trồng 12-09)	0,07	Rau củ quả (nhóm cây trồng 8-09)	0,05	Các loại quả của cây mọc thấp (phân nhóm cây trồng 13-07G)	0,03	Cà rốt	0,02	Quả có mùi (nhóm cây trồng 10) (sửa đổi); quả họ táo (nhóm cây trồng 11-09); cây giàn leo, trừ quả Kiwi (phân nhóm cây trồng 13-07F); lá họ khô	0,015	Ôi, dứa	0,01	Các loại hạt (nhóm cây trồng 14-11); trái cây nhiệt đới và cận nhiệt đới; quả nhỏ; quả không ăn vỏ (phân nhóm cây trồng 24A); hạt ngô ngọt và ngô bắp đã bỏ vỏ
MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến																									
1,0	Trà khô																									
0,4	Đu đủ ²																									
0,09	Quả hạch (nhóm cây trồng 12-09)																									
0,07	Rau củ quả (nhóm cây trồng 8-09)																									
0,05	Các loại quả của cây mọc thấp (phân nhóm cây trồng 13-07G)																									
0,03	Cà rốt																									
0,02	Quả có mùi (nhóm cây trồng 10) (sửa đổi); quả họ táo (nhóm cây trồng 11-09); cây giàn leo, trừ quả Kiwi (phân nhóm cây trồng 13-07F); lá họ khô																									
0,015	Ôi, dứa																									
0,01	Các loại hạt (nhóm cây trồng 14-11); trái cây nhiệt đới và cận nhiệt đới; quả nhỏ; quả không ăn vỏ (phân nhóm cây trồng 24A); hạt ngô ngọt và ngô bắp đã bỏ vỏ																									
49.	G/SPS/N/EU/779	BVTV	Liên minh Châu Âu	28/6/2024	Dự thảo sửa đổi Quy định (EU) 2020/1201 về các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan trong Liên minh châu Âu đối với chủng vi khuẩn <i>Xylella fastidiosa</i> và sửa đổi Quy định (EU) 2020/1770 về danh sách các	<p>Dự thảo sửa đổi Quy định (EU) 2020/1201 về các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan trong Liên minh châu Âu đối với chủng vi khuẩn <i>Xylella fastidiosa</i>. Những điểm chính cần nhấn mạnh: • Tại Điều 28 và 29, thay thế mức độ tin cậy 80% và mức độ phổ biến 1% của sơ đồ lấy mẫu với mức độ tin cậy đủ để phát hiện sự hiện diện thấp của dịch hại;</p>																				

					<p>loài thực vật không được miễn trừ mã truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu hộ chiếu thực vật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thêm vào danh sách các loài thực vật cần kiểm tra để được đưa vào lãnh thổ EU, cụ thể: <i>Lavandula angustifolia</i> Mill., <i>Lavandula x intermedia</i> Emeric ex Loisel., <i>Lavandula latifolia</i> Medik., <i>Lavandula stoechas</i> L. và <i>Salvia rosmarinus</i> Spenn ; • Tại Điều 29 và Điều 30, bỏ tiêu đề “nơi xuất xứ” khi cung cấp thông tin trong giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật; • Cập nhật danh sách loài thực vật ký chủ của <i>Xylella fastidiosa</i>, bổ sung vào Phụ lục I các loài sau: <i>Castanea sativa</i> Mill.; <i>Clinopodium nepeta</i> (L.) Kuntze; <i>Cornus sanguinea</i> L.; <i>suaveolens</i> Ehrh.; <i>Pyracantha coccinea</i> M. Roem.; • Bổ sung hai thử nghiệm mới ở phần B Phụ lục IV.
50.	G/SPS/N/EU/778	TY, CLCB	Liên minh Châu Âu	28/6/2024	<p>Dự thảo danh sách các nước thứ ba được phép xuất khẩu vào châu Âu một số loại động vật và sản phẩm nguồn gốc động vật nhất định được dùng cho tiêu dùng của con người phù hợp với Quy định (EU) 2017/625 và cấm sử dụng một số loại thuốc kháng sinh theo Quy định số 2017/625.</p>	<p>Điều 118 (1) của Quy định số 2019/6 yêu cầu các nước thứ ba xuất khẩu động vật hoặc sản phẩm có nguồn gốc động vật được dùng cho tiêu dùng của con người không được phép: i) sử dụng kháng sinh để thúc đẩy tăng trưởng hoặc tăng năng suất; ii) kháng sinh có trong danh sách được dùng riêng để điều trị bệnh nhiễm khuẩn cho người. Quy định (EU) số 2023/905 bổ sung cho Quy định số 2019/6 về điều kiện cho phép nhập khẩu động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật cho tiêu dùng của con người từ các vùng hoặc các nước thứ ba.</p> <p>Điều 5(2) của Quy định (EU) số 2023/905 đưa ra danh sách các nước thứ ba đã cung cấp các bằng chứng chứng minh động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật tuân thủ quy định cấm sử dụng kháng sinh theo quy định, trong đó bao gồm các thông tin về truy xuất nguồn gốc và xuất xứ.</p>

						<p>Điều 4 (1)(a) của Quy định số 2023/905 chỉ ra rằng sản phẩm động vật hoặc sản phẩm có liên quan mà nhập khẩu vào EU từ các nước thứ ba thì sản phẩm đó phải có nguồn gốc từ nước thứ ba có trong danh sách của Điều 5 của Quy định này.</p> <p>Dự thảo này đưa ra danh sách các vùng hoặc quốc gia thứ ba được phê duyệt theo Quy định số 2023/905. Các nước thứ ba có ý định xuất khẩu động vật và sản phẩm động vật vào EU và được EU phê duyệt sẽ đánh dấu “X” đối với sản phẩm có liên quan. Các nước dự định xuất khẩu động vật hoặc sản phẩm động vật có nguồn gốc từ các nước thành viên EU hoặc nước đã được EU phê duyệt sẽ đánh dấu “Δ” đối với sản phẩm có liên quan. Dự thảo này sẽ có hiệu lực từ ngày 03/9/2026.</p>
51.	G/SPS/N/UKR/223	TY	Ucraina	28/6/2024	<p>Dự thảo “phê duyệt các yêu cầu đảm bảo phúc lợi động vật trong quá trình vận chuyển và các hoạt động liên quan”</p>	<p>Chỉ thị đưa ra quy định thứ 4 để đảm bảo xử phúc lợi đối với động vật trong quá trình vận chuyển và các hoạt động khác có liên quan, ví dụ như việc kiểm tra bởi các kiểm dịch viên cho những lô hàng nhập hoặc xuất ra lãnh thổ Ucraina.</p> <p>Dự thảo nhằm điều chỉnh các quy định vận chuyển động vật cho phù hợp với quy định của Liên minh châu Âu, cụ thể bằng cách thực hiện Quy định số EC 1/2005 ngày 22/12/2004.</p>
52.	G/SPS/N/CHN/1301	BVTV	Trung Quốc	28/6/2024	<p>Tổng cục Hải quan và Bộ Nông nghiệp và Nông thôn nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về dự thảo bổ sung Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật nhập khẩu.</p>	<p>Để ngăn chặn sự xâm nhập của các loài gây hại thực vật nguy hiểm vào Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và an toàn trong sản xuất nông nghiệp, căn cứ Luật kiểm dịch xuất-nhập khẩu động thực vật và các ISPM liên quan. Bộ Nông nghiệp và Nông thôn và Tổng cục Hải quan quyết định bổ sung 47 loài dịch hại trong đó có loài bướm đêm</p>

						<i>Amyelois transella</i> (Walker) và các loài gây hại khác vào danh sách đối tượng kiểm dịch thực vật.
53.	G/SPS/N/KOR/803	ATTP	Hàn Quốc	27/6/2024	Đề xuất sửa đổi Tiêu chuẩn và Thông số kỹ thuật đối với Phụ gia thực phẩm	<p>Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc đề xuất sửa đổi "Tiêu chuẩn và Thông số kỹ thuật cho Phụ gia thực phẩm", cụ thể:</p> <p>(1) Mở rộng tiêu chí để công nhận axit propionic và axit benzoic có trong thực phẩm bao gồm các thành phần tự nhiên có nguồn gốc từ động vật;</p> <p>(2) Sửa đổi lượng lưu huỳnh dioxide tồn dư tối đa (sodium metabisulfite, potassium metabisulfite, sulfur dioxide, sodium bisulfite, sodium sulfite, sodium hydrosulfite) trong danh mục thực phẩm 'đồ uống có cồn làm từ rượu trái cây' đã được điều chỉnh từ 0,030 g/kg xuống còn 0,20 g/kg;</p> <p>(3) Mở rộng tiêu chuẩn sử dụng hydroxypropylmethyl cellulose phthalate được sử dụng trong viên nang cho sản xuất thực phẩm chức năng giải phóng chậm;</p> <p>(4) Mở rộng tiêu chuẩn sử dụng propylene glycol để cho phép sử dụng trong danh mục thực phẩm 'thực phẩm khác';</p> <p>(5) Chỉnh sửa mức dư lượng tối đa sử dụng màu sắc kết hợp;</p> <p>(6) Tên tiếng Hàn của ba chất phụ gia thực phẩm (maltitol syrup, cyclodextrin syrup, polyglycitol syrup) đã được thay đổi;</p> <p>(7) Chỉnh sửa từ đồng nghĩa của chất tạo hương tổng hợp;</p> <p>(8) Sửa đổi các phương pháp phân tích cho 28 chất phụ gia thực phẩm sau: Biotin, Canxi Caseinate, Canxi Oxide, Choline Bitartrate, Choline Chloride, Enzymatically Modified Stevia, Erythritol, Isomalt, Lactitol, D-Maltitol, Xi-rô Maltitol, Amylase sinh mạch,</p>

						D-Mannitol, Polyethylene Glycol, Este polyglycerol của Interesterified Ricinoleic Acid, Xi-rô Polyglycitol, Polysorbate 20, Axit poly- γ -glutamic, Kali Caseinate, Axit propionic, D-Ribose, Natri Alginate, Sodi
54.	G/SPS/N/KOR/802	ATTP	Hàn Quốc	27/6/2024	Đề xuất sửa đổi Tiêu chuẩn và Thông số kỹ thuật cho Phụ gia thực phẩm	Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc đề xuất sửa đổi "Tiêu chuẩn và Thông số kỹ thuật cho Phụ gia thực phẩm": Các thông số kỹ thuật của lưu huỳnh dioxide và lưu huỳnh.
55.	G/SPS/N/GBR/64	TY, CLCB	Vương quốc Anh	27/6/2024	Danh sách các loài có nguy cơ là nguồn lây nhiễm bệnh cho động vật thủy sản	Cập nhật danh sách các loài có nguy cơ là nguồn lây nhiễm bệnh cho động vật thủy sản, bao gồm danh sách các loài được liệt kê của WOA. Các bệnh lây nhiễm động vật thủy sản được liệt kê: a. Quy định (EC) 1251/2008 ngày 12/12/2008, thực hiện Chỉ thị 2006/88/EC về các điều kiện và yêu cầu chứng nhận để đưa ra thị trường nhập khẩu thủy sản và các sản phẩm của chúng và đưa ra danh sách các loài lây nhiễm (Luật đồng hóa theo Đạo luật cải cách của EU năm 2023); Và b. Quy định sức khỏe động vật thủy sản (Anh và xứ Wales) năm 2009 và Scotland năm 2009. Danh sách sửa đổi có thể truy cập tại đây: Nhập khẩu hoặc di chuyển cá và động vật có vỏ sống - GOV.UK (www.gov.uk). Thời gian áp dụng sẽ rút ngắn để đảm bảo an toàn sinh học của Vương quốc Anh.
56.	G/SPS/N/EU/776	TY, CN	Liên minh Châu Âu	27/6/2024	Quy định (EU) 2024/1685 ngày 17/6/2024 về việc cấp phép glycosylated 1,25-dihydroxycholecalciferol từ chiết xuất <i>Solanum</i>	Quy định (EU) 2024/1685 cho phép chế phẩm glycosyl hóa 1,25-dihydroxycholecalciferol chiết xuất từ <i>Solanum glaucophyllum</i> làm phụ gia thức ăn cho bò sữa trong danh mục 'phụ gia dinh dưỡng' và trong nhóm chức năng 'vitamin, pro-vitamin'.

					<i>glaucophyllum</i> làm phụ gia thức ăn cho bò sữa	
57.	G/SPS/N/ARE/281, G/SPS/N/BHR/238, G/SPS/N/KWT/145, G/SPS/N/OMN/133, G/SPS/N/QAT/137, G/SPS/N/SAU/533, G/SPS/N/YEM/78	CT	Các tiêu Vương Quốc Ả Rập thống nhất	27/6/2024	Vương quốc Ả-rập Xê-út/ Hội đồng hợp tác các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh dự thảo tiêu chung đối với nước ép trái cây, nước hoa quả	<p>Tiêu chuẩn chung đối với các loại đồ uống có thành phần từ trái cây như: Nước ép trái cây và nước hoa quả, nước ép trái cây tươi (chưa tiệt trùng), đồ uống trái cây, đồ uống từ sữa (Sinh tố) và chiết xuất trái cây cô đặc.</p> <p>Nội dung dự thảo bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các loại trái cây được sử dụng làm nước ép và tỷ lệ đồng nhất (độ Brix) của trái cây trong từng loại sản phẩm. - Các thành phần chính và thành phần khác có trong đồ uống. - Các tiêu chuẩn vật lý như: màu sắc, mùi thơm, vị của đồ uống so với trái cây tươi. - Các chất phụ gia thực phẩm và hàm lượng được phép. - Các chất hỗ trợ quá trình chế biến: mức tối đa được sử dụng trong tiêu chuẩn GMP. - Các tiêu chuẩn chung về tồn dư thuốc trừ sâu, vi khuẩn, giới hạn chất phóng xạ, còi,... - Quy định về đóng gói, vận chuyển và bảo quản. - Quy định về dán nhãn.
58.	G/SPS/N/BDI/113, G/SPS/N/KEN/291, G/SPS/N/RWA/106, G/SPS/N/TZA/366, G/SPS/N/UGA/340	CLCB	Burundi	26/6/2024	DEAS 1204:2024, Bong bóng cá khô — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	<p>Dự thảo tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định về phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bong bóng cá khô dùng làm thực phẩm cho con người.</p> <p>Lưu ý: Dự thảo này cũng đã được thông báo bởi Ủy ban TBT.</p>
59.	G/SPS/N/BDI/112, G/SPS/N/KEN/290, G/SPS/N/RWA/105,	CLCB	Burundi	26/6/2024	DEAS 1203: 2024, Trứng cá tươi/đông lạnh — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	<p>Dự thảo tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định về phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với trứng cá tươi/đông lạnh dùng làm thực phẩm cho con người.</p>

	G/SPS/N/TZA/365, G/SPS/N/UGA/339					Lưu ý: Dự thảo này cũng đã được thông báo bởi Ủy ban TBT.
60.	G/SPS/N/BDI/111, G/SPS/N/KEN/289, G/SPS/N/RWA/104, G/SPS/N/TZA/364, G/SPS/N/UGA/338	CLCB	Burundi	26/6/2024	DEAS 1201: 2024, Bột cá — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định về phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột cá dùng làm thực phẩm cho con người. Lưu ý: Dự thảo này cũng đã được thông báo bởi Ủy ban TBT.
61.	G/SPS/N/BDI/110, G/SPS/N/KEN/288, G/SPS/N/RWA/103, G/SPS/N/TZA/363, G/SPS/N/UGA/337	CLCB	Burundi	26/6/2024	DEAS 897: 2024, Đuôi tôm hùm đông lạnh — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai	Dự thảo tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định về phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với đuôi tôm hùm đông lạnh của tất cả các loài thuộc chi <i>Panulirus</i> , <i>Homarus</i> và <i>Peurulus</i> dùng làm thực phẩm cho con người. Lưu ý: Dự thảo này cũng đã được thông báo bởi Ủy ban TBT.
62.	G/SPS/N/BDI/109, G/SPS/N/KEN/287, G/SPS/N/RWA/102, G/SPS/N/TZA/362, G/SPS/N/UGA/336	CLCB	Burundi	26/6/2024	DEAS 871: 2024, Xúc xích cá - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai	Dự thảo tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định về phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với xúc xích cá dùng làm thực phẩm cho người. Tiêu chuẩn này áp dụng cho xúc xích cá tươi, xúc xích cá nấu chín, xúc xích cá hun khói, xúc xích cá khô và xúc xích cá lên men. Lưu ý: Dự thảo này cũng đã được thông báo bởi Ủy ban TBT.
63.	G/SPS/N/BDI/108, G/SPS/N/KEN/286, G/SPS/N/RWA/101, G/SPS/N/TZA/361, G/SPS/N/UGA/335	CLCB	Burundi	26/6/2024	DEAS 895: 2024, Protein cô đặc nguồn gốc từ cá (Fish Protein Concentrate – FPC) - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai	Dự thảo tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định về phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với protein cô đặc nguồn gốc từ cá dành cho người tiêu dùng. Lưu ý: Dự thảo này cũng đã được thông báo bởi Ủy ban TBT.
64.	G/SPS/N/EU/775	ATTP, BVTV, TY	Liên minh Châu Âu	26/6/2024	Dự thảo sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan	Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu xem xét mức dư lượng tối đa (MRL) hiện có đối với hoạt chất zoxamide theo Điều 12(1) của Quy định (EC) số 396/2005 và đặt ra giới hạn cho phép nhập khẩu đối với hành, tỏi và họ.

đến mức dư lượng tối đa đối với zoxamide trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định.

MRL zoxamide trong một số mặt hàng nhất định được thay đổi dựa trên MRL Codex, được duy trì và MRL cho một số mặt hàng nhất định và được hạ xuống tùy thuộc vào thực tế để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, cụ thể mức MRL được điều chỉnh như sau:

Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)
Nhóm quả có múi	0,02	0,01
Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,02	0,01
Nhóm quả dạng táo	0,02	0,01
Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ổi, sầu riêng và các loại quả khác)	0,02	0,01
Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,02	0,01
Hành, tỏi	0,02	0,7
Cà chua	0,5	2
Ớt chuông	0,02	0,01
Đậu bắp	0,02	0,01
Dưa chuột	2	2
Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	2	2
Cải bắp	0,02	0,01
Rau diếp, xà lách, cải bó xôi	30	0,01
Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)	0,02	0,01
Trà, cà phê	0,05	0,01
Hạt tiêu	0,05	0,05
Một số sản phẩm có nguồn gốc từ động vật	0,02	0,01
.....		

65.	G/SPS/N/EU/774	ATTP	Liên minh Châu Âu	26/6/2024	Dự thảo Quy định về việc sử dụng bisphenol A (BPA) và các bisphenol khác cũng như các dẫn xuất bisphenol, phân loại hài hòa các đặc tính nguy hiểm cụ thể trong một số vật liệu và các vật dụng tiếp xúc với thực phẩm, sửa đổi Quy định (EU) số 10/2011 và bãi bỏ Quy định (EU) 2018/213	Quy định cấm sử dụng bisphenol A (BPA) trong sản xuất các vật liệu và vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm bao gồm chất kết dính, cao su, nhựa trao đổi ion, nhựa, mực in, silicon, vecni và chất phủ.
66.	G/SPS/N/NZL/770	BVTV	Niu Di lân	25/6/2024	Tiêu chuẩn sức khỏe thực vật nhập khẩu 155.02.06: Nhập khẩu cây giống	Tiêu chuẩn mô tả các thông số kỹ thuật nhập khẩu và điều kiện đầu vào đối với cây giống (cây, cành giâm, củ và nuôi cấy mô) được nhập khẩu vào Niu Di-lân. Bộ Các ngành Công nghiệp cơ bản đề xuất những thay đổi tiêu chuẩn an toàn sức khỏe đối với giống nhập khẩu sau đây: <ul style="list-style-type: none"> • Bổ sung các biện pháp kiểm dịch thực vật <i>alstroemeria necrotic streak virus</i> và <i>tomato chlorotic spot virus</i> trên cây chủ <i>Hoya</i> để quản lý, các biện pháp bao gồm cả ngoài khơi và trên bờ; • Loại bỏ các biện pháp đối với các loại tobamovirus chưa xác định trên cây <i>Hoya</i>.
67.	G/SPS/N/BRA/2311	ATTP	Bra-xin	24/6/2024	Dự thảo Nghị quyết 1268, ngày 20/6 năm 2024	Dự thảo đề xuất quy định chức năng công nghệ, giới hạn, điều kiện sử dụng tối và công cụ công nghệ hỗ trợ được phép sử dụng trong thực phẩm. Dự thảo này là một phần của quy trình xây dựng Nghị quyết GMC/MERCOSUL.
68.	G/SPS/N/BRA/2310	ATTP, BVTV	Bra-xin	24/6/2024	Dự thảo Nghị quyết 1267, ngày 14/6/2024.	Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất c87 - silicon-based compounds cùng với C87.1-kaolin calcinated vào danh sách chuyên khảo về hoạt chất thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ,

						được công bố bởi Hướng dẫn quy phạm 103 ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin.						
69.	G/SPS/N/BRA/2309	ATTP, BVTV	Bra-xin	24/6/2024	Dự thảo Nghị quyết 1265, ngày 14/6/2024.	Dự thảo nghị quyết đề xuất cập nhật các hoạt chất A04 - giberellic acid, A26 - azoxystrobine, A29 - acetamiprid, A38 - acibenzolar-s-methyllic, B26 - bifenthrin, B46 - benzovindiflupyr, C29 - chlorimurone ethylic, C36 - cyproconazole, C64 - lot chianid ine , C66 - cyazoflamid, C70 - chlorantraniliprole, C74 - cyantraniliprole, D36 - difenocone, E34 - spidoxamate, F49 - fludioxonil, F66 - flubendiamide, F75 - flucarbazone sodium, M31 - metalaxil-m, T12 - tiabendazole, và T4 8 - thiametoxam vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất của thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn quy phạm 103 ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin						
70.	G/SPS/N/CAN/1559	ATTP, BVTV	Canada	21/6/2024	Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Bromoxynil (PMRL2024-11)	<p>Cơ quan Quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với bromoxynil, cụ thể như sau:</p> <table border="1"> <tr> <td>MRL (ppm)¹</td> <td>Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến</td> </tr> <tr> <td>0,02</td> <td>Củ hành, hành tươi</td> </tr> <tr> <td>0,01</td> <td>Tỏi tây</td> </tr> </table> <p>¹ppm= một phần triệu</p>	MRL (ppm) ¹	Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến	0,02	Củ hành, hành tươi	0,01	Tỏi tây
MRL (ppm) ¹	Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến											
0,02	Củ hành, hành tươi											
0,01	Tỏi tây											
71.	G/SPS/N/CAN/1558	ATTP, BVTV	Canada	21/6/2024	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Trifloxystrobin (PMRL2024-12)	<p>Cơ quan Quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với trifloxystrobin, cụ thể như sau:</p> <table border="1"> <tr> <td>MRL (ppm)¹</td> <td>Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến</td> </tr> <tr> <td>1,5</td> <td>Hành lá (nhóm cây trồng phụ 3-07B); kim ngân</td> </tr> </table>	MRL (ppm) ¹	Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến	1,5	Hành lá (nhóm cây trồng phụ 3-07B); kim ngân		
MRL (ppm) ¹	Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến											
1,5	Hành lá (nhóm cây trồng phụ 3-07B); kim ngân											

						0,041	Hành củ (nhóm cây trồng phụ 3-07A)
						ppm= một phần triệu	
72.	G/SPS/N/BRA/2278 /Rev.1	BVTV	Bra-xin	21/6/2024	Sắc lệnh SDA/MAPA Số 1.129, ngày 14/6/2024.	Ban Thư ký thanh tra sức khỏe động, thực vật (SDA) - Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi (MAPA) ban hành Sắc lệnh SDA/MAPA Số 1.129 ngày 14/6/2024 về việc thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống zinnia (<i>Zinnia spp.</i>).	

B. DANH SÁCH CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS ĐÃ CÓ HIỆU LỰC

STT	Mã WTO	ĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
1.	G/SPS/N/THA/615 /Add.1	BVTV	Thái Lan	17/7/2024	Tiêu chuẩn nông nghiệp “Quy tắc thực hành về kiểm tra và tiếp nhận sàu riêng tại đơn vị thu gom và nhà đóng gói”	Ban hành Tiêu chuẩn “Quy tắc thực hành về kiểm tra và tiếp nhận sàu riêng tại đơn vị thu gom và nhà đóng gói” của Cục Tiêu chuẩn Thực phẩm và Hàng hóa Nông nghiệp Quốc gia (ACFS), Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã. Tiêu chuẩn này đã thông báo trong G/SPS/N/THA/615 ngày 9/2/2023 và được công bố trên Công báo Hoàng gia ngày 10/7/2024 và có hiệu lực từ ngày 10/7/2025.
2.	G/SPS/N/EGY/92 /Add.7	CLCB	Ai Cập	12/7/2024	Sửa đổi thời hạn sử dụng đối với thực phẩm	Nghị định số 361/2024 về việc kéo dài thời hạn sử dụng đối với cá đông lạnh và gan đông lạnh được quy định trong Tiêu chuẩn Ai Cập ES 2613-2/2008 về "Thời hạn sử dụng của các sản phẩm thực phẩm Phần 2: thời hạn sử dụng" thành 10 tháng đối với cá đông lạnh và 12 tháng đối với gan đông lạnh kể từ ngày giết mổ. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1/7/2024 đến ngày 31/12/2024. Lưu ý:

						<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 100/2019 đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.1 ngày 3/6/2020; - Nghị định Bộ trưởng số 653/2020 đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.2 ngày 15/3/2021; - Nghị định Bộ trưởng số 222/2021 đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.3 ngày 20/9/2021; - Nghị định Bộ trưởng số 522/2021 đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.4 ngày 18/3/2022; - Nghị định Bộ trưởng số 393/2022 đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.5 ngày 25/8/2022 và - Nghị định Bộ trưởng số 233/2023 đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.6 ngày 21/7/2023, <p>Đã được sửa đổi bởi Tiêu chuẩn này. Tiêu chuẩn này đã được xây dựng theo các Nghiên cứu Quốc gia. Nhà sản xuất và nhà nhập khẩu cập nhật thông tin liên quan đến các tiêu chuẩn của Ai Cập thông qua công báo chính thức. Ngày thông qua: 27/6/2024 Ngày có hiệu lực: 1/7/2024</p>
3.	G/SPS/N/MAR/97 /Add.1	CN, TS, TY	Maroc	11/7/2024	Dự thảo Nghị định về chất lượng và an toàn thức ăn chăn nuôi	<p>Dự thảo Nghị định về chất lượng và an toàn thức ăn chăn nuôi thông qua Nghị định số 2-23-557 ngày 14/5/2024 về chất lượng, an toàn và ghi nhãn thức ăn chăn nuôi dùng làm thực phẩm. Xem chi tiết dự thảo tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/MAR/24_04519_00_f.pdf</p>
4.	G/SPS/N/USA/3430 /Add.1	ATTP, TC	Hoa Kỳ	10/7/2024	Thu hồi quy định cho phép sử dụng Dầu thực vật brom hoá (BVO) trong Thực phẩm; Quy tắc cuối cùng	<p>Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) đề xuất thu hồi quy định cho phép sử dụng dầu thực vật brom hóa (BVO) trong thực phẩm vì không chắc chắn việc sử dụng BVO như một thành phần thực phẩm tạo hương vị trong</p>

						<p>các đồ uống có hương vị trái cây có ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng? Quy định có hiệu lực từ ngày 2/8/2024.</p> <p>Chi tiết xem tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/USA/24_04454_00_e.pdf</p>
5.	G/SPS/N/CAN/1396 /Add.2	TY, CN, TS	Canada	05/7/2024	<p>Bãi bỏ Quy định về thức ăn chăn nuôi năm 1983 và thay thế bằng Quy định về thức ăn chăn nuôi năm 2024</p>	<p>Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada đã ban hành Quy định về Thức ăn chăn nuôi năm 2024, thay thế Quy định về Thức ăn chăn nuôi trước đó năm 1983. Những quy định hiện đại hóa này bao gồm một loạt các yêu cầu mới và cập nhật nhằm cải thiện sự an toàn của thức ăn chăn nuôi và quá trình sản xuất, phản ánh các thông lệ quốc tế và hỗ trợ đổi mới trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi. Quy định mới sẽ được thực hiện dần dần, thông qua việc lùi thời hạn có hiệu lực hoặc giai đoạn chuyển tiếp để cho phép các bên liên quan thích ứng với các quy định mới.</p> <p>Các quy định mới bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Yêu cầu đối với điều chỉnh và thực hiện kế hoạch kiểm soát phòng ngừa, trong đó mô tả các mối nguy liên quan đến hàng hóa và hoạt động vận hành cũng như cách giảm thiểu những rủi ro (lùi thời hạn có hiệu lực 12 tháng); • Yêu cầu lưu giữ hồ sơ chi tiết để hỗ trợ quản lý rủi ro tốt hơn trong chuỗi cung ứng thức ăn chăn nuôi. Các bên sẽ cần lưu giữ hồ sơ điện tử hoặc giấy tờ về nơi mua và bán cho ai trong thời gian hai năm. (có hiệu lực chậm 12 tháng); • Cập nhật các tiêu chuẩn chung và an toàn cho thức ăn chăn nuôi để phản ánh tính khoa học, rủi ro, thực tiễn sản xuất và công nghệ hiện tại hơn; • Yêu cầu cấp phép đối với thức ăn chăn nuôi theo quy định và các hoạt động buôn bán thức ăn chăn nuôi giữa

						<p>các tỉnh, xuất khẩu và nhập khẩu để bán (có hiệu lực chậm 18 tháng);</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cách tiếp cận cấp phép rõ ràng hơn và được mở rộng đối với thức ăn chăn nuôi, cụ thể là phê duyệt thành phần thức ăn chăn nuôi và đăng ký thức ăn hỗn hợp; • Ghi nhãn mới yêu cầu thông tin về sức khỏe và an toàn phải bằng cả ngôn ngữ chính thức và sử dụng mã nhận dạng (số lô) trên tất cả các nhãn thức ăn chăn nuôi (có hiệu lực ngay lập tức, với thời gian chuyển tiếp 1 năm) • Mở rộng phạm vi các loài vật nuôi tuân theo Đạo luật và Quy định về thức ăn chăn nuôi. Các loài sau đây sẽ được thêm: Các loài chim săn bắn (chim bồ câu, gà lôi, gà gô, chim cú, gà gô, gà sao và chim công), loài chim không biết bay, bò rừng bison, trâu nước, họ hươu nai, lạc đà không bướu, lạc đà alpacas, động vật thân mềm, động vật giáp xác và ong. Chồn và cáo được coi là động vật cung cấp thực phẩm. Gia súc, ngựa, cừu, dê, lợn, gia cầm (gà, gà tây, vịt và ngỗng), cá và thỏ sẽ tiếp tục trong phạm vi các loài vật nuôi; • Cập nhật và làm rõ các trường hợp miễn trừ khỏi Đạo luật và Quy định về Thức ăn chăn nuôi.
6.	G/SPS/N/BRA/2212 /Add.1	ATTP	Bra-xin	05/7/2024	Dự thảo Nghị quyết 1198, ngày 25/8/2023	Dự thảo Nghị quyết 1198, ngày 25/8/2023 được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2212 đã được thông qua bởi Hướng dẫn Quy phạm 306, ngày 1/7/2024. Quy định này thiết lập các tiêu chuẩn kỹ thuật, giới hạn tối đa và điều kiện sử dụng đối với phụ gia thực phẩm.
7.	G/SPS/N/BDI/43/Add.1G/SPS/N/KEN/199/Add.1, G/SPS/N/RWA/36/Add.1, G/SPS/N/TZA/257/Add.1, G/SPS/N/UGA/240/Add.1	TY, CN	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 75: 2023, Thức ăn gia súc hỗn hợp — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ ba	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 75: 2023, Thức ăn gia súc hỗn hợp — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ ba, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024.

8.	G/SPS/N/BDI/42/Add.1, G/SPS/N/KEN/198/Add.1, G/SPS/N/RWA/35/Add.1, G/SPS/N/TZA/256/Add.1, G/SPS/N/UGA/239/Add.1	ATTP	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 1128: 2023, Bao bì Acesulfame Kali — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 1128: 2023, Bao bì Acesulfame Kali — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất đã, được thông qua vào ngày 14/6/2024.
9.	G/SPS/N/BDI/41/Add.1, G/SPS/N/KEN/197/Add.1, G/SPS/N/RWA/34/Add.1, G/SPS/N/TZA/255/Add.1, G/SPS/N/UGA/238/Add.1	BVTV	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 1129: 2023, Chiết xuất quế tự nhiên — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 1129: 2023, Chiết xuất quế tự nhiên — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024.
10.	G/SPS/N/BDI/40/Add.1, G/SPS/N/KEN/196/Add.1, G/SPS/N/RWA/33/Add.1, G/SPS/N/TZA/254/Add.1, G/SPS/N/UGA/237/Add.1	BVTV	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 1130: 2023, Chiết xuất cà phê tự nhiên — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 1130: 2023, Chiết xuất cà phê tự nhiên — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024.
11.	G/SPS/N/BDI/39/Add.1, G/SPS/N/KEN/195/Add.1, G/SPS/N/RWA/32/Add.1, G/SPS/N/TZA/253/Add.1, G/SPS/N/UGA/236/Add.1	BVTV	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 1131: 2023, Chiết xuất cam tự nhiên — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 1131: 2023, Chiết xuất cam tự nhiên — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024.
12.	G/SPS/N/BDI/47/Add.1, G/SPS/N/KEN/203/Add.1, G/SPS/N/RWA/40/Add.1, G/SPS/N/TZA/261/Add.1, G/SPS/N/UGA/244/Add.1	TY, CN	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 55: 2023, Thức ăn hỗn hợp cho lợn — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ ba	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 55: 2023, Thức ăn hỗn hợp cho lợn — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ ba, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024.
13.	G/SPS/N/BDI/46/Add.1, G/SPS/N/KEN/202/Add.1, G/SPS/N/RWA/39/Add.1, G/SPS/N/TZA/260/Add.1, G/SPS/N/UGA/243/Add.1	TY, CN	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 90: 2023, Thức ăn gia cầm hỗn hợp — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ ba	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 90: 2023, Thức ăn gia cầm hỗn hợp — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ ba, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024.

14.	G/SPS/N/BDI/45/Add.1, G/SPS/N/KEN/201/Add.1, G/SPS/N/RWA/38/Add.1, G/SPS/N/TZA/259/Add.1, G/SPS/N/UGA/242/Add.1	TY, CN	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 974:2023, Thức ăn hỗn hợp cho dê lấy sữa — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 974:2023, Thức ăn hỗn hợp cho dê lấy sữa — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024
15.	G/SPS/N/BDI/44/Add.1, G/SPS/N/KEN/200/Add.1, G/SPS/N/RWA/37/Add.1, G/SPS/N/TZA/258/Add.1, G/SPS/N/UGA/241/Add.1	TY, CN	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 973 - 1: 2023, Thức ăn hỗn hợp cho cá – Đặc điểm kỹ thuật – Phần 1: Thức ăn cho cá rô phi và cá da trơn, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 973 - 1: 2023, Thức ăn hỗn hợp cho cá - Đặc điểm kỹ thuật - Phần 1: Thức ăn cho cá rô phi và cá da trơn, Ấn bản đầu tiên, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024.
16.	G/SPS/N/BDI/38/Add.1, G/SPS/N/KEN/194/Add.1, G/SPS/N/RWA/31/Add.1, G/SPS/N/TZA/252/Add.1, G/SPS/N/UGA/235/Add.1	BVTV	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 1132: 2023, Chiết xuất vani tự nhiên - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 1132: 2023, Chiết xuất vani tự nhiên — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024.
17.	G/SPS/N/BRA/2294 /Add.1	ATTP, BVTV	Bra-xin	02/7/2024	Dự thảo Nghị quyết 1246, ngày 21/3/2024	Dự thảo Nghị quyết 1246, ngày 21/3/2024 - được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2294, đã được thông qua bởi Hướng dẫn Quy phạm 305, ngày 28/6/2024. Quy định đề xuất đưa các hoạt chất sau: A29 - acetamiprid, A41 - amicarbazone, 26 - bifenthrin, C29 - chlorimuron ethyl, C36 - cyproconazol, C89 - cinmethyline, D06 - deltamethrin, D21 - diquat, D41 - iafentiuron, E26 - spiromesifen, F26 - fomesafem, F28 - fenpropathrin, F46 - flumioxazine, F48 - flazasulfurom, F69 - flupyradifurone, F71 - benzyl floriopyrafifen, F72 - fluopyram, G05 - amoni glufosinate, I18 - isoxaflutole, I34 - isopyrazam, M17 - methomyl, T30 - thiodicarb, T32 - tebuconazole, và T54 - trifloxystrobin vào danh sách chuyên khảo về thành phần hoạt chất dành cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ.

18.	G/SPS/N/JPN/1224 /Add.1	ATTP, TY	Nhật Bản	01/7/2024	Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn mức dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) cho tribromsalan được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1224 (ngày 7/8/2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023. Mức MRL được điều chỉnh giảm từ 0,04 ppm xuống còn 0,01 ppm trên một số sản phẩm từ gia súc Chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_04128_00_e.pdf						
19.	G/SPS/N/JPN/1223 /Add.1	ATTP, TY, CLCB	Nhật Bản	01/7/2024	Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn mức dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho Ormetoprim được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1223 (ngày 7/8/2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023. Cụ thể như sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nhóm sản phẩm</th> <th>Mức MRL mới (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (thịt bắp, nội tạng.v.v..)</td> <td>0,02-0,1</td> </tr> <tr> <td>Sản phẩm thủy sản</td> <td>0,1</td> </tr> </tbody> </table> Chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_04127_00_e.pdf	Nhóm sản phẩm	Mức MRL mới (ppm)	Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (thịt bắp, nội tạng.v.v..)	0,02-0,1	Sản phẩm thủy sản	0,1
Nhóm sản phẩm	Mức MRL mới (ppm)											
Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (thịt bắp, nội tạng.v.v..)	0,02-0,1											
Sản phẩm thủy sản	0,1											
20.	G/SPS/N/JPN/1222 /Add.1	ATTP, TY	Nhật Bản	01/7/2024	Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn mức dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho cyphenothrin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1222 (ngày 7/8/2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023. Cụ thể như sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nhóm sản phẩm</th> <th>Mức MRL mới (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (thịt bắp, nội tạng.v.v..)</td> <td>0,01</td> </tr> </tbody> </table> Chi tiết tại:	Nhóm sản phẩm	Mức MRL mới (ppm)	Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (thịt bắp, nội tạng.v.v..)	0,01		
Nhóm sản phẩm	Mức MRL mới (ppm)											
Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (thịt bắp, nội tạng.v.v..)	0,01											

						https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_04126_00_e.pdf
21.	G/SPS/N/JPN/1221 /Add.1	ATTP, TY, CLCB	Nhật Bản	01/7/2024	Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn mức dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho clostebol được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1221 (ngày 7/8/2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023, cụ thể, các sản phẩm có nguồn gốc động vật, thủy sản và mật ong trong quy định cũ được thiết lập ở mức 0,0005 ppm được nâng lên mức đồng nhất 0,01 ppm Chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_04125_00_e.pdf
22.	G/SPS/N/JPN/1220 /Add.1	ATTP, TY	Nhật Bản	01/7/2024	Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn mức dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Đề xuất đưa hợp chất bismuth subnitrate là "Chất trong thực phẩm không gây ra bất kỳ ảnh hưởng xấu nào đến sức khỏe" được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1220 (ngày 7/8/2023), được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023. Chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_04124_00_e.pdf
23.	G/SPS/N/JPN/1219 /Add.1	ATTP, BVTV, TY	Nhật Bản	01/7/2024	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn mức dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)	Đề xuất mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với prothioconazole được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1219 (ngày 7/8/2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023, có hiệu lực vào 20/12/2024, cụ thể: - Lúa mạch, lúa mạch đen, kiều mạch và các loại ngũ cốc khác: Giảm MRL từ 0,4 ppm xuống 0,3 ppm; - Ngô (bao gồm bông và ngô ngọt): Giảm MRL từ 0,4 ppm xuống 0,1 ppm; - Hạt cải dầu: Giảm MRL từ 0,2 ppm xuống 0,1 ppm;

						<p>- Trứng gà và trứng gia cầm khác: Giảm MRL từ 0,006 ppm xuống 0,005 ppm; - Một sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ. Chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_04123_00_e.pdf</p>																											
24.	G/SPS/N/JPN/1217 /Add.1	ATTP, BVTV, TY	Nhật Bản	01/7/2024	<p>Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Điều luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)</p>	<p>Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với fluxapyroxad được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1217 (ngày 7/8/2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023. Một số sản phẩm được điều chỉnh tăng, giảm hoặc giữ nguyên, cụ thể sự điều chỉnh như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Sản phẩm</th> <th>Mức MRL cũ (ppm)</th> <th>Mức MRL mới (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Khoai tây</td> <td>0,03</td> <td>0,07</td> </tr> <tr> <td>Khoai môn, khoai lang.v.v..</td> <td>0,02</td> <td>0,03</td> </tr> <tr> <td>Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)</td> <td></td> <td>0,5</td> </tr> <tr> <td>Nhóm quả có múi</td> <td>1</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>Nhóm gia vị khác</td> <td>20</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>Quả ôi</td> <td>7</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Đu đủ</td> <td></td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Xem chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_04122_00_e.pdf <i>Tại Việt Nam, hoạt chất fluxapyroxad và penconazole được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</i></p>	Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)	Khoai tây	0,03	0,07	Khoai môn, khoai lang.v.v..	0,02	0,03	Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)		0,5	Nhóm quả có múi	1	4	Nhóm gia vị khác	20	7	Quả ôi	7	0,01	Đu đủ		1		
Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)																															
Khoai tây	0,03	0,07																															
Khoai môn, khoai lang.v.v..	0,02	0,03																															
Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)		0,5																															
Nhóm quả có múi	1	4																															
Nhóm gia vị khác	20	7																															
Quả ôi	7	0,01																															
Đu đủ		1																															
.....																																	
25.	G/SPS/N/JPN/1216 /Add.1	ATTP, BVTV,	Nhật Bản	01/7/2024	<p>Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm,</p>	<p>Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với fenamiphos được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1216</p>																											

		TY, CLCB			phụ gia thực phẩm, v.v. theo Điều luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)	(ngày 7/8/2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023. Cụ thể, các sản phẩm được điều chỉnh mức đồng nhất 0,01 ppm, ngoại trừ một số sản phẩm như cải bắp, táo, chuối và mật ong.v.v.. được thiết lập ở mức 0,05 ppm Chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_04121_00_e.pdf																																				
26.	G/SPS/N/JPN/1215 /Add.1	ATTP, BVTV, TY	Nhật Bản	01/7/2024	Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn mức dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	<p>Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với dimethomorph được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1221 (ngày 7/8/2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023. Một số sản phẩm được điều chỉnh tăng, giảm hoặc giữ nguyên, cụ thể sự điều chỉnh như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Hàng hóa</th> <th>Mức MRL cũ (ppm)</th> <th>Mức MRL mới (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đậu nành khô</td> <td>0,2</td> <td>0,04</td> </tr> <tr> <td>Đậu khô</td> <td>0,3</td> <td>0,2</td> </tr> <tr> <td>Cải bắp</td> <td>6</td> <td>0,038</td> </tr> <tr> <td>Hành, tỏi</td> <td>2</td> <td>0,6</td> </tr> <tr> <td>Cà tím, đậu bắp</td> <td>1</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>Nhóm gia vị khác</td> <td>20</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>Quả ôi</td> <td>7</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Đu đủ</td> <td></td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>Quả khác</td> <td>1</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>Mật ong</td> <td></td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_04120_00_e.pdf</p>	Hàng hóa	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)	Đậu nành khô	0,2	0,04	Đậu khô	0,3	0,2	Cải bắp	6	0,038	Hành, tỏi	2	0,6	Cà tím, đậu bắp	1	2	Nhóm gia vị khác	20	7	Quả ôi	7	0,01	Đu đủ		2	Quả khác	1	2	Mật ong		0,05		
Hàng hóa	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)																																								
Đậu nành khô	0,2	0,04																																								
Đậu khô	0,3	0,2																																								
Cải bắp	6	0,038																																								
Hành, tỏi	2	0,6																																								
Cà tím, đậu bắp	1	2																																								
Nhóm gia vị khác	20	7																																								
Quả ôi	7	0,01																																								
Đu đủ		2																																								
Quả khác	1	2																																								
Mật ong		0,05																																								
.....																																										

27.	G/SPS/N/EU/729 /Add.1	TY, CN	Liên minh Châu Âu	25/6/2024	Rút khỏi thị trường một số phụ gia thức ăn chăn nuôi	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/729 (ngày 23/2/2024) được thông qua bởi Quy định (EU) 2024/1727 ngày 20/6/2024 về việc rút khỏi thị trường một số phụ gia thức ăn chăn nuôi Quy định có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau khi được công bố trên Tạp chí Chính thức của châu Âu.
-----	--------------------------	--------	-------------------------	-----------	---	---

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn hoặc <https://docs.wto.org/>

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế, Vụ KHCN - Bộ CT); BVTV: Bảo vệ thực vật; CLCB: Chất lượng, chế biến; CN: Chăn nuôi; CT: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương; TY: Thú y. Các đơn vị rà soát kỹ nội dung thông báo dự thảo liên quan đến lĩnh vực quản lý để góp ý và triển khai thực hiện.

PHỤ LỤC

Danh sách các thông báo về dự thảo và quy định có hiệu lực về SPS của các nước thành viên WTO từ ngày 21/6/2024 đến ngày 20/7/2024

(Ban hành kèm theo Công văn số: /XNK-NS, ngày tháng năm 2024)

B. DANH SÁCH CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS ĐANG XIN Ý KIẾN CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN

STT	Mã WTO	ĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
73.	G/SPS/N/THA/232 /Rev.2	TY	Thái Lan	18/7/2024	Dự thảo thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH) số ... B.E. ..., Về điều kiện nhập khẩu thực phẩm có nguy cơ mắc bệnh não xốp ở bò (bệnh bò điên)	Để bảo vệ người tiêu dùng, Bộ Y tế Công cộng(MOPH) đề xuất sửa đổi thông báo MOPH liên quan đến điều kiện nhập khẩu đối với thực phẩm có nguy cơ mắc Bệnh não xốp ở bò (bệnh bò điên). Nội dung của dự thảo như sau: 1. Thông báo MOPH (Số 377) B.E. 2559 (2016) về việc chỉ rõ các yêu cầu và điều kiện nhập khẩu thực phẩm có nguy cơ mắc bệnh não xốp ở bò", ngày 11/7/2016 bị bãi bỏ và được thay thế bằng dự thảo thông báo MOPH này; 2. Phân loại nguy cơ BSE của quần thể bò của một quốc gia, khu vực thành ba loại theo tiêu chí WOAHAH như sau: - Loại 1: Quốc gia có nguy cơ BSE không đáng kể; - Loại 2: Quốc gia phải kiểm soát nguy cơ BSE; và - Loại 3: Quốc gia có nguy cơ BSE không xác định; Danh sách các quốc gia hoặc khu vực được quy định trong danh sách đính kèm dự thảo thông báo này; 3. Mô tả các định nghĩa về "Thịt", "Thịt tươi" và "Các sản phẩm thịt" giống như được mô tả trong thông báo số 377 của Bộ Y tế và bổ sung định nghĩa về "Trạm kiểm soát nhập khẩu"; 4. Sửa đổi các điều kiện nhập khẩu thịt tươi và các sản phẩm thịt cho người tiêu dùng vào Thái Lan theo tiêu chí WOAHAH.

						Thông báo này sẽ có hiệu lực sau khi được đăng trên Công báo Hoàng gia.				
74.	G/SPS/N/CAN/1563	ATTP, BVTV	Canada	18/7/2024	Đề xuất mức giới hạn dư lượng tối đa metsulfuron-methyl (PMRL2024-15)	<p>Mục đích của văn bản thông báo PMRL2024-15 nhằm tham khảo về giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với metsulfuron-methyl được Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất, cụ thể:</p> <table border="1"> <tr> <td>MRL (ppm)¹</td> <td>Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến</td> </tr> <tr> <td>0,1</td> <td>Lúa mạch đen (<i>Triticale</i>)</td> </tr> </table> <p>¹ppm= một phần triệu</p>	MRL (ppm) ¹	Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến	0,1	Lúa mạch đen (<i>Triticale</i>)
MRL (ppm) ¹	Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến									
0,1	Lúa mạch đen (<i>Triticale</i>)									
75.	G/SPS/N/CAN/1562	ATTP, BVTV	Canada	18/7/2024	Đề xuất mức giới hạn dư lượng tối đa dimethenamid (PMRL2024-14)	<p>Mục đích của thông báo là để tham vấn về mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với dimethenamid do Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất, cụ thể:</p> <table border="1"> <tr> <td>MRL (ppm)¹</td> <td>Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến</td> </tr> <tr> <td>0,01</td> <td>Củ hành</td> </tr> </table> <p>¹ppm= một phần triệu</p>	MRL (ppm) ¹	Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến	0,01	Củ hành
MRL (ppm) ¹	Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến									
0,01	Củ hành									
76.	G/SPS/N/AUS/591	ATTP, BVTV	Úc	18/7/2024	Dự thảo sửa đổi Phụ lục 20 của Luật Tiêu chuẩn thực phẩm Úc và Niu Di-lân	<p>Dự thảo sửa đổi Luật Tiêu chuẩn thực phẩm Úc và Niu Di-lân, điều chỉnh mức giới hạn tối đa tồn dư (MRL) đối với các hóa chất trong nông nghiệp và thú y phù hợp với các quy định quốc gia khác đảm bảo sử dụng hóa chất an toàn, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cyazofamid, 2,4-D, emamectin, flonicamid, fluopyram, fluxapyroxad, isocycloseram, mesotrione, methoxyfenozide, metolachlor, metribuzin and quinoxifen trong sản phẩm có nguồn gốc thực vật; - Mefentrifluconazole trong sản phẩm có nguồn gốc động. <p>Dự thảo tăng MRL đối với 2,4 –D trong quả óc chó từ 0,05mg/kg lên 0,2 mg/kg, việc này được cho là tạo thuận</p>				

						<p>lợi thương mại vì Codex, EU, và Mỹ đều thiết lập mức MRL đối với các loại hạt ở mức 0,2 mg/kg. Vì vậy không cần phải có thời gian tham vấn.</p> <p>Dự thảo cũng bổ sung thêm MRL đối với fluopyram trên củ và các loại thân củ: 0,2 mg/kg, khoai lang: 0,02 mg/kg.</p>									
77.	G/SPS/N/CHL/796	BVTV	Chi-lê	17/7/2024	<p>Sửa đổi Nghị quyết số 655 ngày 24/01/2024, thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với nguyên liệu thực vật nhân giống như nuôi cấy mô trong ống nghiệm (in vitro), các giống và loài ăn quả, rau, cây công nghiệp, cây cảnh và cây lâm nghiệp</p>	<p>Nghị quyết số 655 năm 2024, thiết lập các yêu cầu đối với việc nhập khẩu nguyên liệu thực vật làm nuôi cấy mô trong ống nghiệm (in vitro) vào Chi-lê, được sửa đổi như sau: Phần 5.3.1 GENERA/LOẠI TRÁI CÂY.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>loài</th> <th>Tuyên bố bổ sung</th> <th>Loại kiểm dịch</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><i>Sambucus nigra</i></td> <td>Cây có nguồn gốc từ cây mẹ đã được kiểm tra và phân tích (nêu cụ thể phương pháp chẩn đoán) vào thời điểm tối ưu để phát hiện sâu bệnh và không phát hiện <i>Blueberry scorch virus</i>, <i>Cherry leafroll virus</i>, <i>Cherry rasp leaf virus</i>, <i>Tobacco necrosis virus</i>, <i>Tomato black ring virus</i>, <i>Tomato bushy stunt virus</i> hoặc <i>Xylella fastidiosa</i>.</td> <td>Cách ly trong ống nghiệm và Cách ly ngoài ống nghiệm</td> </tr> <tr> <td><i>Monstera</i> spp.</td> <td>Không có tuyên bố bổ sung</td> <td>Không cần cách ly</td> </tr> </tbody> </table> <p>Để biết thêm chi tiết, hãy xem lại tài liệu đính kèm thông báo này tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/CHL/24_04612_00_s.pdf</p>	loài	Tuyên bố bổ sung	Loại kiểm dịch	<i>Sambucus nigra</i>	Cây có nguồn gốc từ cây mẹ đã được kiểm tra và phân tích (nêu cụ thể phương pháp chẩn đoán) vào thời điểm tối ưu để phát hiện sâu bệnh và không phát hiện <i>Blueberry scorch virus</i> , <i>Cherry leafroll virus</i> , <i>Cherry rasp leaf virus</i> , <i>Tobacco necrosis virus</i> , <i>Tomato black ring virus</i> , <i>Tomato bushy stunt virus</i> hoặc <i>Xylella fastidiosa</i> .	Cách ly trong ống nghiệm và Cách ly ngoài ống nghiệm	<i>Monstera</i> spp.	Không có tuyên bố bổ sung	Không cần cách ly
loài	Tuyên bố bổ sung	Loại kiểm dịch													
<i>Sambucus nigra</i>	Cây có nguồn gốc từ cây mẹ đã được kiểm tra và phân tích (nêu cụ thể phương pháp chẩn đoán) vào thời điểm tối ưu để phát hiện sâu bệnh và không phát hiện <i>Blueberry scorch virus</i> , <i>Cherry leafroll virus</i> , <i>Cherry rasp leaf virus</i> , <i>Tobacco necrosis virus</i> , <i>Tomato black ring virus</i> , <i>Tomato bushy stunt virus</i> hoặc <i>Xylella fastidiosa</i> .	Cách ly trong ống nghiệm và Cách ly ngoài ống nghiệm													
<i>Monstera</i> spp.	Không có tuyên bố bổ sung	Không cần cách ly													
78.	G/SPS/N/CAN/1561	ATTP	Canada	17/7/2024	<p>Sửa đổi danh mục chất ngọt được phép sử dụng, mở rộng việc sử dụng sucralose</p>	<p>Tổng cục Thực phẩm và Dinh dưỡng của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với phụ gia thực phẩm sucralose trong các chế</p>									

						<p>phẩm protein dạng lỏng được sử dụng dưới sự giám sát y tế và cho người tiêu dùng từ 18 tuổi trở lên. Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường là an toàn. Do đó, Bộ Y tế Canada đã sửa đổi Danh sách chất làm ngọt được phép (mở rộng cho phép sử dụng sucralose), có hiệu lực từ ngày 11/ 7/2024.</p>
79.	G/SPS/N/ALB/208	BVTV	An-ba-ni	17/7/2024	Sửa đổi “Luật 15/2022 bổ sung, sửa đổi của Luật số 105/2016 Về bảo vệ thực vật”	<p>Luật số 105/2016 về Bảo vệ Thực vật có hai vấn đề chính, đó là sức khỏe thực vật và các sản phẩm bảo vệ thực vật. Các sửa đổi chỉ điều chỉnh liên quan đến sức khỏe thực vật. Luật này cho phép điều chỉnh hoàn toàn hoặc một phần để phù hợp với quy định của EU trong lĩnh vực này thông qua các quy định dưới luật. Kể từ ngày 14/12/2019, luật mới của EU trong lĩnh vực này đã có hiệu lực, việc phê duyệt luật cho phép nhà sản xuất và doanh nghiệp thực hiện được việc đăng ký hoạt động trong lãnh thổ của An-ba-ni liên quan đến thực vật, sản phẩm thực vật và các đối tượng khác, giúp hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để thực hiện Hộ chiếu Thực vật.</p>
80.	G/SPS/N/ALB/207	BVTV	An-ba-ni	17/7/2024	Chi thị số 113 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 15/3/2022 về việc phê duyệt các biện pháp bảo vệ thực vật chống lại sinh vật gây hại trên lãnh thổ An-ba-ni	<p>Mục đích của quy định là ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan của dịch hại kiểm dịch (quarantine pests) và dịch hại không thuộc diện kiểm dịch (non-quarantine pests) trên lãnh thổ An-ba-ni, nhằm bảo vệ tốt nhất có thể đối với thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể khác thuộc phạm vi kiểm soát kiểm dịch thực vật.</p>
81.	G/SPS/N/UKR/224	ATTP	Ucraina	12/7/2024	Dự thảo “Sửa đổi Luật của Ucraina về cải thiện quy định sản xuất và lưu thông thực phẩm bổ sung”	<p>Dự thảo "Sửa đổi Luật của Ucraina về cải thiện quy định sản xuất và lưu thông thực phẩm bổ sung"; đưa ra định nghĩa mới về thuật ngữ "thực phẩm bổ sung"; thiết lập quy trình việc đưa thực phẩm bổ sung vào lưu thông; quy định thẩm quyền của Bộ Y tế Ucraina trong việc phê duyệt danh sách các vitamin và khoáng chất cũng như các chất khác; liều lượng tối đa được phép sử dụng trong</p>

					<p>thực phẩm bổ sung và trách nhiệm đối với việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm bổ sung không đạt yêu cầu.</p> <p>Dự thảo Luật đưa ra những yêu cầu cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Việc đưa thực phẩm bổ sung lần đầu vào lưu thông trên thị trường phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền bằng cách gửi thông báo ít nhất mười ngày làm việc; • Thực phẩm bổ sung bán cho người tiêu dùng phải dưới dạng đóng gói sẵn; • Chỉ những vitamin, chất khoáng trong danh mục được phép sử dụng mới được phép sử dụng để sản xuất thực phẩm bổ sung và phải tuân thủ liều lượng tối đa cho phép do Bộ Y tế Ukraina phê duyệt. <p>Thực phẩm bổ sung đáp ứng các yêu cầu của quy định cũ vẫn có thể được nhập khẩu vào Ukraina trong vòng một năm kể từ ngày Luật có hiệu lực.</p>																																				
82.	G/SPS/N/EU/787	ATTP, TY, BVTV	Liên minh Châu Âu	12/7/2024	<p>Dự thảo sửa đổi Phụ lục II Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về mức dư lượng tối đa đối với acetamiprid trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Sản phẩm</th> <th>Mức MRL cũ (ppm)</th> <th>Mức MRL mới (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Chuối</td> <td>0,4</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Dưa chuột</td> <td>0,3</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>Bí xanh</td> <td>0,3</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>Dưa (Melons)</td> <td>0,2</td> <td>0,08</td> </tr> <tr> <td>Bí ngô</td> <td>0,2</td> <td>0,08</td> </tr> <tr> <td>Dưa hấu</td> <td>0,2</td> <td>0,08</td> </tr> <tr> <td>Súp lơ (trắng, xanh)</td> <td>0,4</td> <td>0,06</td> </tr> <tr> <td>Cải bắp</td> <td>0,4</td> <td>0,03</td> </tr> <tr> <td>Rau cải bó xôi</td> <td>0,6</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Măng tây</td> <td>0,8</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Cà chua</td> <td>0,5</td> <td>0,06</td> </tr> </tbody> </table> <p>Dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) đối với acetamiprid trong một số mặt hàng thực phẩm, MRL của chất này trong một số mặt hàng nhất định được hạ xuống. Cụ thể một số MRL trong sản phẩm có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam như sau:</p>	Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)	Chuối	0,4	0,01	Dưa chuột	0,3	0,05	Bí xanh	0,3	0,05	Dưa (Melons)	0,2	0,08	Bí ngô	0,2	0,08	Dưa hấu	0,2	0,08	Súp lơ (trắng, xanh)	0,4	0,06	Cải bắp	0,4	0,03	Rau cải bó xôi	0,6	0,01	Măng tây	0,8	0,01	Cà chua	0,5	0,06
Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)																																							
Chuối	0,4	0,01																																							
Dưa chuột	0,3	0,05																																							
Bí xanh	0,3	0,05																																							
Dưa (Melons)	0,2	0,08																																							
Bí ngô	0,2	0,08																																							
Dưa hấu	0,2	0,08																																							
Súp lơ (trắng, xanh)	0,4	0,06																																							
Cải bắp	0,4	0,03																																							
Rau cải bó xôi	0,6	0,01																																							
Măng tây	0,8	0,01																																							
Cà chua	0,5	0,06																																							

						<table border="1"> <tr> <td>Ốt chuông/ ốt ngọt</td> <td>0,3</td> <td>0,09</td> </tr> </table> <p>Tại Việt Nam, hoạt chất acetamiprid được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với trên 40 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</p>	Ốt chuông/ ốt ngọt	0,3	0,09
Ốt chuông/ ốt ngọt	0,3	0,09							
83.	G/SPS/N/TUR/23/Rev.1 /Add.1	BVTV	Thổ Nhĩ Kỳ	11/7/2024	Quy định về kiểm dịch thực vật	Dự thảo trong thông báo G/SPS/N/TUR/23/Rev.1 về “Quy định kiểm dịch thực vật” được kéo dài thêm 30 ngày lấy ý kiến. Ngày lấy ý kiến được gian hạn đến ngày 3/9/2024.			
84.	G/SPS/N/CHN/1314	BVTV	Trung Quốc	11/7/2024	Biện pháp giám sát, quản lý kiểm dịch dược liệu nhập và xuất khẩu	<p>Nội dung dự thảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> Quy định phạm vi các loại dược liệu nhập khẩu và xuất khẩu; Quy định việc đăng ký đơn vị sản xuất, chế biến, bảo quản ở nước ngoài; các doanh nghiệp sản xuất ở ngoài nước phải đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn của quốc gia hoặc khu vực xuất khẩu; Quy định các yêu cầu của Tổng cục Hải quan về phân tích rủi ro sản phẩm của các quốc gia hoặc khu vực đã tiếp tục xuất khẩu dược liệu sang Trung Quốc cho lần đầu tiên hoặc sau thời gian tạm dừng, và bổ sung các điều kiện tiếp tục hoạt động sau thời gian tạm dừng; Tùy theo tình hình ngăn chặn dịch bệnh tại cảng hoặc diễn biến tình hình dịch bệnh ở nước ngoài, có thể tiến hành rà soát lại các loại dược liệu đã được phép nhập cảnh trong nước và các quốc gia tương ứng hoặc các khu vực xuất xứ. 			
85.	G/SPS/N/CHN/1313	TY	Trung Quốc	11/7/2024	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia: Thịt đã được nấu chín	<p>Dự thảo Tiêu chuẩn GB 2726-XXXX thay thế cho tiêu chuẩn GB 2726-2016 áp dụng đối với thịt đã được nấu chín. Tiêu chuẩn mới này có một số thay đổi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi điều chỉnh; - Các thuật ngữ và định nghĩa; 			

						<ul style="list-style-type: none"> - Các yêu cầu kỹ thuật; - Giới hạn vi sinh vật. <p>Và một số yêu cầu khác được bổ sung.</p>
86.	G/SPS/N/CHN/1312	ATTP, BVTV, TY, CLCB	Trung Quốc	11/7/2024	<p>Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của P.R.C.: Quy tắc thực hành nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm chì trong thực phẩm.</p>	<p>Dự thảo Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của P.R.C.: Quy tắc thực hành nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm chì trong thực phẩm, một số lưu ý của dự thảo như sau:</p> <p>Đối với sản xuất nguyên liệu thực phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước tưới nông nghiệp phải tuân thủ các yêu cầu của GB 5084; - Nước sử dụng cho chăn nuôi thủy sản phải tuân thủ các yêu cầu của GB 11607; - Hàm lượng chì trong phân bón phải tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia như GB 38400 và các quy định liên quan; - Đất dùng để trồng nguyên liệu thực vật làm thực phẩm phải tuân thủ các yêu cầu của GB 15618. Các nhà máy, đường sá, trường bắn bị nhiễm chì, v.v. phải cách xa đất trồng nhất có thể; - Hàm lượng chì trong thức ăn chăn nuôi phải tuân thủ GB 13078 và các quy định khác; - Cần nhanh chóng loại bỏ pin, phương tiện và máy móc bị bỏ hoang cũng như lớp sơn có chứa chì đã bị phong hóa trên các tòa nhà xung quanh trên đất được sử dụng để trồng và các chất thải khác có thể gây ô nhiễm chì; - Không được sử dụng vật tư nông nghiệp có chứa chì hoặc có thể bị nhiễm chì. <p>Thu hoạch, bảo quản và vận chuyển:</p>

					<ul style="list-style-type: none">- Nguyên liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm trong quá trình thu hoạch phải tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của Trung Quốc và các quy định liên quan, đồng thời các dụng cụ phải có đủ độ bền để đảm bảo không bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển và xử lý;- Máy vắt sữa và bể chứa sữa nguyên liệu phải tuân thủ các quy định của tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia như GB 48069, đồng thời phải theo dõi hàm lượng chì trong nguyên liệu sữa. Nếu hàm lượng chì có xu hướng tăng lên không nên sử dụng để sản xuất, chế biến nguồn sữa cho đến khi trở lại mức bình thường. <p>Chế biến thực phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hàm lượng chì trong nguyên liệu thực phẩm phải tuân thủ GB 2762 và các tiêu chuẩn khác. Bất kể có giới hạn ô nhiễm chì hay không, các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nên thực hiện các biện pháp kiểm soát để kiểm soát ô nhiễm chì trong nguyên liệu thực phẩm đảm bảo ở mức thấp nhất có thể, đặc biệt là nguyên liệu thô và phụ liệu dùng trong thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ;- Hàm lượng chì trong nước chế biến thực phẩm phải tuân thủ các tiêu chuẩn như GB 5749. <p>Nguyên liệu và vật liệu tiếp xúc với thực phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hàm lượng chì của chất tạo màu trong vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm như mực và chất phủ phải tuân thủ các yêu cầu của GB 9685. Không để mực in tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. <p>Bảo quản và Vận chuyển:</p>
--	--	--	--	--	---

						<ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình vận chuyển và bảo quản thực phẩm, cần thực hiện các biện pháp chống bụi để kiểm soát ô nhiễm chi; - Các vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm được sử dụng phải có đủ độ bền để đảm bảo chúng không bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển, xử lý và bảo quản cũng như ngăn ngừa nhiễm bẩn chi. - Thời hạn góp ý: 09/9/2024. <p><i>(chi tiết tài liệu bản dịch tiếng Anh không chính thức kèm theo)</i></p>
87.	G/SPS/N/CHN/1311	ATTP, BVTV, TY, CLCB	Trung Quốc	11/7/2024	<p>Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.: Quy tắc kiểm soát ô nhiễm acrylamide trong thực phẩm</p> <p>Ủy ban Y tế Quốc gia - Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa dự thảo Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia P.R.C.: Quy định về kiểm soát ô nhiễm acrylamide trong thực phẩm, cụ thể:</p> <p>Tiêu chuẩn này áp dụng cho việc phòng ngừa và kiểm soát việc tạo ra acrylamide trong thực phẩm được làm từ nguyên liệu thô giàu đường khử và asparagine (bao gồm khoai tây, ngũ cốc, cà phê, v.v.) thông qua quá trình chế biến nhiệt như chiên, nướng và rang.</p> <p>Nội dung dự thảo bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu cơ bản đối với nguyên liệu thô; - Các yêu cầu cơ bản trong quy trình chế biến; - Phụ lục A: Các biện pháp kiểm soát acrylamide; - Phụ lục B: Hướng dẫn giảm acrylamide trong các loại thực phẩm. <p><i>(chi tiết tài liệu bản dịch tiếng Việt không chính thức và tiếng Trung kèm theo)</i></p>	

88.	G/SPS/N/CHN/1310	ATTP, CT	Trung Quốc	11/7/2024	Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.: Quy tắc Thực hành để giảm 3-Monochloropropane-1,2-Diol Este (3-MCPDE) và Glycidyl Este (GE) trong dầu tinh chế và các sản phẩm thực phẩm làm từ dầu tinh chế.	Quy tắc thực hành này cung cấp hướng dẫn để ngăn ngừa và giảm thiểu sự hình thành 3-MCPDE và GE trong dầu tinh chế (dầu thực vật và dầu cá) và các sản phẩm thực phẩm được làm từ dầu tinh chế (dầu thực vật và dầu cá).
89.	G/SPS/N/CHN/1309	ATTP	Trung Quốc	11/7/2024	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa: Phụ gia thực phẩm vỏ hạt sồi nâu	Tiêu chuẩn này là quy định mới chỉ định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử nghiệm đối với phụ gia thực phẩm vỏ hạt sồi nâu. Tiêu chuẩn này áp dụng cho phụ gia thực phẩm sử dụng vỏ hạt sồi làm nguyên liệu thông qua nhiều quy trình chiết xuất, tách, cô đặc và sấy khô. <i>(chi tiết tài liệu bản dịch tiếng Anh không chính thức kèm theo)</i>
90.	G/SPS/N/CHN/1295 /Add.1	ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT	Trung Quốc	11/7/2024	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa: Nguyên tắc chung về ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn	Thông báo thay đổi nội dung trong thông báo G/SPS/N/CHN/1295 về dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của P.R.C.: Nguyên tắc chung về ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn, cụ thể: - Xóa các định nghĩa về thuộc tính tên, hạn sử dụng và công bố thực phẩm cũng như các yêu cầu cụ thể đối với công bố thực phẩm trong Phụ lục E; - Sửa đổi yêu cầu ghi nhãn ngày sản xuất. Đối với thực phẩm đóng gói sẵn có thời hạn sử dụng trên một năm và diện tích bề mặt tối đa của bao bì không quá 20 cm ² , chỉ cần ghi thời hạn sử dụng và ngày hết hạn, không cần ghi ngày sản xuất.

91.	G/SPS/N/CHN/1308	ATTP	Trung Quốc	11/7/2024	<p>Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Phụ gia thực phẩm Amoni cacbonat</p>	<p>Dự thảo của Ủy ban Y tế Quốc gia - Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về dự thảo Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia P.R.C.: Phụ gia thực phẩm amoni cacbonat, cụ thể:</p> <p>Tiêu chuẩn áp dụng cho phụ gia thực phẩm amoni cacbonat, được chế biến từ amoniac, cacbon dioxit và nước bằng cách hấp thụ, kết tinh, tách, sấy và làm lạnh, bao gồm amoni carbamat, amoni cacbonat và amoni hydro cacbonat theo tỷ lệ khác nhau. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử nghiệm đối với phụ gia thực phẩm amoni cacbonat.</p> <p>(chi tiết tài liệu bản dịch tiếng Việt không chính thức và tiếng Trung kèm theo)</p>
92.	G/SPS/N/CHN/1307	ATTP	Trung Quốc	11/7/2024	<p>Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Phụ gia thực phẩm chiết xuất ớt Paprika (chất tạo màu thực phẩm tự nhiên được dùng để tạo màu đỏ đậm trong thực phẩm).</p>	<p>Tiêu chuẩn áp dụng cho phụ gia thực phẩm (chiết xuất ớt Paprika) được chiết xuất từ quả ớt thuộc chi <i>Capsicum annuum</i> L. hoặc <i>Capsicum frutescens</i> L. Các dung môi sau đây có thể được sử dụng để chiết xuất: methanol, ethanol, etyl axetat, axeton, n-hexan, isopropanol, dichloromethane và quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử nghiệm.</p>
93.	G/SPS/N/CHN/1306	ATTP	Trung Quốc	11/7/2024	<p>Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.: Phụ gia thực phẩm dibutyl hydroxytoluene (BHT)</p>	<p>Tiêu chuẩn quy định về phụ gia thực phẩm dibutyl hydroxytoluene (BHT), được điều chế bằng cách chưng cất và kết tinh lại sản phẩm của phản ứng alkyl hóa với p-cresol và isobutylene làm nguyên liệu dưới chất xúc tác axit.</p> <p>Thay thế Tiêu chuẩn GB 1900-2010 "Phụ gia thực phẩm dibutylhydroxytoluene (BHT)"</p> <p>So với GB 1900-2010, những thay đổi chính trong tiêu chuẩn này như sau:</p>

						<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi phạm vi mô tả; - Thêm mùi hương; - Bổ sung các chỉ tiêu và phương pháp kiểm tra; - “Điểm nóng chảy (nóng chảy ban đầu)” được đổi thành “Phạm vi nóng chảy”; - Chính sửa cách kiểm tra nhận dạng và sửa cụm từ "Kim loại nặng (dạng Pb)" được đổi thành "Chì (Pb)".
94.	G/SPS/N/CHN/1305	ATTP	Trung Quốc	11/7/2024	<p>Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Axit L-malic phụ gia thực phẩm</p>	<p>Tiêu chuẩn quy định về phụ gia thực phẩm axit L-malic được sản xuất bằng phương pháp kỹ thuật enzym và phương pháp lên men. Các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử đối với axit L-malic chủ yếu được quy định. Thay thế Tiêu chuẩn GB 1886.40-2015 "Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia về phụ gia thực phẩm axit L-Malic".</p> <p>So với GB 1886.40-2015, những thay đổi chính trong tiêu chuẩn này như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Sửa đổi phạm vi; -Thêm các chỉ số vật lý và hóa học độ ẩm và axit succinic; -Sửa đổi mô tả về hàm lượng chỉ số vật lý và hóa học và tổng lượng asen, đồng thời loại bỏ kim loại nặng; -Cập nhật nhận dạng, hàm lượng, độ trong, axit fumaric, axit maleic, chì, phương pháp xác định tổng số asen; -Bổ sung phương pháp xác định axit succinic; - Sửa đổi Phụ lục A và Phụ lục B và bổ sung Phụ lục C.
95.	G/SPS/N/CHN/1304	CT	Trung Quốc	11/7/2024	<p>Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.: Bánh ngọt và Bánh mì</p>	<p>Tiêu chuẩn quy định cho bánh ngọt và bánh mì, quy định các định nghĩa và yêu cầu kỹ thuật của bánh ngọt và bánh mì.</p>
96.	G/SPS/N/CHN/1303	ATTP, CT	Trung Quốc	11/7/2024	<p>Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng</p>	<p>Tiêu chuẩn quy định cho sữa protein dùng trong công nghiệp thực phẩm, quy định các thuật ngữ, định nghĩa, yêu cầu kỹ thuật, v.v. của sữa protein, cụ thể:</p>

					<p>hòa Nhân dân Trung Hoa: Sữa protein</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sữa phải có màu trắng hoặc màu vàng sữa, không có mùi đặc biệt, không vón cục và không có vật lạ; - Giới hạn chất gây ô nhiễm phải tuân thủ quy định của GB 2762; - Giới hạn độc tố nấm mốc phải tuân thủ quy định của GB 2761; - Giới hạn vi khuẩn gây bệnh phải tuân thủ quy định của GB 29921; - Quy định về phụ gia thực phẩm tuân thủ GB 2760 và nhãn sản phẩm phải ghi rõ “protein sữa cô đặc” hoặc “tách protein”. <p><i>(chi tiết tài liệu bản dịch tiếng Anh không chính thức kèm theo)</i></p>
97.	G/SPS/N/CHN/1302	CT, BVTV	Trung Quốc	11/7/2024	<p>Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Trái cây sấy khô và rau sấy khô</p> <p>Dự thảo Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia đối với sản phẩm rau quả sấy khô thay thế GB 16325-2005 “Tiêu chuẩn vệ sinh đối với trái cây sấy khô”. So với GB 16325-2005, có những thay đổi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đổi tên Tiêu chuẩn thành “Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia đối với trái cây và rau quả sấy khô”; - Sửa đổi phạm vi; - Sửa đổi thuật ngữ và định nghĩa; - Sửa đổi yêu cầu cảm quan; - Sửa đổi các chỉ số vật lý và hóa học; - Sửa đổi giới hạn vi sinh vật; - Thêm mục “4 mục khác” <p><i>(chi tiết dự thảo xem file bản dịch tiếng Việt không chính thức và tiếng anh kèm theo)</i></p>
98.	G/SPS/N/EU/786	CT, TY	Liên minh Châu Âu	11/7/2024	<p>Quy định số 2024/1874 của Ủy ban EU đặt ra các quy định đối với hồ sơ áp dụng theo quy định số 2016/429 và 2017/625 liên quan đến</p> <p>Quy định cập nhật mẫu chứng nhận nhập khẩu đối với gelatin, những sản phẩm tinh chế cao và sản phẩm tổng hợp cho tiêu dùng của con người, bao gồm:</p>

					<p>mẫu chứng nhận thú y, chứng nhận cho việc nhập khẩu và vận chuyển trong EU đối với một số động vật và hàng hóa nhất định</p>	<p>1. Mẫu chứng nhận cho nhập khẩu vào EU gelatine trừ viên nang gelatin không chiết xuất từ xương của phân bộ động vật nhai lại; 2. Mẫu chứng nhận cho nhập khẩu sản phẩm tinh chế cao được mô tả trong phần XVI của Phụ lục III Quy định số 853/2004; 3. Chứng nhận thú y cho nhập khẩu sản phẩm tổng hợp có chứa bất cứ thành phần nào từ thịt trừ gelatin, collagen không chiết xuất từ xương của phân bộ động vật nhai lại, sản phẩm tinh chế và sữa non; 4. Chứng nhận thú y khi kiểm dịch trước giết mổ; 5. Chứng nhận thú y khi giết mổ khẩn cấp ngoài cơ sở giết mổ.</p>
99.	G/SPS/N/RUS/284	TY	Liên bang Nga	11/7/2024	<p>Dự thảo quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Thủ tục về việc Kiểm tra chung các cơ sở và lấy mẫu sản phẩm thuộc diện phải kiểm soát thú y (Giám sát)</p>	<p>Dự thảo sửa đổi quy định trong việc kiểm dịch thú y từ các nước thứ ba, cụ thể: - Cho phép các cơ quan có thẩm quyền loại bỏ những doanh nghiệp có sản phẩm không thực hiện theo sự kiểm soát vào lãnh thổ hải quan Liên minh Kinh tế Á Âu ra khỏi danh sách những doanh nghiệp được phê duyệt trong thời hạn 5 năm; - Quy định cụ thể những điều kiện dùng xuất khẩu hàng hóa dưới sự kiểm soát của doanh nghiệp ở nước thứ ba; - Đưa ra thủ tục cho việc kiểm soát chung của các doanh nghiệp nước thứ 3; - Sẽ đình chỉ xuất khẩu đối với doanh nghiệp từ chối thực hiện việc xác minh mặc dù đã được cấp phép. Ngày cuối cùng nhận góp ý: 03/9/2024</p>
100.	G/SPS/N/CAN/1445 /Add.2	TY	Canada	10/7/2024	<p>Biện pháp cấm nhập khẩu chó thương mại mới từ các quốc gia có nguy cơ cao mắc bệnh dại</p>	<p>Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA) sẽ cấm nhập khẩu chó thương mại từ các quốc gia được xác định là có nguy cơ cao mắc bệnh dại do vi rút biến thể ở chó gây ra.</p>

						<p>Bệnh dại là một căn bệnh phải báo cáo ở Canada và Canada hiện không có bệnh dại do vi rút biến thể ở chó. Để ngăn chặn sự tái xuất hiện của bệnh dại do virus biến thể ở chó gây ra và để bảo vệ sức khỏe cũng như sự an toàn của cả động vật và con người, CFIA sẽ thực hiện các hạn chế nhập khẩu đối với chó từ các quốc gia có nguy cơ cao.</p> <p>Kể từ ngày 28/9/2022, tất cả chó có mục đích thương mại. Theo định nghĩa của CFIA, các quốc gia có nguy cơ cao sẽ không được phép nhập khẩu vào Canada, CFIA cũng sẽ không cấp giấy phép cho chó thương mại dưới 8 tháng tuổi từ các quốc gia có nguy cơ cao. Tất cả các lô hàng chó thương mại (bất kể tuổi tác) đang trên đường đến Canada phải đến vào hoặc trước ngày 27/ 9/2022 để đủ điều kiện nhập khẩu.</p> <p>Việc nhập khẩu chó cảnh (thú cưng) và chó nghiệp vụ, theo định nghĩa của CFIA, từ các quốc gia có nguy cơ cao sẽ tiếp tục được phép nhập khẩu theo quy định hiện tại của CFIA.</p>
101.	G/SPS/N/ARE/283, G/SPS/N/BHR/240, G/SPS/N/KWT/147, G/SPS/N/OMN/135, G/SPS/N/QAT/139, G/SPS/N/SAU/536, G/SPS/N/YEM/80	CT, BVTV	Các tiêu Vương Quốc Ả Rập thống nhất	10/7/2024	Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật về "Bột mì của Vương quốc Ả Rập Saudi/Hội đồng hợp tác các quốc gia Ả Rập và vùng Vịnh	Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với bột mì dùng làm thực phẩm trực tiếp cho con người được chế biến từ lúa mì thông thường, <i>Triticum aestivum</i> L., hoặc lúa mì club, <i>Triticum compactum</i> , hoặc hỗn hợp của chúng, được đóng gói sẵn để bán cho người tiêu dùng hoặc dùng để chế biến thực phẩm.
102.	G/SPS/N/ARE/282, G/SPS/N/BHR/239, G/SPS/N/KWT/146, G/SPS/N/OMN/134, G/SPS/N/QAT/138,	ATTP, CT	Các tiêu Vương Quốc Ả Rập thống nhất	10/7/2024	Quy định thực phẩm bổ sung cho trẻ từ sáu tháng tuổi	Dự thảo quy định và các yêu cầu đối với thực phẩm bổ sung dành cho trẻ từ sáu tháng tuổi

	G/SPS/N/SAU/535, G/SPS/N/YEM/79					
103.	G/SPS/N/CHL/795	TY, BVTV	Chi-lê	10/7/2024	Sửa đổi Nghị định số 977/96: Quy định An toàn thực phẩm, Phần XVII về đường và mật ong, khoản III về mật ong, Điều 391, 393 và 394	Mục đích dựa thảo nhằm thực hiện phần của Luật số 21.489 về khuyến khích, bảo vệ và phát triển hoạt động nuôi ong, chuẩn hóa các khái niệm và sửa lại cách phân loại của “đường thốt nốt”.
104.	G/SPS/N/EU/785	TY, TS	Liên minh Châu Âu	09/7/2024	Quy định (EU) 2024/1755 ngày 25/6/2024 về việc cấp phép axit axetic, canxi axetat và natri diacetate làm phụ gia thức ăn cho cá	Axit axetic, canxi axetat và natri diacetate đã được cấp phép làm phụ gia thức ăn cho cá. Đơn đề nghị xin cấp phép lại các chất được tuân thủ theo Điều 10 Quy định (EC) số 1831/2003. Được sự đánh giá tích cực của Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu, các chất này được gia hạn và xếp trong danh mục 'phụ gia công nghệ' và trong nhóm chức năng 'chất bảo quản', nhưng phải tuân thủ một số điều kiện nhất định. Một giai đoạn chuyển tiếp cho phép để nhà sản xuất và kinh doanh đáp ứng các yêu cầu của quy định mới.
105.	G/SPS/N/EU/784	TY, CN, TS	Liên minh Châu Âu	09/7/2024	Quy định (EU) 2024/1750 ngày 24/6/2024 liên quan đến việc gia hạn cấp phép chế phẩm <i>Levilactobacillus brevis</i> DSM 23231 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và sửa đổi Quy định (EU) số 399/2014	Chế phẩm <i>Levilactobacillus brevis</i> DSM 23231 đã được cấp phép trong thời hạn 10 năm dưới dạng phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật thuộc danh mục 'phụ gia công nghệ' và trong nhóm chức năng 'phụ gia thức ăn ủ chua'. Căn cứ đơn đề nghị xin gia hạn và được sự đánh giá thuận lợi của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu, chế phẩm này được gia hạn và phải tuân theo một số điều kiện nhất định
106.	G/SPS/N/EU/783	TY, CN, TS	Liên minh Châu Âu	09/7/2024	Quy định (EU) 2024/1757 ngày 25/6/2024 về việc gia hạn cấp phép chế phẩm <i>Lentilactobacillus buchneri</i> NCIMB 30139 làm phụ gia	Chế phẩm <i>Lentilactobacillus buchneri</i> NCIMB 30139 đã được cấp phép trong thời hạn 10 năm dưới dạng phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật thuộc danh mục 'phụ gia công nghệ' và trong nhóm chức năng 'phụ gia thức ăn ủ chua'. Căn cứ đơn đề nghị xin gia hạn và được sự đánh

					thức ăn cho tất cả các loài động vật và sửa đổi Quy định (EU) số 96/2013	giá thuận lợi của Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu, chế phẩm này được gia hạn và phải tuân theo một số điều kiện nhất định.
107.	G/SPS/N/CHL/794	TY	Chi-lê	9/7/2024	Phê duyệt việc thành lập khu vực phi dịch bệnh đối với một số loài được chỉ định	<p>Thông báo quy định khu vực phi dịch bệnh cho lợn và gia cầm được phép nhập khẩu vào Chi-lê, bao gồm: trứng có phôi, động vật, vật liệu di truyền và sản phẩm có nguồn gốc động vật, sẽ được phân theo từng loại trong khu vực này.</p> <p>Theo đó, khu vực sạch bệnh sẽ được phân theo loài và bệnh:</p> <p>a. Gia cầm: Cúm gia cầm và bệnh niu-cat-xon;</p> <p>b. Lợn: Bệnh Lở mồm long móng, dịch tả lợn và dịch tả lợn châu Phi.</p> <p>Tiêu chuẩn quốc tế có liên quan: Tài liệu của OIE: Chương 4.4, 4.5, 8.8, 10.4, 10.9, 15.1 và 15.2 của Luật Thú y.</p> <p>Ngày cuối cùng nhận thông báo: 7/9/2024</p>
108.	G/SPS/N/EU/782	TY, CN, TS	Liên minh Châu Âu	08/7/2024	Quy định (EU) 2024/1810 ngày 01/7/2024 về việc gia hạn cấp phép cho một chế phẩm <i>Lentilactobacillus buchneri</i> DSM 22501 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và sửa đổi Quy định (EU) số 1113/2013	Chế phẩm <i>Lentilactobacillus buchneri</i> DSM 22501 đã được cấp phép trong thời hạn 10 năm dưới dạng phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật thuộc danh mục 'phụ gia công nghệ' và trong nhóm chức năng 'phụ gia thức ăn ủ chua'. Căn cứ Đơn đề nghị xin gia hạn và được sự đánh giá thuận lợi của Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu, chế phẩm này được gia hạn và phải tuân thủ một số điều kiện nhất định.
109.	G/SPS/N/AUS/590	CT	Úc	08/7/2024	Đề án quản lý các nhà cung cấp dịch vụ xử lý BMSB (quản lý rủi ro an toàn sinh học đối với hàng hóa) hoạt động bên ngoài nước Úc (AusTreat)	Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp giới thiệu Đề án AusTreat, là một chương trình đảm bảo xử lý an toàn sinh học thay thế cho Chương trình nhà cung cấp xử lý Bọ xít hôi nâu ngoài lãnh thổ Úc (BMSB). AusTreat sẽ ảnh hưởng đến nhập khẩu hàng hóa cần xử lý để giải quyết rủi ro của BMSB. Các nhà cung cấp dịch vụ xử lý

						BMSB có thể đăng ký tham gia AusTreat từ tháng 6/2024 trước mùa dịch BMSB 2024/25.
110.	G/SPS/N/USA/3461	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	08/7/2024	Tiếp nhận Đơn kiến nghị về việc điều chỉnh dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau	<p>Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ thông báo đã nhận được hồ sơ ban đầu về thuốc bảo vệ thực vật yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau.</p> <p>Các thực thể có khả năng bị ảnh hưởng có thể bao gồm: Trang trại, người trồng cây (mã NAICS 111). Trang trại, người chăn nuôi động vật (mã NAICS 112). Sản xuất thực phẩm (mã NAICS 311). Sản xuất thuốc trừ sâu (mã NAICS 32532).</p>
111.	G/SPS/N/EU/781	CT	Liên minh Châu Âu	08/7/2024	Dự thảo sửa đổi Quy định (EU) số 142/2011 liên quan đến việc nhập khẩu dầu ăn đã qua sử dụng	<p>Dự thảo đối với việc nhập khẩu dầu ăn đã qua sử dụng dành cho mục đích kỹ thuật (sản xuất nhiên liệu tái tạo và các sản phẩm hóa dầu), đưa ra các yêu cầu hài hòa của EU và thay thế các quy định hiện hành của 27 quốc gia thành viên EU.</p> <p>Mục tiêu chính của dự thảo là ngăn chặn sử dụng dầu ăn đã qua sử dụng làm thức ăn cho động vật trong Liên minh châu Âu, nhằm giảm thiểu các mối nguy sinh học tiềm ẩn trong thức ăn chăn nuôi.</p> <p>Dự thảo đưa ra các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lô hàng dầu ăn đã qua sử dụng phải đến từ nhà máy thu gom hoặc lưu trữ đã đăng ký được liệt kê trong hệ thống TRACES của EU [https://webgate.ec.europa.eu/tracesnt/directory/listing/establishment/publication/index#!/search]; • Lô hàng phải được xuất trình tại trạm kiểm soát thú y biên giới EU và được giám sát trong Liên minh châu Âu cho tới điểm đến sau khi nhập khẩu; • Lô hàng dầu ăn đã qua sử dụng phải kèm theo tờ khai có chữ ký của nhà nhập khẩu, nêu rõ dầu ăn đã qua sử dụng không dùng để làm thức ăn chăn nuôi và đã được

						lọc hoặc trải qua quá trình tách vật lý khỏi các thành phần không chứa dầu
112.	G/SPS/N/KOR/804	ATTP	Hàn Quốc	04/7/2024	Sửa đổi Tiêu chuẩn và Thông số kỹ thuật cho Thực phẩm	Các sửa đổi được đề xuất nhằm mục đích: 1. Thiết lập các tiêu chí vi sinh cho máy bán hàng thực phẩm tự động; 2. Sửa đổi danh sách các thành phần thực phẩm trong Phụ lục 1.
113.	G/SPS/N/IDN/149	TY, CLCB, BVTV	Indonesia	04/7/2024	Dự thảo Nghị định về Kiểm dịch Indonesia về hồ sơ, dấu kiểm dịch	Như đã đề cập trong dự thảo được thông báo trong G/SPS/N/IDN/148, Indonesia sẽ yêu cầu các tài liệu sau khi nhập khẩu động vật và sản phẩm động vật, cá và sản phẩm cá, sản phẩm thực vật và thực vật vào Indonesia: 1. Thông báo trước (Mã hồ sơ: K-1.2): Tài liệu này sẽ cung cấp thông tin và thông báo đối với các mặt hàng sẽ được xuất khẩu sang Indonesia. Tài liệu phải được nước xuất khẩu gửi đến Cơ quan Kiểm dịch Indonesia trước khi hàng hóa được xuất khẩu sang Indonesia; 2. Thông báo về việc không tuân thủ (Mã hồ sơ: K-7.4): Tài liệu này sẽ cung cấp thông báo về việc không tuân thủ các vấn đề SPS liên quan đến việc nhập khẩu động vật và sản phẩm động vật, cá và sản phẩm cá, thực vật và sản phẩm thực vật vào Indonesia. Ban hành các tài liệu để xuất khẩu động vật và sản phẩm động vật, cá và sản phẩm cá, sản phẩm thực vật và thực vật từ Indonesia: 1. Giấy chứng nhận thú y (Mã hồ sơ: KH-1): hồ sơ, tài liệu chứng nhận kiểm dịch thú y, đặc biệt là động vật được vận chuyển từ vùng này sang vùng khác trong lãnh thổ Indonesia và những động vật sẽ được xuất khẩu sang nước khác; 2. Giấy chứng nhận vệ sinh sản phẩm động vật (Mã hồ sơ: KH-2): Hồ sơ, tài liệu chứng nhận vệ sinh thú y, đặc biệt là các sản phẩm động vật sẽ được gửi từ vùng này

					<p>sang vùng khác trong lãnh thổ Indonesia và những sản phẩm sẽ được xuất khẩu sang nước khác;</p> <p>3. Giấy chứng nhận sức khỏe cá và sản phẩm cá (Mã hồ sơ: KI-1): Hồ sơ, tài liệu chứng nhận kiểm dịch thủy sản, đặc biệt là cá và sản phẩm cá sẽ được xuất khẩu sang nước khác;</p> <p>4. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Mã hồ sơ: KT-1): hồ sơ, tài liệu chứng nhận kiểm dịch thực vật, đặc biệt là thực vật và các sản phẩm thực vật, sẽ được gửi từ khu vực này đến khu vực khác trong lãnh thổ Indonesia và những sản phẩm sẽ được vận chuyển xuất khẩu sang nước khác;</p> <p>5. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu (Mã hồ sơ: KT-2): hồ sơ, tài liệu chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu, bao gồm thông tin về các biện pháp kiểm dịch đã được tiến hành đối với sản phẩm được vận chuyển nói trên;</p> <p>6. Chứng nhận xuất khẩu sản phẩm đã qua chế biến/Sản phẩm không thuộc diện quản lý (Mã hồ sơ: KT-4): hồ sơ, tài liệu chứng nhận tình trạng sức khỏe của sản phẩm đã qua chế biến, bao gồm thông tin về các biện pháp kiểm dịch đã được tiến hành đối với sản phẩm đã qua xử lý. Giấy này sẽ được nước xuất khẩu gửi đến nước nhập khẩu nếu Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia (NPPO) nước nhập khẩu yêu cầu.</p>						
114.	G/SPS/N/GBR/65	ATTP, BVTV	Vương quốc Anh	03/7/2024	<p>Đề xuất mức dư lượng tối đa cho mehidathion trong nhiều loại hàng hóa khác nhau</p> <p>Dự thảo của Vương quốc Anh thay đổi mức dư lượng mehidathion trong nhiều loại hàng hóa khác nhau, Mức MRL được đề xuất điều chỉnh giảm hoặc giữ nguyên trong nhiều loại mặt hàng, cụ thể như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Sản phẩm</th> <th>Mức MRL cũ (ppm)</th> <th>Mức MRL mới (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nhóm quả có mùi</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> </tbody> </table>	Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)	Nhóm quả có mùi	0,02	0,01
Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)									
Nhóm quả có mùi	0,02	0,01									

						<table border="1"> <tr> <td>Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)</td> <td>0,05</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm quả dạng táo</td> <td>0,03</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ôi, sầu riêng và các loại quả khác)</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm rau dạng củ</td> <td>0,05</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Cà chua, đậu bắp, dưa chuột .v.v..</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm rau cải (Rau cải bó xôi)</td> <td>0,6</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Trà, cà phê</td> <td>0,1</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>Nhóm gia vị</td> <td>0,1</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>Một số sản phẩm có nguồn gốc từ động vật</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td></td> <td></td> </tr> </table> <p><i>hoạt chất acetamiprid không thuộc trong nhóm thuốc BVTV được sử dụng ở Việt Nam (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</i></p>	Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,05	0,01	Nhóm quả dạng táo	0,03	0,01	Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ôi, sầu riêng và các loại quả khác)	0,02	0,01	Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,02	0,01	Nhóm rau dạng củ	0,05	0,01	Cà chua, đậu bắp, dưa chuột .v.v..	0,02	0,01	Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	0,02	0,01	Nhóm rau cải (Rau cải bó xôi)	0,6	0,01	Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)	0,02	0,01	Trà, cà phê	0,1	0,05	Nhóm gia vị	0,1	0,05	Một số sản phẩm có nguồn gốc từ động vật	0,02	0,01		
Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,05	0,01																																											
Nhóm quả dạng táo	0,03	0,01																																											
Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ôi, sầu riêng và các loại quả khác)	0,02	0,01																																											
Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,02	0,01																																											
Nhóm rau dạng củ	0,05	0,01																																											
Cà chua, đậu bắp, dưa chuột .v.v..	0,02	0,01																																											
Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	0,02	0,01																																											
Nhóm rau cải (Rau cải bó xôi)	0,6	0,01																																											
Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)	0,02	0,01																																											
Trà, cà phê	0,1	0,05																																											
Nhóm gia vị	0,1	0,05																																											
Một số sản phẩm có nguồn gốc từ động vật	0,02	0,01																																											
.....																																													
115.	G/SPS/N/CHL/776 /Rev.1	TY	Chi-lê	03/7/2024	Thiết lập các yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu nội tạng và các sản phẩm phụ ăn được của gia súc, cừu, dê, lợn, gia cầm và ngựa, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 431 năm 1998	Quy định thiết lập các yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu nội tạng và các sản phẩm phụ ăn được của động vật bò, cừu, dê, lợn, chim và ngựa vào Chi-lê. Ngoài ra, bãi bỏ Nghị quyết số 431 năm 1998 thiết lập các yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu nội tạng và Nghị quyết Số 700/2001 được sửa đổi trước đó.																																							

116.	G/SPS/N/BRA/2032 /Add.4	BVTV	Bra-xin	03/7/2024	Sắc lệnh SDA/MAPA Số 1.128, ngày 21/6/2024	<p>Sửa đổi nội dung đã được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2032/Add.3, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi Sắc lệnh SDA/MAPA số 1.057 ngày 20/3/2024. - Sắc lệnh SDA/MAPA số 907, ngày 24/10/2023, thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống cây dã yên thảo (<i>Petunia spp.</i>) có nguồn gốc bất kỳ vẫn có hiệu lực, như đã thông báo trong G/SPS/N/BRA/2032 /Add.2. 																		
117.	G/SPS/N/EU/780	TY,BV TV	Liên minh Châu Âu	02/7/2024	<p>Dự thảo thay đổi Phụ lục II của Quy định số 396/2005 của EU về mức dư lượng tối đa của fenbuconazole và penconazole trên một số sản phẩm nhất định.</p>	<p>Dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) của fenbuconazole và penconazole trong một số thực phẩm. Nguyên nhân của sự thay đổi này là Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu đã đưa phân tích rủi ro đối với 02 loại thuốc BVTV này. Đối với fenbuconazole, thay thế phụ lục II của Quy định số 2019/1559; và penconazole, thay thế phụ lục II của Quy định số 2019/977. Mức dư lượng tối đa của 02 chất này chủ yếu được điều chỉnh giảm ở một số hàng hóa, cụ thể trên một số sản phẩm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="1299 873 2024 1352"> <thead> <tr> <th>Sản phẩm</th> <th>fenbuconazole mới (ppm)</th> <th>penconazole mới (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nhóm quả có múi</td> <td>0,5-1</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)</td> <td>0,01</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm quả dạng táo</td> <td>0,5</td> <td>0,01-0,3</td> </tr> <tr> <td>Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ổi, sầu riêng và các loại quả khác)</td> <td>0,01</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh</td> <td>0,01</td> <td>0,01</td> </tr> </tbody> </table>	Sản phẩm	fenbuconazole mới (ppm)	penconazole mới (ppm)	Nhóm quả có múi	0,5-1	0,01	Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,01	0,01	Nhóm quả dạng táo	0,5	0,01-0,3	Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ổi, sầu riêng và các loại quả khác)	0,01	0,01	Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,01	0,01
Sản phẩm	fenbuconazole mới (ppm)	penconazole mới (ppm)																						
Nhóm quả có múi	0,5-1	0,01																						
Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,01	0,01																						
Nhóm quả dạng táo	0,5	0,01-0,3																						
Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ổi, sầu riêng và các loại quả khác)	0,01	0,01																						
Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,01	0,01																						

						<table border="1"> <tr> <td>Nhóm rau dạng củ (hành, tỏi.v.v..)</td> <td>0,01</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Cà chua, dưa chuột .v.v..</td> <td>0,01</td> <td>0,06</td> </tr> <tr> <td>Đậu bắp</td> <td>0,01</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)</td> <td>0,01</td> <td>0,15</td> </tr> <tr> <td>Nhóm rau cải (Rau cải bó xôi)</td> <td>0,6</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)</td> <td>0,01</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Trà</td> <td>30</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>Cà phê</td> <td>0,05</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>Nhóm gia vị (hạt tiêu.v.v..)</td> <td>0,05</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>Mật ong</td> <td>0,05</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td></td> <td></td> </tr> </table> <p><i>Tại Việt Nam, hoạt chất fenbuconazole và penconazole được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</i></p>	Nhóm rau dạng củ (hành, tỏi.v.v..)	0,01	0,01	Cà chua, dưa chuột .v.v..	0,01	0,06	Đậu bắp	0,01	0,01	Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	0,01	0,15	Nhóm rau cải (Rau cải bó xôi)	0,6	0,01	Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)	0,01	0,01	Trà	30	0,05	Cà phê	0,05	0,05	Nhóm gia vị (hạt tiêu.v.v..)	0,05	0,05	Mật ong	0,05	0,05		
Nhóm rau dạng củ (hành, tỏi.v.v..)	0,01	0,01																																					
Cà chua, dưa chuột .v.v..	0,01	0,06																																					
Đậu bắp	0,01	0,01																																					
Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	0,01	0,15																																					
Nhóm rau cải (Rau cải bó xôi)	0,6	0,01																																					
Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)	0,01	0,01																																					
Trà	30	0,05																																					
Cà phê	0,05	0,05																																					
Nhóm gia vị (hạt tiêu.v.v..)	0,05	0,05																																					
Mật ong	0,05	0,05																																					
.....																																							
118.	G/SPS/N/KHM/2	ATTP	Campuchia	02/7/2024	Luật An toàn thực phẩm (thực phẩm và đồ uống)	<p>Luật An toàn thực phẩm ban hành ngày 8/6/2022 gồm 43 điều và 35 định nghĩa, được chia thành 11 chương. Nó nhằm mục đích điều chỉnh các khuôn khổ và cơ chế quản lý và đảm bảo an toàn, chất lượng, vệ sinh và tuân thủ thực phẩm trong tất cả các giai đoạn của chuỗi sản xuất thực phẩm nhằm bảo vệ sức khỏe và thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng và đảm bảo công bằng trong thương mại thực phẩm.</p> <p>Theo Điều 5 của Luật An toàn thực phẩm, các bộ hoặc cơ quan liên quan đến an toàn và chất lượng thực phẩm có thẩm quyền xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật nếu có</p>																																	

						<p>dựa trên các tiêu chuẩn, quy tắc thực hành và hướng dẫn thực phẩm quốc gia hoặc quốc tế.</p> <p>Luật An toàn thực phẩm trao quyền cho các bộ sau đây là cơ quan có thẩm quyền quản lý việc kiểm soát an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi thực phẩm. Bao gồm: Bộ Thương mại, Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản, Bộ Công nghiệp, Khoa học, Công nghệ và Đổi mới, Bộ Y tế, Bộ Du lịch và Bộ Kinh tế và Tài chính.</p> <p>Các biện pháp (yêu cầu) an toàn thực phẩm như quy định tại Điều 6 phải dựa trên các nguyên tắc chính bao gồm thực phẩm phải an toàn, có chất lượng tốt, hợp vệ sinh và phù hợp cho người tiêu dùng và việc kiểm soát thực phẩm phải dựa trên các biện pháp an toàn thực phẩm hoặc quy chuẩn kỹ thuật như đã xác định. tại Điều 7.</p> <p>Nhà hoạt sản xuất doanh thực phẩm, ở mọi giai đoạn của chuỗi thực phẩm, có vai trò và trách nhiệm chính trong việc đảm bảo an toàn cho sản phẩm thực phẩm của mình và phải cộng tác với các cơ quan có thẩm quyền liên quan để thực hiện các biện pháp an toàn thực phẩm nhằm tránh hoặc giảm thiểu rủi ro (Điều 11).</p> <p>Theo Luật này (Điều 13-15), các nhà hoạt động kinh doanh thực phẩm được phân thành ba loại dựa trên tính chất kinh doanh của họ, ví dụ như doanh nghiệp lớn, vừa hoặc nhỏ.</p> <p>Hình phạt được áp dụng đối với những người kinh doanh thực phẩm không thực hiện các quy định của luật này (Điều 33-40).</p>				
119.	G/SPS/N/USA/3460	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	01/7/2024	Dung sai thuốc trừ sâu spiromesifen; Quy tắc cuối cùng.	<p>Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ đề xuất thiết lập mức dung sai đối với dư lượng spiromesifen trong hoặc trên cam và dâu cam, cụ thể:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Hàng hóa</th> <th>Mức MRL (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>cam</td> <td>0,15</td> </tr> </tbody> </table>	Hàng hóa	Mức MRL (ppm)	cam	0,15
Hàng hóa	Mức MRL (ppm)									
cam	0,15									

						<table border="1"> <tr> <td>Dầu cam phân nhóm 10-10A</td> <td>10</td> </tr> </table> <p>Tại Việt Nam, hoạt chất spiromesifen được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với 03 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</p>	Dầu cam phân nhóm 10-10A	10																		
Dầu cam phân nhóm 10-10A	10																									
120.	G/SPS/N/CAN/1560	ATTP, BVTV	Canada	01/7/2024	Mức giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất đối với abamectin (PMRL2024-13).	<p>Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với abamectin, cụ thể:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>MRL (ppm)¹</th> <th>Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1,0</td> <td>Trà khô</td> </tr> <tr> <td>0,4</td> <td>Đu đủ²</td> </tr> <tr> <td>0,09</td> <td>Quả hạch (nhóm cây trồng 12-09)</td> </tr> <tr> <td>0,07</td> <td>Rau củ quả (nhóm cây trồng 8-09)</td> </tr> <tr> <td>0,05</td> <td>Các loại quả của cây mọc thấp (phân nhóm cây trồng 13-07G)</td> </tr> <tr> <td>0,03</td> <td>Cà rốt</td> </tr> <tr> <td>0,02</td> <td>Quả có múi (nhóm cây trồng 10) (sửa đổi); quả họ táo (nhóm cây trồng 11-09); cây giàn leo, trừ quả Kiwi (phân nhóm cây trồng 13-07F); lá họ khô</td> </tr> <tr> <td>0,015</td> <td>Ôi, dứa</td> </tr> <tr> <td>0,01</td> <td>Các loại hạt (nhóm cây trồng 14-11); trái cây nhiệt đới và cận nhiệt đới; quả nhỏ; quả không ăn vỏ (phân nhóm cây trồng 24A); hạt ngô ngọt và ngô bắp đã bỏ vỏ</td> </tr> </tbody> </table> <p>¹ppm = một phần triệu ² Mức MRL này được đề xuất để thay thế mức MRL hiện hành là 0,03 ppm đối với đu đủ.</p>	MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến	1,0	Trà khô	0,4	Đu đủ ²	0,09	Quả hạch (nhóm cây trồng 12-09)	0,07	Rau củ quả (nhóm cây trồng 8-09)	0,05	Các loại quả của cây mọc thấp (phân nhóm cây trồng 13-07G)	0,03	Cà rốt	0,02	Quả có múi (nhóm cây trồng 10) (sửa đổi); quả họ táo (nhóm cây trồng 11-09); cây giàn leo, trừ quả Kiwi (phân nhóm cây trồng 13-07F); lá họ khô	0,015	Ôi, dứa	0,01	Các loại hạt (nhóm cây trồng 14-11); trái cây nhiệt đới và cận nhiệt đới; quả nhỏ; quả không ăn vỏ (phân nhóm cây trồng 24A); hạt ngô ngọt và ngô bắp đã bỏ vỏ
MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến																									
1,0	Trà khô																									
0,4	Đu đủ ²																									
0,09	Quả hạch (nhóm cây trồng 12-09)																									
0,07	Rau củ quả (nhóm cây trồng 8-09)																									
0,05	Các loại quả của cây mọc thấp (phân nhóm cây trồng 13-07G)																									
0,03	Cà rốt																									
0,02	Quả có múi (nhóm cây trồng 10) (sửa đổi); quả họ táo (nhóm cây trồng 11-09); cây giàn leo, trừ quả Kiwi (phân nhóm cây trồng 13-07F); lá họ khô																									
0,015	Ôi, dứa																									
0,01	Các loại hạt (nhóm cây trồng 14-11); trái cây nhiệt đới và cận nhiệt đới; quả nhỏ; quả không ăn vỏ (phân nhóm cây trồng 24A); hạt ngô ngọt và ngô bắp đã bỏ vỏ																									
121.	G/SPS/N/EU/779	BVTV	Liên minh Châu Âu	28/6/2024	Dự thảo sửa đổi Quy định (EU) 2020/1201 về các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan trong Liên minh	Dự thảo sửa đổi Quy định (EU) 2020/1201 về các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan trong Liên minh châu Âu đối với chủng vi khuẩn <i>Xylella fastidiosa</i> . Những điểm chính cần nhấn mạnh:																				

					<p>châu Âu đối với chủng vi khuẩn <i>Xylella fastidiosa</i> và sửa đổi Quy định (EU) 2020/1770 về danh sách các loài thực vật không được miễn trừ mã truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu hộ chiếu thực vật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Tại Điều 28 và 29, thay thế mức độ tin cậy 80% và mức độ phổ biến 1% của sơ đồ lấy mẫu với mức độ tin cậy đủ để phát hiện sự hiện diện thấp của dịch hại; • Thêm vào danh sách các loài thực vật cần kiểm tra để được đưa vào lãnh thổ EU, cụ thể: <i>Lavandula angustifolia</i> Mill., <i>Lavandula x intermedia</i> Emeric ex Loisel., <i>Lavandula latifolia</i> Medik., <i>Lavandula stoechas</i> L. và <i>Salvia rosmarinus</i> Spenn ; • Tại Điều 29 và Điều 30, bỏ tiêu đề “nơi xuất xứ” khi cung cấp thông tin trong giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật; • Cập nhật danh sách loài thực vật ký chủ của <i>Xylella fastidiosa</i>, bổ sung vào Phụ lục I các loài sau: <i>Castanea sativa</i> Mill.; <i>Clinopodium nepeta</i> (L.) Kuntze; <i>Cornus sanguinea</i> L.; <i>suaveolens</i> Ehrh.; <i>Pyracantha coccinea</i> M. Roem.; • Bổ sung hai thử nghiệm mới ở phần B Phụ lục IV.
122.	G/SPS/N/EU/778	TY, CLCB	Liên minh Châu Âu	28/6/2024	<p>Dự thảo danh sách các nước thứ ba được phép xuất khẩu vào châu Âu một số loại động vật và sản phẩm nguồn gốc động vật nhất định được dùng cho tiêu dùng của con người phù hợp với Quy định (EU) 2017/625 và cấm sử dụng một số loại thuốc kháng sinh theo Quy định số 2017/625.</p>	<p>Điều 118 (1) của Quy định số 2019/6 yêu cầu các nước thứ ba xuất khẩu động vật hoặc sản phẩm có nguồn gốc động vật được dùng cho tiêu dùng của con người không được phép: i) sử dụng kháng sinh để thúc đẩy tăng trưởng hoặc tăng năng suất; ii) kháng sinh có trong danh sách được dùng riêng để điều trị bệnh nhiễm khuẩn cho người. Quy định (EU) số 2023/905 bổ sung cho Quy định số 2019/6 về điều kiện cho phép nhập khẩu động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật cho tiêu dùng của con người từ các vùng hoặc các nước thứ ba. Điều 5(2) của Quy định (EU) số 2023/905 đưa ra danh sách các nước thứ ba đã cung cấp các bằng chứng chứng minh động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật tuân thủ quy định cấm sử dụng kháng sinh theo quy định, trong đó bao gồm các thông tin về truy xuất nguồn gốc và xuất xứ.</p>

						<p>Điều 4 (1)(a) của Quy định số 2023/905 chỉ ra rằng sản phẩm động vật hoặc sản phẩm có liên quan mà nhập khẩu vào EU từ các nước thứ ba thì sản phẩm đó phải có nguồn gốc từ nước thứ ba có trong danh sách của Điều 5 của Quy định này.</p> <p>Dự thảo này đưa ra danh sách các vùng hoặc quốc gia thứ ba được phê duyệt theo Quy định số 2023/905. Các nước thứ ba có ý định xuất khẩu động vật và sản phẩm động vật vào EU và được EU phê duyệt sẽ đánh dấu “X” đối với sản phẩm có liên quan. Các nước dự định xuất khẩu động vật hoặc sản phẩm động vật có nguồn gốc từ các nước thành viên EU hoặc nước đã được EU phê duyệt sẽ đánh dấu “Δ” đối với sản phẩm có liên quan. Dự thảo này sẽ có hiệu lực từ ngày 03/9/2026.</p>
123.	G/SPS/N/UKR/223	TY	Ucraina	28/6/2024	<p>Dự thảo “phê duyệt các yêu cầu đảm bảo phúc lợi động vật trong quá trình vận chuyển và các hoạt động liên quan”</p>	<p>Chỉ thị đưa ra quy định thứ 4 để đảm bảo xử phúc lợi đối với động vật trong quá trình vận chuyển và các hoạt động khác có liên quan, ví dụ như việc kiểm tra bởi các kiểm dịch viên cho những lô hàng nhập hoặc xuất ra lãnh thổ Ucraina.</p> <p>Dự thảo nhằm điều chỉnh các quy định vận chuyển động vật cho phù hợp với quy định của Liên minh châu Âu, cụ thể bằng cách thực hiện Quy định số EC 1/2005 ngày 22/12/2004.</p>
124.	G/SPS/N/CHN/1301	BVTV	Trung Quốc	28/6/2024	<p>Tổng cục Hải quan và Bộ Nông nghiệp và Nông thôn nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về dự thảo bổ sung Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật nhập khẩu.</p>	<p>Để ngăn chặn sự xâm nhập của các loài gây hại thực vật nguy hiểm vào Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và an toàn trong sản xuất nông nghiệp, căn cứ Luật kiểm dịch xuất-nhập khẩu động thực vật và các ISPM liên quan. Bộ Nông nghiệp và Nông thôn và Tổng cục Hải quan quyết định bổ sung 47 loài dịch hại trong đó có loài bướm đêm <i>Amyelois transella</i> (Walker) và các loài gây hại khác vào danh sách đối tượng kiểm dịch thực vật.</p>

125.	G/SPS/N/KOR/803	ATTP	Hàn Quốc	27/6/2024	Đề xuất sửa đổi Tiêu chuẩn và Thông số kỹ thuật đối với Phụ gia thực phẩm	<p>Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc đề xuất sửa đổi "Tiêu chuẩn và Thông số kỹ thuật cho Phụ gia thực phẩm", cụ thể:</p> <p>(1) Mở rộng tiêu chí để công nhận axit propionic và axit benzoic có trong thực phẩm bao gồm các thành phần tự nhiên có nguồn gốc từ động vật;</p> <p>(2) Sửa đổi lượng lưu huỳnh dioxide tồn dư tối đa (sodium metabisulfite, potassium metabisulfite, sulfur dioxide, sodium bisulfite, sodium sulfite, sodium hydrosulfite) trong danh mục thực phẩm 'đồ uống có cồn làm từ rượu trái cây' đã được điều chỉnh từ 0,030 g/kg xuống còn 0,20 g/kg;</p> <p>(3) Mở rộng tiêu chuẩn sử dụng hydroxypropylmethyl cellulose phthalate được sử dụng trong viên nang cho sản xuất thực phẩm chức năng giải phóng chậm;</p> <p>(4) Mở rộng tiêu chuẩn sử dụng propylene glycol để cho phép sử dụng trong danh mục thực phẩm 'thực phẩm khác';</p> <p>(5) Chính sửa mức dư lượng tối đa sử dụng màu sắc kết hợp;</p> <p>(6) Tên tiếng Hàn của ba chất phụ gia thực phẩm (maltitol syrup, cyclodextrin syrup, polyglycitol syrup) đã được thay đổi;</p> <p>(7) Chính sửa từ đồng nghĩa của chất tạo hương tổng hợp;</p> <p>(8) Sửa đổi các phương pháp phân tích cho 28 chất phụ gia thực phẩm sau: Biotin, Canxi Caseinate, Canxi Oxide, Choline Bitartrate, Choline Chloride, Enzymatically Modified Stevia, Erythritol, Isomalt, Lactitol, D-Maltitol, Xi-rô Maltitol, Amylase sinh mạch, D-Mannitol, Polyethylene Glycol, Este polyglycerol của Interesterified Ricinoleic Acid, Xi-rô Polyglycitol, Polysorbate 20, Axit poly-γ-glutamic, Kali Caseinate, Axit propionic, D-Ribose, Natri Alginate, Sodi</p>
------	-----------------	------	----------	-----------	---	---

126.	G/SPS/N/KOR/802	ATTP	Hàn Quốc	27/6/2024	Đề xuất sửa đổi Tiêu chuẩn và Thông số kỹ thuật cho Phụ gia thực phẩm	Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc đề xuất sửa đổi "Tiêu chuẩn và Thông số kỹ thuật cho Phụ gia thực phẩm": Các thông số kỹ thuật của lưu huỳnh dioxide và lưu huỳnh.
127.	G/SPS/N/GBR/64	TY, CLCB	Vương quốc Anh	27/6/2024	Danh sách các loài có nguy cơ là nguồn lây nhiễm bệnh cho động vật thủy sản	Cập nhật danh sách các loài có nguy cơ là nguồn lây nhiễm bệnh cho động vật thủy sản, bao gồm danh sách các loài được liệt kê của WOA. Các bệnh lây nhiễm động vật thủy sản được liệt kê: a. Quy định (EC) 1251/2008 ngày 12/12/2008, thực hiện Chỉ thị 2006/88/EC về các điều kiện và yêu cầu chứng nhận để đưa ra thị trường nhập khẩu thủy sản và các sản phẩm của chúng và đưa ra danh sách các loài lây nhiễm (Luật đồng hóa theo Đạo luật cải cách của EU năm 2023); Và b. Quy định sức khỏe động vật thủy sản (Anh và xứ Wales) năm 2009 và Scotland năm 2009. Danh sách sửa đổi có thể truy cập tại đây: Nhập khẩu hoặc di chuyển cá và động vật có vỏ sống - GOV.UK (www.gov.uk). Thời gian áp dụng sẽ rút ngắn để đảm bảo an toàn sinh học của Vương quốc Anh.
128.	G/SPS/N/EU/776	TY, CN	Liên minh Châu Âu	27/6/2024	Quy định (EU) 2024/1685 ngày 17/6/2024 về việc cấp phép glycosylated 1,25-dihydroxycholecalciferol từ chiết xuất <i>Solanum glaucophyllum</i> làm phụ gia thức ăn cho bò sữa	Quy định (EU) 2024/1685 cho phép chế phẩm glycosyl hóa 1,25-dihydroxycholecalciferol chiết xuất từ <i>Solanum glaucophyllum</i> làm phụ gia thức ăn cho bò sữa trong danh mục 'phụ gia dinh dưỡng' và trong nhóm chức năng 'vitamin, pro-vitamin'.
129.	G/SPS/N/ARE/281, G/SPS/N/BHR/238, G/SPS/N/KWT/145, G/SPS/N/OMN/133,	CT	Các tiểu Vương Quốc Ả	27/6/2024	Vương quốc Ả-rập Xê-út/ Hội đồng hợp tác các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh dự thảo	Tiêu chuẩn chung đối với các loại đồ uống có thành phần từ trái cây như: Nước ép trái cây và nước hoa quả, nước ép trái cây tươi (chưa tiệt trùng), đồ uống trái cây, đồ uống từ sữa (Sinh tố) và chiết xuất trái cây cô đặc.

	G/SPS/N/QAT/137, G/SPS/N/SAU/533, G/SPS/N/YEM/78		Rập thống nhất		tiêu chung đối với nước ép trái cây, nước hoa quả	Nội dung dự thảo bao gồm: - Các loại trái cây được sử dụng làm nước ép và tỷ lệ đồng nhất (độ Brix) của trái cây trong từng loại sản phẩm. - Các thành phần chính và thành phần khác có trong đồ uống. - Các tiêu chuẩn vật lý như: màu sắc, mùi thơm, vị của đồ uống so với trái cây tươi. - Các chất phụ gia thực phẩm và hàm lượng được phép. - Các chất hỗ trợ quá trình chế biến: mức tối đa được sử dụng trong tiêu chuẩn GMP. - Các tiêu chuẩn chung về tồn dư thuốc trừ sâu, vi khuẩn, giới hạn chất phóng xạ, côn,... - Quy định về đóng gói, vận chuyển và bảo quản. - Quy định về dán nhãn.
130.	G/SPS/N/BDI/113, G/SPS/N/KEN/291, G/SPS/N/RWA/106, G/SPS/N/TZA/366, G/SPS/N/UGA/340	CLCB	Burundi	26/6/2024	DEAS 1204:2024, Bong bóng cá khô — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định về phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bong bóng cá khô dùng làm thực phẩm cho con người. Lưu ý: Dự thảo này cũng đã được thông báo bởi Ủy ban TBT.
131.	G/SPS/N/BDI/112, G/SPS/N/KEN/290, G/SPS/N/RWA/105, G/SPS/N/TZA/365, G/SPS/N/UGA/339	CLCB	Burundi	26/6/2024	DEAS 1203: 2024, Trứng cá tươi/đông lạnh — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định về phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với trứng cá tươi/đông lạnh dùng làm thực phẩm cho con người. Lưu ý: Dự thảo này cũng đã được thông báo bởi Ủy ban TBT.
132.	G/SPS/N/BDI/111, G/SPS/N/KEN/289, G/SPS/N/RWA/104, G/SPS/N/TZA/364, G/SPS/N/UGA/338	CLCB	Burundi	26/6/2024	DEAS 1201: 2024, Bột cá — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định về phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột cá dùng làm thực phẩm cho con người. Lưu ý: Dự thảo này cũng đã được thông báo bởi Ủy ban TBT.

133.	G/SPS/N/BDI/110, G/SPS/N/KEN/288, G/SPS/N/RWA/103, G/SPS/N/TZA/363, G/SPS/N/UGA/337	CLCB	Burundi	26/6/2024	DEAS 897: 2024, Đuôi tôm hùm đông lạnh — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai	Dự thảo tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định về phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với đuôi tôm hùm đông lạnh của tất cả các loài thuộc chi <i>Panulirus</i> , <i>Homarus</i> và <i>Peurulus</i> dùng làm thực phẩm cho con người. Lưu ý: Dự thảo này cũng đã được thông báo bởi Ủy ban TBT.						
134.	G/SPS/N/BDI/109, G/SPS/N/KEN/287, G/SPS/N/RWA/102, G/SPS/N/TZA/362, G/SPS/N/UGA/336	CLCB	Burundi	26/6/2024	DEAS 871: 2024, Xúc xích cá - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai	Dự thảo tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định về phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với xúc xích cá dùng làm thực phẩm cho người. Tiêu chuẩn này áp dụng cho xúc xích cá tươi, xúc xích cá nấu chín, xúc xích cá hun khói, xúc xích cá khô và xúc xích cá lên men. Lưu ý: Dự thảo này cũng đã được thông báo bởi Ủy ban TBT.						
135.	G/SPS/N/BDI/108, G/SPS/N/KEN/286, G/SPS/N/RWA/101, G/SPS/N/TZA/361, G/SPS/N/UGA/335	CLCB	Burundi	26/6/2024	DEAS 895: 2024, Protein cô đặc nguồn gốc từ cá (Fish Protein Concentrate – FPC) - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai	Dự thảo tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định về phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với protein cô đặc nguồn gốc từ cá dành cho người tiêu dùng. Lưu ý: Dự thảo này cũng đã được thông báo bởi Ủy ban TBT.						
136.	G/SPS/N/EU/775	ATTP, BVTV, TY	Liên minh Châu Âu	26/6/2024	Dự thảo sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với zoxamide trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định.	Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu xem xét mức dư lượng tối đa (MRL) hiện có đối với hoạt chất zoxamide theo Điều 12(1) của Quy định (EC) số 396/2005 và đặt ra giới hạn cho phép nhập khẩu đối với hành, tỏi và họ. MRL zoxamide trong một số mặt hàng nhất định được thay đổi dựa trên MRL Codex, được duy trì và MRL cho một số mặt hàng nhất định và được hạ xuống tùy thuộc vào thực tế để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, cụ thể mức MRL được điều chỉnh như sau: <table border="1" data-bbox="1297 1235 2024 1344"> <thead> <tr> <th>Sản phẩm</th> <th>Mức MRL cũ (ppm)</th> <th>Mức MRL mới (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nhóm quả có mùi</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> </tbody> </table>	Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)	Nhóm quả có mùi	0,02	0,01
Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)										
Nhóm quả có mùi	0,02	0,01										

						<table border="1"> <tr> <td>Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm quả dạng táo</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ôi, sầu riêng và các loại quả khác)</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Hành, tỏi</td> <td>0,02</td> <td>0,7</td> </tr> <tr> <td>Cà chua</td> <td>0,5</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>Ớt chuông</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Đậu bắp</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Dưa chuột</td> <td>2</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)</td> <td>2</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>Cải bắp</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Rau diếp, xà lách, cải bó xôi</td> <td>30</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Trà, cà phê</td> <td>0,05</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Hạt tiêu</td> <td>0,05</td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>Một số sản phẩm có nguồn gốc từ động vật</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td></td> <td></td> </tr> </table>	Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,02	0,01	Nhóm quả dạng táo	0,02	0,01	Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ôi, sầu riêng và các loại quả khác)	0,02	0,01	Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,02	0,01	Hành, tỏi	0,02	0,7	Cà chua	0,5	2	Ớt chuông	0,02	0,01	Đậu bắp	0,02	0,01	Dưa chuột	2	2	Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	2	2	Cải bắp	0,02	0,01	Rau diếp, xà lách, cải bó xôi	30	0,01	Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)	0,02	0,01	Trà, cà phê	0,05	0,01	Hạt tiêu	0,05	0,05	Một số sản phẩm có nguồn gốc từ động vật	0,02	0,01		
Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,02	0,01																																																							
Nhóm quả dạng táo	0,02	0,01																																																							
Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ôi, sầu riêng và các loại quả khác)	0,02	0,01																																																							
Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,02	0,01																																																							
Hành, tỏi	0,02	0,7																																																							
Cà chua	0,5	2																																																							
Ớt chuông	0,02	0,01																																																							
Đậu bắp	0,02	0,01																																																							
Dưa chuột	2	2																																																							
Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	2	2																																																							
Cải bắp	0,02	0,01																																																							
Rau diếp, xà lách, cải bó xôi	30	0,01																																																							
Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)	0,02	0,01																																																							
Trà, cà phê	0,05	0,01																																																							
Hạt tiêu	0,05	0,05																																																							
Một số sản phẩm có nguồn gốc từ động vật	0,02	0,01																																																							
.....																																																									
137.	G/SPS/N/EU/774	ATTP	Liên minh Châu Âu	26/6/2024	<p>Dự thảo Quy định về việc sử dụng bisphenol A (BPA) và các bisphenol khác cũng như các dẫn xuất bisphenol, phân loại hài hòa các đặc tính nguy hiểm cụ thể trong một số vật liệu và các vật dụng tiếp xúc với thực phẩm, sửa đổi Quy định</p> <p>Quy định cấm sử dụng bisphenol A (BPA) trong sản xuất các vật liệu và vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm bao gồm chất kết dính, cao su, nhựa trao đổi ion, nhựa, mực in, silicon, vecni và chất phủ.</p>																																																				

					(EU) số 10/2011 và bãi bỏ Quy định (EU) 2018/213	
138.	G/SPS/N/NZL/770	BVTV	Niu Di lân	25/6/2024	Tiêu chuẩn sức khỏe thực vật nhập khẩu 155.02.06: Nhập khẩu cây giống	Tiêu chuẩn mô tả các thông số kỹ thuật nhập khẩu và điều kiện đầu vào đối với cây giống (cây, cành giâm, củ và nuôi cấy mô) được nhập khẩu vào Niu Di-lân. Bộ Các ngành Công nghiệp cơ bản đề xuất những thay đổi tiêu chuẩn an toàn sức khỏe đối với giống nhập khẩu sau đây: <ul style="list-style-type: none"> • Bổ sung các biện pháp kiểm dịch thực vật <i>alstroemeria necrotic streak virus</i> và <i>tomato chlorotic spot virus</i> trên cây chủ <i>Hoya</i> để quản lý, các biện pháp bao gồm cả ngoài khơi và trên bờ; • Loại bỏ các biện pháp đối với các loại tobamovirus chưa xác định trên cây <i>Hoya</i>.
139.	G/SPS/N/BRA/2311	ATTP	Bra-xin	24/6/2024	Dự thảo Nghị quyết 1268, ngày 20/6 năm 2024	Dự thảo đề xuất quy định chức năng công nghệ, giới hạn, điều kiện sử dụng tối và công cụ công nghệ hỗ trợ được phép sử dụng trong thực phẩm. Dự thảo này là một phần của quy trình xây dựng Nghị quyết GMC/MERCOSUL.
140.	G/SPS/N/BRA/2310	ATTP, BVTV	Bra-xin	24/6/2024	Dự thảo Nghị quyết 1267, ngày 14/6/2024.	Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất c87 - silicon-based compounds cùng với C87.1-kaolin calcinated vào danh sách chuyên khảo về hoạt chất thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn quy phạm 103 ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin.
141.	G/SPS/N/BRA/2309	ATTP, BVTV	Bra-xin	24/6/2024	Dự thảo Nghị quyết 1265, ngày 14/6/2024.	Dự thảo nghị quyết đề xuất cập nhật các hoạt chất A04 - giberellic acid, A26 - azoxystrobine, A29 - acetamiprid, A38 - acibenzolar-s-methyl, B26 - bifenthrin, B46 - benzoindiflupyr, C29 - chlorimurone ethyl, C36 - cyproconazole, C64 - lot chianid ine, C66 - cyazoflamid, C70 - chlorantraniliprole, C74 - cyantraniliprole, D36 - difenocone, E34 - spidoxamate, F49 - fludioxonil, F66 - flubendiamide, F75 - flucarbazone sodium, M31 -

						metalaxil-m, T12 - tiabendazole, và T4 8 - thiametoxam vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất của thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn quy phạm 103 ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin						
142.	G/SPS/N/CAN/1559	ATTP, BVTV	Canada	21/6/2024	Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Bromoxynil (PMRL2024-11)	<p>Cơ quan Quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với bromoxynil, cụ thể như sau:</p> <table border="1"> <tr> <td>MRL (ppm)¹</td> <td>Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến</td> </tr> <tr> <td>0,02</td> <td>Củ hành, hành tươi</td> </tr> <tr> <td>0,01</td> <td>Tỏi tây</td> </tr> </table> <p>¹ppm= một phần triệu</p>	MRL (ppm) ¹	Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến	0,02	Củ hành, hành tươi	0,01	Tỏi tây
MRL (ppm) ¹	Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến											
0,02	Củ hành, hành tươi											
0,01	Tỏi tây											
143.	G/SPS/N/CAN/1558	ATTP, BVTV	Canada	21/6/2024	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Trifloxystrobin (PMRL2024-12)	<p>Cơ quan Quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với trifloxystrobin, cụ thể như sau:</p> <table border="1"> <tr> <td>MRL (ppm)¹</td> <td>Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến</td> </tr> <tr> <td>1,5</td> <td>Hành lá (nhóm cây trồng phụ 3-07B); kim ngân</td> </tr> <tr> <td>0,041</td> <td>Hành củ (nhóm cây trồng phụ 3-07A)</td> </tr> </table> <p>¹ppm= một phần triệu</p>	MRL (ppm) ¹	Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến	1,5	Hành lá (nhóm cây trồng phụ 3-07B); kim ngân	0,041	Hành củ (nhóm cây trồng phụ 3-07A)
MRL (ppm) ¹	Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến (RAC) hoặc sản phẩm đã qua chế biến											
1,5	Hành lá (nhóm cây trồng phụ 3-07B); kim ngân											
0,041	Hành củ (nhóm cây trồng phụ 3-07A)											
144.	G/SPS/N/BRA/2278 /Rev.1	BVTV	Bra-xin	21/6/2024	Sắc lệnh SDA/MAPA Số 1.129, ngày 14/6/2024.	Ban Thư ký thanh tra sức khỏe động, thực vật (SDA) - Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi (MAPA) ban hành Sắc lệnh SDA/MAPA Số 1.129 ngày 14/6/2024 về việc thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống zinnia (<i>Zinnia</i> spp.).						

B. DANH SÁCH CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS ĐÃ CÓ HIỆU LỰC

STT	Mã WTO	ĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
28.	G/SPS/N/THA/615 /Add.1	BVTV	Thái Lan	17/7/2024	Tiêu chuẩn nông nghiệp “Quy tắc thực hành về kiểm tra và tiếp nhận sàu riêng tại đơn vị thu gom và nhà đóng gói”	Ban hành Tiêu chuẩn “Quy tắc thực hành về kiểm tra và tiếp nhận sàu riêng tại đơn vị thu gom và nhà đóng gói” của Cục Tiêu chuẩn Thực phẩm và Hàng hóa Nông nghiệp Quốc gia (ACFS), Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã. Tiêu chuẩn này đã thông báo trong G/SPS/N/THA/615 ngày 9/2/2023 và được công bố trên Công báo Hoàng gia ngày 10/7/2024 và có hiệu lực từ ngày 10/7/2025.
29.	G/SPS/N/EGY/92 /Add.7	CLCB	Ai Cập	12/7/2024	Sửa đổi thời hạn sử dụng đối với thực phẩm	Nghị định số 361/2024 về việc kéo dài thời hạn sử dụng đối với cá đông lạnh và gan đông lạnh được quy định trong Tiêu chuẩn Ai Cập ES 2613-2/2008 về "Thời hạn sử dụng của các sản phẩm thực phẩm Phần 2: thời hạn sử dụng" thành 10 tháng đối với cá đông lạnh và 12 tháng đối với gan đông lạnh kể từ ngày giết mổ. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1/7/2024 đến ngày 31/12/2024. Lưu ý: - Nghị định số 100/2019 đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.1 ngày 3/6/2020; - Nghị định Bộ trưởng số 653/2020 đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.2 ngày 15/3/2021; - Nghị định Bộ trưởng số 222/2021 đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.3 ngày 20/9/2021; - Nghị định Bộ trưởng số 522/2021 đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.4 ngày 18/3/2022; - Nghị định Bộ trưởng số 393/2022 đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.5 ngày 25/8/2022 và - Nghị định Bộ trưởng số 233/2023 đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.6 ngày 21/7/2023, Đã được sửa đổi bởi Tiêu chuẩn này.

						<p>Tiêu chuẩn này đã được xây dựng theo các Nghiên cứu Quốc gia.</p> <p>Nhà sản xuất và nhà nhập khẩu cập nhật thông tin liên quan đến các tiêu chuẩn của Ai Cập thông qua công báo chính thức.</p> <p>Ngày thông qua: 27/6/2024</p> <p>Ngày có hiệu lực: 1/7/2024</p>
30.	G/SPS/N/MAR/97 /Add.1	CN, TS, TY	Maroc	11/7/2024	<p>Dự thảo Nghị định về chất lượng và an toàn thức ăn chăn nuôi</p> <p>Dự thảo Nghị định về chất lượng và an toàn thức ăn chăn nuôi thông qua Nghị định số 2-23-557 ngày 14/5/2024 về chất lượng, an toàn và ghi nhãn thức ăn chăn nuôi dùng làm thực phẩm.</p> <p>Xem chi tiết dự thảo tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/MAR/24_04519_00_f.pdf</p>	
31.	G/SPS/N/USA/3430 /Add.1	ATTP, TC	Hoa Kỳ	10/7/2024	<p>Thu hồi quy định cho phép sử dụng Dầu thực vật brom hoá (BVO) trong Thực phẩm; Quy tắc cuối cùng</p> <p>Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) đề xuất thu hồi quy định cho phép sử dụng dầu thực vật brom hóa (BVO) trong thực phẩm vì không chắc chắn việc sử dụng BVO như một thành phần thực phẩm tạo hương vị trong các đồ uống có hương vị trái cây có ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng? Quy định có hiệu lực từ ngày 2/8/2024.</p> <p>Chi tiết xem tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/USA/24_04454_00_e.pdf</p>	
32.	G/SPS/N/CAN/1396 /Add.2	TY, CN, TS	Canada	05/7/2024	<p>Bãi bỏ Quy định về thức ăn chăn nuôi năm 1983 và thay thế bằng Quy định về thức ăn chăn nuôi năm 2024</p> <p>Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada đã ban hành Quy định về Thức ăn chăn nuôi năm 2024, thay thế Quy định về Thức ăn chăn nuôi trước đó năm 1983. Những quy định hiện đại hóa này bao gồm một loạt các yêu cầu mới và cập nhật nhằm cải thiện sự an toàn của thức ăn chăn nuôi và quá trình sản xuất, phản ánh các thông lệ quốc tế và hỗ trợ đổi mới trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi. Quy định mới sẽ được thực hiện dần dần, thông qua việc lùi</p>	

					<p>thời hạn có hiệu lực hoặc giai đoạn chuyển tiếp để cho phép các bên liên quan thích ứng với các quy định mới. Các quy định mới bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">• Yêu cầu đối với điều chỉnh và thực hiện kế hoạch kiểm soát phòng ngừa, trong đó mô tả các mối nguy liên quan đến hàng hóa và hoạt động vận hành cũng như cách giảm thiểu những rủi ro (lùi thời hạn có hiệu lực 12 tháng);• Yêu cầu lưu giữ hồ sơ chi tiết để hỗ trợ quản lý rủi ro tốt hơn trong chuỗi cung ứng thức ăn chăn nuôi. Các bên sẽ cần lưu giữ hồ sơ điện tử hoặc giấy tờ về nơi mua và bán cho ai trong thời gian hai năm. (có hiệu lực chậm 12 tháng);• Cập nhật các tiêu chuẩn chung và an toàn cho thức ăn chăn nuôi để phản ánh tính khoa học, rủi ro, thực tiễn sản xuất và công nghệ hiện tại hơn;• Yêu cầu cấp phép đối với thức ăn chăn nuôi theo quy định và các hoạt động buôn bán thức ăn chăn nuôi giữa các tỉnh, xuất khẩu và nhập khẩu để bán (có hiệu lực chậm 18 tháng);• Cách tiếp cận cấp phép rõ ràng hơn và được mở rộng đối với thức ăn chăn nuôi, cụ thể là phê duyệt thành phần thức ăn chăn nuôi và đăng ký thức ăn hỗn hợp;• Ghi nhãn mới yêu cầu thông tin về sức khỏe và an toàn phải bằng cả ngôn ngữ chính thức và sử dụng mã nhận dạng (số lô) trên tất cả các nhãn thức ăn chăn nuôi (có hiệu lực ngay lập tức, với thời gian chuyển tiếp 1 năm)• Mở rộng phạm vi các loài vật nuôi tuân theo Đạo luật và Quy định về thức ăn chăn nuôi. Các loài sau đây sẽ được thêm: Các loài chim săn bắn (chim bồ câu, gà lôi, gà gô, chim cú, gà gô, gà sao và chim công), loài chim không biết bay, bò rừng bison, trâu nước, họ hươu nai, lạc đà không bướu, lạc đà alpacas, động vật thân mềm, động vật giáp xác và ong. Chồn và cáo được coi là động
--	--	--	--	--	---

						vật cung cấp thực phẩm. Gia súc, ngựa, cừu, dê, lợn, gia cầm (gà, gà tây, vịt và ngỗng), cá và thỏ sẽ tiếp tục trong phạm vi các loài vật nuôi; • Cập nhật và làm rõ các trường hợp miễn trừ khỏi Đạo luật và Quy định về Thức ăn chăn nuôi.
33.	G/SPS/N/BRA/2212 /Add.1	ATTP	Bra-xin	05/7/2024	Dự thảo Nghị quyết 1198, ngày 25/8/2023	Dự thảo Nghị quyết 1198, ngày 25/8/2023 được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2212 đã được thông qua bởi Hướng dẫn Quy phạm 306, ngày 1/7/2024. Quy định này thiết lập các tiêu chuẩn kỹ thuật, giới hạn tối đa và điều kiện sử dụng đối với phụ gia thực phẩm.
34.	G/SPS/N/BDI/43/Add.1G/ SPS/N/KEN/199/Add.1, G/SPS/N/RWA/36/Add.1, G/SPS/N/TZA/257/Add.1, G/SPS/N/UGA/240/Add.1	TY, CN	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 75: 2023, Thức ăn gia súc hỗn hợp — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ ba	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 75: 2023, Thức ăn gia súc hỗn hợp — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ ba, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024.
35.	G/SPS/N/BDI/42/Add.1, G/SPS/N/KEN/198/Add.1, G/SPS/N/RWA/35/Add.1, G/SPS/N/TZA/256/Add.1, G/SPS/N/UGA/239/Add.1	ATTP	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 1128: 2023, Bao bì Acesulfame Kali — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 1128: 2023, Bao bì Acesulfame Kali — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất đã, được thông qua vào ngày 14/6/2024.
36.	G/SPS/N/BDI/41/Add.1, G/SPS/N/KEN/197/Add.1, G/SPS/N/RWA/34/Add.1, G/SPS/N/TZA/255/Add.1, G/SPS/N/UGA/238/Add.1	BVTV	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 1129: 2023, Chiết xuất quế tự nhiên — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 1129: 2023, Chiết xuất quế tự nhiên – Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024.
37.	G/SPS/N/BDI/40/Add.1, G/SPS/N/KEN/196/Add.1, G/SPS/N/RWA/33/Add.1, G/SPS/N/TZA/254/Add.1, G/SPS/N/UGA/237/Add.1	BVTV	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 1130: 2023, Chiết xuất cà phê tự nhiên — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 1130: 2023, Chiết xuất cà phê tự nhiên — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024.

38.	G/SPS/N/BDI/39/Add.1, G/SPS/N/KEN/195/Add.1, G/SPS/N/RWA/32/Add.1, G/SPS/N/TZA/253/Add.1, G/SPS/N/UGA/236/Add.1	BVTV	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 1131: 2023, Chiết xuất cam tự nhiên — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 1131: 2023, Chiết xuất cam tự nhiên — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024.
39.	G/SPS/N/BDI/47/Add.1, G/SPS/N/KEN/203/Add.1, G/SPS/N/RWA/40/Add.1, G/SPS/N/TZA/261/Add.1, G/SPS/N/UGA/244/Add.1	TY, CN	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 55: 2023, Thức ăn hỗn hợp cho lợn — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ ba	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 55: 2023, Thức ăn hỗn hợp cho lợn — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ ba, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024.
40.	G/SPS/N/BDI/46/Add.1, G/SPS/N/KEN/202/Add.1, G/SPS/N/RWA/39/Add.1, G/SPS/N/TZA/260/Add.1, G/SPS/N/UGA/243/Add.1	TY, CN	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 90: 2023, Thức ăn gia cầm hỗn hợp — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ ba	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 90: 2023, Thức ăn gia cầm hỗn hợp — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ ba, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024.
41.	G/SPS/N/BDI/45/Add.1, G/SPS/N/KEN/201/Add.1, G/SPS/N/RWA/38/Add.1, G/SPS/N/TZA/259/Add.1, G/SPS/N/UGA/242/Add.1	TY, CN	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 974:2023, Thức ăn hỗn hợp cho dê lấy sữa — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 974:2023, Thức ăn hỗn hợp cho dê lấy sữa — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024
42.	G/SPS/N/BDI/44/Add.1, G/SPS/N/KEN/200/Add.1, G/SPS/N/RWA/37/Add.1, G/SPS/N/TZA/258/Add.1, G/SPS/N/UGA/241/Add.1	TY, CN	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 973 - 1: 2023, Thức ăn hỗn hợp cho cá – Đặc điểm kỹ thuật – Phần 1: Thức ăn cho cá rô phi và cá da trơn, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 973 - 1: 2023, Thức ăn hỗn hợp cho cá - Đặc điểm kỹ thuật - Phần 1: Thức ăn cho cá rô phi và cá da trơn, Ấn bản đầu tiên, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024.
43.	G/SPS/N/BDI/38/Add.1, G/SPS/N/KEN/194/Add.1, G/SPS/N/RWA/31/Add.1, G/SPS/N/TZA/252/Add.1, G/SPS/N/UGA/235/Add.1	BVTV	Các quốc gia Đông Phi	05/7/2024	DEAS 1132: 2023, Chiết xuất vani tự nhiên - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi - DEAS 1132: 2023, Chiết xuất vani tự nhiên — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên, đã được thông qua vào ngày 14/6/2024.

44.	G/SPS/N/BRA/2294 /Add.1	ATTP, BVTV	Bra-xin	02/7/2024	Dự thảo Nghị quyết 1246, ngày 21/3/2024	Dự thảo Nghị quyết 1246, ngày 21/3/2024 - được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2294, đã được thông qua bởi Hướng dẫn Quy phạm 305, ngày 28/6/2024. Quy định đề xuất đưa các hoạt chất sau: A29 - acetamiprid, A41 - amicarbazone, 26 - bifenthrin, C29 - chlorimuron ethyl , C36 - cyproconazol, C89 - cinmethyline, D06 - deltamethrin, D21 - diquat, D41 - iafentiuron, E26 - spiromesifen, F26 - fomesafem, F28 - fenpropathrin, F46 - flumioxazine, F48 - flazasulfurom, F69 - flupyradifurone, F71 - benzyl florpyraxifen, F72 - fluopyram, G05 - amoni glufosinate, I18 - isoxaflutole, I34 - isopyrazam, M17 - methomyl, T30 - thiodicarb, T32 - tebuconazole, và T54 - trifloxystrobin vào danh sách chuyên khảo về thành phần hoạt chất dành cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ.				
45.	G/SPS/N/JPN/1224 /Add.1	ATTP, TY	Nhật Bản	01/7/2024	Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn mức dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) cho tribromsalan được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1224 (ngày 7/8/2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023. Mức MRL được điều chỉnh giảm từ 0,04 ppm xuống còn 0,01 ppm trên một số sản phẩm từ gia súc Chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_04128_00_e.pdf				
46.	G/SPS/N/JPN/1223 /Add.1	ATTP, TY, CLCB	Nhật Bản	01/7/2024	Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn mức dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho Ormetoprim được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1223 (ngày 7/8/2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023. Cụ thể như sau: <table border="1" data-bbox="1304 1279 1969 1349"> <thead> <tr> <th data-bbox="1304 1279 1709 1317">Nhóm sản phẩm</th> <th data-bbox="1709 1279 1969 1349">Mức MRL mới (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table>	Nhóm sản phẩm	Mức MRL mới (ppm)		
Nhóm sản phẩm	Mức MRL mới (ppm)									

						<table border="1"> <tr> <td>Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (thịt bắp, nội tạng.v.v..)</td> <td>0,02-0,1</td> </tr> <tr> <td>Sản phẩm thủy sản</td> <td>0,1</td> </tr> </table> <p>Chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_04127_00_e.pdf</p>	Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (thịt bắp, nội tạng.v.v..)	0,02-0,1	Sản phẩm thủy sản	0,1
Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (thịt bắp, nội tạng.v.v..)	0,02-0,1									
Sản phẩm thủy sản	0,1									
47.	G/SPS/N/JPN/1222 /Add.1	ATTP, TY	Nhật Bản	01/7/2024	<p>Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn mức dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)</p>	<p>Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho cyphenothrin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1222 (ngày 7/8/2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023. Cụ thể như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nhóm sản phẩm</th> <th>Mức MRL mới (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (thịt bắp, nội tạng.v.v..)</td> <td>0,01</td> </tr> </tbody> </table> <p>Chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_04126_00_e.pdf</p>	Nhóm sản phẩm	Mức MRL mới (ppm)	Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (thịt bắp, nội tạng.v.v..)	0,01
Nhóm sản phẩm	Mức MRL mới (ppm)									
Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (thịt bắp, nội tạng.v.v..)	0,01									
48.	G/SPS/N/JPN/1221 /Add.1	ATTP, TY, CLCB	Nhật Bản	01/7/2024	<p>Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn mức dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)</p>	<p>Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho clostebol được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1221 (ngày 7/8/2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023, cụ thể, các sản phẩm có nguồn gốc động vật, thủy sản và mật ong trong quy định cũ được thiết lập ở mức 0,0005 ppm được nâng lên mức đồng nhất 0,01 ppm</p> <p>Chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_04125_00_e.pdf</p>				
49.	G/SPS/N/JPN/1220 /Add.1	ATTP, TY	Nhật Bản	01/7/2024	<p>Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn mức dư lượng</p>	<p>Đề xuất đưa hợp chất bismuth subnitrate là "Chất trong thực phẩm không gây ra bất kỳ ảnh hưởng xấu nào đến sức khỏe" được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1220 (ngày 7/8/2023), được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023.</p>				

					hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Chi tiết tại: https://members.wto.org/cnattachments/2024/SPS/JPN/24_04124_00_e.pdf																		
50.	G/SPS/N/JPN/1219 /Add.1	ATTP, BVTV, TY	Nhật Bản	01/7/2024	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn mức dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)	<p>Đề xuất mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với prothioconazole được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1219 (ngày 7/8/2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023, có hiệu lực vào 20/12/2024, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa mạch, lúa mạch đen, kiều mạch và các loại ngũ cốc khác: Giảm MRL từ 0,4 ppm xuống 0,3 ppm; - Ngô (bao gồm bông và ngô ngọt): Giảm MRL từ 0,4 ppm xuống 0,1 ppm; - Hạt cải dầu: Giảm MRL từ 0,2 ppm xuống 0,1 ppm; - Trứng gà và trứng gia cầm khác: Giảm MRL từ 0,006 ppm xuống 0,005 ppm; - Một sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ. <p>Chi tiết tại: https://members.wto.org/cnattachments/2024/SPS/JPN/24_04123_00_e.pdf</p>																		
51.	G/SPS/N/JPN/1217 /Add.1	ATTP, BVTV, TY	Nhật Bản	01/7/2024	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Điều luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)	<p>Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với fluxapyroxad được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1217 (ngày 7/8/2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023. Một số sản phẩm được điều chỉnh tăng, giảm hoặc giữ nguyên, cụ thể sự điều chỉnh như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Sản phẩm</th> <th>Mức MRL cũ (ppm)</th> <th>Mức MRL mới (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Khoai tây</td> <td>0,03</td> <td>0,07</td> </tr> <tr> <td>Khoai môn, khoai lang.v.v..</td> <td>0,02</td> <td>0,03</td> </tr> <tr> <td>Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)</td> <td></td> <td>0,5</td> </tr> <tr> <td>Nhóm quả có mùi</td> <td>1</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>Nhóm gia vị khác</td> <td>20</td> <td>7</td> </tr> </tbody> </table>	Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)	Khoai tây	0,03	0,07	Khoai môn, khoai lang.v.v..	0,02	0,03	Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)		0,5	Nhóm quả có mùi	1	4	Nhóm gia vị khác	20	7
Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)																						
Khoai tây	0,03	0,07																						
Khoai môn, khoai lang.v.v..	0,02	0,03																						
Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)		0,5																						
Nhóm quả có mùi	1	4																						
Nhóm gia vị khác	20	7																						

						<table border="1"> <tr> <td>Quả ôi</td> <td>7</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Đu đủ</td> <td></td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td></td> <td></td> </tr> </table> <p>Xem chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_04122_00_e.pdf <i>Tại Việt Nam, hoạt chất fluxapyroxad và penconazole được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</i></p>	Quả ôi	7	0,01	Đu đủ		1											
Quả ôi	7	0,01																						
Đu đủ		1																						
.....																								
52.	G/SPS/N/JPN/1216 /Add.1	ATTP, BVTV, TY, CLCB	Nhật Bản	01/7/2024	<p>Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Điều luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)</p>	<p>Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với fenamiphos được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1216 (ngày 7/8/2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023. Cụ thể, các sản phẩm được điều chỉnh mức đồng nhất 0,01 ppm, ngoại trừ một số sản phẩm như cải bắp, táo, chuối và mật ong.v.v.. được thiếp lập ở mức 0,05 ppm</p> <p>Chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_04121_00_e.pdf</p>																		
53.	G/SPS/N/JPN/1215 /Add.1	ATTP, BVTV, TY	Nhật Bản	01/7/2024	<p>Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn mức dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)</p>	<p>Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với dimethomorph được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1221 (ngày 7/8/2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 20/12/2023. Một số sản phẩm được điều chỉnh tăng, giảm hoặc giữ nguyên, cụ thể sự điều chỉnh như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Hàng hóa</th> <th>Mức MRL cũ (ppm)</th> <th>Mức MRL mới (ppm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đậu nành khô</td> <td>0,2</td> <td>0,04</td> </tr> <tr> <td>Đậu khô</td> <td>0,3</td> <td>0,2</td> </tr> <tr> <td>Cải bắp</td> <td>6</td> <td>0,038</td> </tr> <tr> <td>Hành, tỏi</td> <td>2</td> <td>0,6</td> </tr> <tr> <td>Cà tím, đậu bắp</td> <td>1</td> <td>2</td> </tr> </tbody> </table>	Hàng hóa	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)	Đậu nành khô	0,2	0,04	Đậu khô	0,3	0,2	Cải bắp	6	0,038	Hành, tỏi	2	0,6	Cà tím, đậu bắp	1	2
Hàng hóa	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)																						
Đậu nành khô	0,2	0,04																						
Đậu khô	0,3	0,2																						
Cải bắp	6	0,038																						
Hành, tỏi	2	0,6																						
Cà tím, đậu bắp	1	2																						

						<table border="1"> <tr> <td>Nhóm gia vị khác</td> <td>20</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>Quả ôi</td> <td>7</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Đu đủ</td> <td></td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>Quả khác</td> <td>1</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>Mật ong</td> <td></td> <td>0,05</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td></td> <td></td> </tr> </table> <p>Chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_04120_00_e.pdf</p>	Nhóm gia vị khác	20	7	Quả ôi	7	0,01	Đu đủ		2	Quả khác	1	2	Mật ong		0,05		
Nhóm gia vị khác	20	7																						
Quả ôi	7	0,01																						
Đu đủ		2																						
Quả khác	1	2																						
Mật ong		0,05																						
.....																								
54.	G/SPS/N/EU/729 /Add.1	TY, CN	Liên minh Châu Âu	25/6/2024	Rút khỏi thị trường một số phụ gia thức ăn chăn nuôi	<p>Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/729 (ngày 23/2/2024) được thông qua bởi Quy định (EU) 2024/1727 ngày 20/6/2024 về việc rút khỏi thị trường một số phụ gia thức ăn chăn nuôi</p> <p>Quy định có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau khi được công bố trên Tạp chí Chính thức của châu Âu.</p>																		

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn hoặc <https://docs.wto.org/>

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế, Vụ KHCN - Bộ CT); BVTV: Bảo vệ thực vật; CLCB: Chất lượng, chế biến; CN: Chăn nuôi; CT: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương; TY: Thú y. Các đơn vị rà soát kỹ nội dung thông báo dự thảo liên quan đến lĩnh vực quản lý để góp ý và triển khai thực hiện.